

NHỮNG CHUYỆN KỂ VỀ TẤM GIƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo kế hoạch số - KH/, ngày 0 / /2007 của Hội thi “**Báo cáo viên giỏi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**” - Công ty TNHH nhà nước một TV Kim loại màu Thái Nguyên

Được chọn lọc trong cuốn “**117 chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**” của Trung tâm thông tin công tác tư tưởng - Ban Tuyên giáo Trung ương, Hà nội-2007 để sử dụng tại Hội thi “**Báo cáo viên giỏi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**” trong Đảng bộ Công ty. Các câu chuyện dưới đây được đã được sắp xếp theo chủ đề để thí sinh các đơn vị tham khảo.

- * Lưu ý: + Chữ số in đậm không có ngoặc (ví dụ 1-) là dự kiến số thứ tự chuyện được sắp xếp theo chủ đề
- + Chữ số trong ngoặc vuông (ví dụ [6.]) là số thứ tự của câu chuyện trong cuốn “**117 chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**” do Trung tâm thông tin công tác tư tưởng - Ban Tuyên giáo Trung ương biên tập.

1- [6.] Tôi là người cộng sản như thế này!

Bác Hồ của chúng ta, từ sau khi bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba tại Đại hội Tua Đảng Xã hội Pháp đêm 30/12/1920, thì cũng từ giờ phút ấy, Người trở thành người cộng sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Từ người yêu nước trở thành người cộng sản, như Người đã nói rõ, là do trải qua thực tế đấu tranh và nghiên cứu lý luận, Người đã hiểu được rằng “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

Trong gần 50 năm mang danh hiệu người cộng sản, khi thuận lợi, lúc khó khăn, dù khi chỉ là một người thợ ảnh bình thường hay đã trở thành vị Chủ tịch nước đầy uy tín và danh vọng, ở buổi cách mạng thắng lợi ròn rã hay khi bị kẻ thù dồn dập phản kích, lúc nào Bác Hồ của chúng ta cũng tỏ ra là một người cộng sản kiên định, thủy chung, nghĩa khí, thắng không kiêu, bại không nản, vô cùng khiêm tốn nhưng cũng rất mực tự hào về danh hiệu người cộng sản của mình.

Đã có thời, có người nhấn mạnh quá đáng phẩm chất siêu việt của người cộng sản, cho rằng đó là những người có một tính cách *đặc biệt riêng*, v.v ... được cấu tạo bằng một chất liệu *đặc biệt riêng*. Không biết đó có phải là một trong những nguyên nhân đẻ ra cái gọi là “thói kiêu ngạo cộng sản” hay không?

Có điều chắc chắn rằng Bác Hồ của chúng ta không tán thành cách nói thậm xưng đó, nhất là vào khi Đảng cầm quyền, vào lúc cách mạng đang thuận lợi. Người nói: “Đảng viên chúng ta là những người rất tầm thường, vì chúng ta đều là con của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động... thế thôi. Chính vì chúng ta rất tầm thường nên Đảng ta rất vĩ đại”.

Người đã từng nói nhiều lần: Người cộng sản cũng là con người, nên có ưu, có khuyết, có tốt, có xấu.

“Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra”. “Cũng có những người hàng ngày lợi bùn mà trên mình họ có hơi bùn, vết bùn... Cần phải tắm rửa lâu mới sạch”. Vì vậy, Người dạy: Không phải cứ khắc lên hai chữ “cộng sản” là được nhân dân tín nhiệm đâu; phải khiêm tốn, không hiếu danh, không kiêu ngạo, phải nhớ mình vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ của nhân dân.

Bác Hồ của chúng ta, trong cuộc đời hoạt động cách mạng đi Âu về Á, đã từng giáp mặt với bao gian khổ, khó khăn (hai lần ngồi tù: 1931-1933 và 1942-1943), đã từng lãnh án tử hình vắng mặt (năm 1929); nhưng vì tin vào lý tưởng, tin vào nhân dân, tin ở chính mình, nên lúc nào Người cũng ung dung, tự tại, luôn thể hiện nhân cách cao đẹp của người cộng sản.

Năm 1931, khi Người bị giam trong nhà ngục Victoria của đế quốc Anh tại Hồng Kông hoặc khi bị bệnh phải đưa vào nhà thương, nhiều “ông bà” người Anh có quyền thế và cả một số nhân viên người Trung Quốc đã rủ nhau đến xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi “lạ lùng” của một người cộng sản! Cuối cùng, họ bắt gặp một nhân cách lớn mà họ rất khâm phục và sẵn lòng giúp đỡ từ đó.

Năm 1944, tại Liễu Châu, tuy Người được ra khỏi ngục Quốc dân Đảng, nhưng vẫn bị quản thúc vì họ biết Người là lãnh tụ cộng sản, không muốn thả cho về nước. Bác Hồ nói thẳng với Trương Phát Khuê: “Tôi là người cộng sản, nhưng điều mà tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do của nước Việt Nam”. Chính lòng yêu nước, đức độ và tài trí của Bác Hồ đã làm cho Trương cảm phục, trả lại tự do và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Người trở về Việt Nam.

Năm 1946, ở Paris, trong một cuộc họp báo, một nhà báo Pháp muốn làm giảm thiện cảm của những người Pháp không ưa cộng sản đối với Bác, bằng cách đưa ra một câu hỏi:

- Thưa Chủ tịch, Ngài có phải là cộng sản không?

Bác Hồ của chúng ta liền đi đến lẵng hoa bày trên bàn, vừa rút ra từng bông tặng mỗi người, vừa vui vẻ nói:

- Tôi là người cộng sản như thế này này!

Đó cũng là điều giúp ta có thể hiểu được vì sao mấy chục năm qua, thế giới có bao sự đổi thay, Bác Hồ vẫn luôn được cả thế giới tôn kính và ngưỡng vọng, coi như một biểu tượng cao cả của nhân đạo, chính nghĩa của hoà bình, một kiểu người cộng sản hài hoà giữa yêu nước và quốc tế, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hoá, phương Đông và phương Tây.

Có thể dẫn ra đây một ý kiến, trong rất nhiều ý kiến của nhà báo Mỹ Saphor-len, viết từ năm 1969:

“Trong rừng Việt Bắc, Cụ Hồ như một ông tiên. Nếu có ai bảo đây là một người cộng sản thì tôi có thể nói Cụ là một người cộng sản khác với quan niệm

chúng ta vẫn thường nghĩ; và theo tôi, có thể dùng một từ mới: Một người cộng sản phương Đông, một người cộng sản Việt Nam”.

Theo **Trần Hiếu Đức**

Nguồn: **Bác Hồ, con người và phong cách.**

Nxb Lao động, Hà Nội, 1993, tập 1

[15.] **Cách ứng đáp khẩn tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Năm 1946, một nhà văn là uỷ viên thường trực Ban vận động Đời sống mới đến gặp Hồ Chủ tịch để xin ý kiến Người về nội dung cuộc vận động. Bác Hồ nói nên vận động nhân dân thực hiện mấy chữ: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

- Thừa cụ, mấy chữ ấy rất hay nhưng nghe có vẻ cổ. Cụ có thể thay bằng mấy chữ khác không ạ?

- Thế com ông cha ta đã từng ăn hàng ngàn năm trước, hiện nay chú và tôi hàng ngày vẫn ăn, chú thấy có cổ không? Không khí ông cha ta đã từng hít thở, ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục hít thở, chú thấy có cổ không?

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mấy chục vạn quân Tưởng kéo vào tìm cách khiêu khích để lấy cớ tiêu diệt quân đội cách mạng Việt Nam. Bác Hồ triệu tập các vị lãnh đạo cao cấp để xử lý một vấn đề “hệ trọng”, Bác nói:

- Tướng T.V. của quân đội Trung Hoa dân quốc có gửi cho tôi một bức công văn, nội dung như sau:

*“Kính thưa cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà,
Yêu cầu cụ cho mượn một cái nồi nấu cơm”.*

Không cần phải nói, ai nấy đều có thể hình dung không khí tức giận bao trùm lên cuộc họp. Có những ý kiến đòi đánh.

Với phong thái bình tĩnh, ung dung, Bác Hồ nói: “Nền độc lập ta vừa mới giành được giống như một chiếc bình ngọc. Nay có những con kiến bò trên miệng bình, nếu ta dùng gậy đập kiến, chưa chắc kiến đã chết mà bình ngọc vỡ. Nếu ta lấy một cái que bắc cầu cho chúng xuống thì kiến sẽ đi hết, như vậy có hơn không? Còn trong sự việc vừa đem ra bàn, họ mượn cái nồi nấu cơm thì ta cho họ mượn, việc gì các chú phải nổi nóng như vậy?!”

Khoảng giữa năm 1949, một nhà báo Thái Lan trực tiếp phỏng vấn Hồ Chủ tịch để thăm dò xem Việt Nam đứng về phía nào trong cuộc chiến Quốc - Cộng ở Trung Quốc.

- Thừa Cụ Chủ tịch, nước Việt Nam của Cụ đứng về phía nào ông Tưởng hay ông Mao? Xin Cụ miễn cho câu trả lời “đứng trung lập”.

- Chúng tôi đứng trung lập. Cũng như Thái Lan của ông đang đứng trung lập giữa Anh và Mỹ!

- Nghe nói quân giải phóng nhân dân Trung Hoa đã gửi cho Cụ súng cối và súng liên thanh. Cụ đã nhận được chưa, nếu chưa thì cụ có ý định nhận không?

- Chúng tôi chưa nhận được gì hết. Còn đúng như ông nói là họ có ý định gửi cho chúng tôi thì trong trường hợp này, ông khuyên chúng tôi nên làm như thế nào?

Ngày 5/10/1959, ông Si-ra I-si Bôn, cố vấn biên tập báo A-xa-hi-sin-bun Nhật Bản phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều vấn đề, trong đó có việc Chính phủ Nhật Bản dự định bồi thường chiến tranh, mà phía Nhật lại chọn Việt Nam lúc đó do nguy quyền Sài Gòn kiểm soát làm đối tác. Câu hỏi và câu trả lời như sau:

Hỏi: Việc đàm phán về vấn đề bồi thường chiến tranh đã được tiến hành giữa Chính phủ Nhật Bản và Việt Nam. Ngay ở Nhật Bản cũng có người chỉ trích việc đàm phán này và tin tức cho biết Ngài không hài lòng.

Theo ý Ngài, nhân dân Nhật Bản cần được hiểu vấn đề này như thế nào? Theo ý Ngài, vấn đề này cần được giải quyết như thế nào mới đúng?

Trả lời: Trong cuộc Đại chiến lần thứ hai, quân phiệt Nhật Bản đã xâm chiếm nước Việt Nam và đã gây ra nhiều tổn thất cho nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam. Toàn thể nhân dân Việt Nam có quyền đòi hỏi Chính phủ Nhật Bản tiến hành đàm phán và ký kết bồi thường chiến tranh với chính quyền miền Nam Việt Nam là không hợp pháp.

Nhân dân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thấy rằng, việc đòi hỏi Nhật Bản bồi thường sẽ là một gánh nặng cho nhân dân Nhật Bản. Vấn đề cốt yếu trong quan hệ giữa hai nước không phải là việc đòi bồi thường, mà tinh đoàn kết hợp tác giữa hai dân tộc Việt - Nhật đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình là quý hơn hết.

Nguồn: **Trần Thành - Huệ Chi**

Báo **An ninh Thủ đô**, số 562, ngày 20/2/2001

2- [8.] “Vừa đẹp vừa đỡ chói mắt đồng bào...”

Năm 1956, Bác Hồ đón một vị Tổng thống tại khu vườn Phủ Chủ tịch.

Một số công nhân Nhà máy đèn Hà Nội được Bác “mời vào mắc đèn điện trên các cành cây giúp Bác”.

Anh em làm việc suốt ngày, ròng dây dẫn điện lắp đèn nhiều loại màu sắc trên ngọn, trên cành trong các lùm cây.

Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, Bác ra vườn thăm anh em. Bác nói:

- Các chú bật đèn lên cho Bác xem đi.

Sau khi đóng cầu dao, những bóng đèn điện bỗng vụt hiện lên, lung linh như trong một hội hoa đăng. Đồng chí tổ trưởng công nhân điện mời Bác đi xem và kiểm tra.

Bác chú ý từng ngọn đèn, từng đoạn dây dẫn đã an toàn chưa, gật đầu tỏ ý hài lòng.

Đến một đèn pha chiếu sáng đặt dưới một gốc cây, Bác dừng lại nói:

- Ngọn đèn này phải để khuất trong lùm cây, vừa đẹp vừa đỡ chói mắt đồng bào đi qua đường.

Bác nhanh nhẹn bước tới ngọn đèn. Đồng chí tổ trưởng Dương Văn Hậu lo Bác vấp ngã vì đôi guốc mộc dưới chân Bác đi trên đường rải sỏi, chạy vội đến:

- Bác để chúng cháu làm.

Nhưng Bác đã cúi xuống, rất “nghề nghiệp”, hai bàn tay bưng lấy thân ngọn đèn pha dầu vào một lùm cây đinh hương.

Ngọn đèn pha mới được đặt, đẹp hẳn lên, người ngoài nhìn vào không bị chói mắt, mà chỉ thấy những tia sáng chiếu qua các kẽ lá hắt lên một màu xanh dịu.

Lần sau, anh em nhà máy điện Hà Nội lại được đến Phủ Chủ tịch mắc đèn dây để Bác tiếp khách.

Rút kinh nghiệm lần trước, lần này anh em làm khác hẳn lối treo đèn cũ, như để thưa với Bác “phải luôn luôn đổi mới, không ngừng phát huy sáng kiến” - như lời Bác dạy.

Anh em đặt một dây đèn màu từ dưới gốc cây dừa nước lên ngọn rồi toả ra các cành, mỗi cành có một đèn màu khác nhau. Ở các thân cây có quả đèn màu trắng, cành cây đèn màu xanh, gần quả, một chùm đèn màu đỏ. Chéch hai bên đặt hai đèn pha dầu trong lùm cây hắt nghiêng lên.

Như lần trước, vừa chập tối, Bác đã đến trước khách, thăm anh em công nhân điện và kiểm tra, Bác khen:

- Lần này các chú mắc đẹp đấy. Chắc khách quý của chúng ta cũng sẽ khen...

Bác lấy thuốc lá chia cho anh em công nhân điện mỗi người một điếu (sau này được biết là thuốc lá thơm Cu-ba do thủ tướng Phi Đen Cát-xtrô tặng Bác. Bác chia gần hết hộp thuốc. Một công nhân trẻ, thấy Bác vui, hộp thuốc đã cạn, muốn có một kỷ niệm về Bác, mạnh dạn thưa với Bác xin cái hộp. Bác cười và nói:

- Các chú đã có phần rồi. Cái hộp này Bác để dành cho các cô để các cô đựng kim chỉ chứ!

Theo **Minh Anh**

Viết theo lời kể của **Dương Văn Hậu** Sdd, T2, trg 123

[51.] Bác không thăm những người như mẹ con thím thì còn thăm ai?

Thấy người lạ, mấy em quay ra nhìn tôi. Em lớn, cặp mắt như dò hỏi nhưng vẫn lễ phép:

- Cháu chào bác ạ!

- Mẹ cháu đâu? - Tôi vội hỏi.

- Bác ạ, bác hỏi gì cháu? - Chị Chín từ trong bếp đi ra, vai quây đôi thùng, có lẽ chị đi gánh nước để sớm mai khỏi bị “đông”.

Chị vừa trả lời vừa nhìn tôi hơi ngạc nhiên, tôi vội bảo:

- Chị ạ, chị ở nhà...

Chị Chín có vẻ lo lắng, quay lại nhìn lũ trẻ. Hình như chị lo lũ trẻ nghịch dại nên cán bộ tới chăng? Tôi vội bảo thêm:

- Chị ở nhà, có khách đến thăm Tết đấy!

Vừa lúc ấy, Bác đã bước vào. Chị Chín sững sốt nhìn Bác. Chiếc đòn gánh bỗng rơi khỏi vai chị. Chiếc thùng sắt reo xuống đất kêu loảng xoảng. Tôi vội xếp lại hộ chị. Mấy cháu nhỏ kêu lên: “Bác, Bác Hồ” rồi chạy lại quanh Bác.

Lúc này chị Chín mới như chợt tỉnh, chị chạy tới ôm choàng lấy Bác và bỗng nhiên khóc nức nở. Đôi vai gầy sau làn áo nâu bạc rung lên từng đợt.

Bác đứng lặng, hai tay Người nhẹ vuốt lên mái tóc chị Chín. Chờ cho chị bớt xúc động, Người an ủi:

- Năm mới sắp đến, Bác đến thăm thím, sao thím lại khóc?

Tuy cố nén, nhưng chị Chín vẫn không ngừng thôn thức, chị nói:

- Có bao giờ... có bao giờ Chủ tịch nước lại tới thăm nhà chúng con..., mà bây giờ mẹ con chúng con lại được thấy Bác ở nhà. Con cảm động quá! Mừng quá... thành ra con khóc...

Bác nhìn chị Chín, nhìn các cháu một cách trìu mến và bảo:

- Bác không tới thăm những người như mẹ con thím thì còn thăm ai?

Người xoa đầu các cháu và cho các cháu kẹo, rồi hỏi chị Chín:

- Thím hiện nay làm gì?

- Dạ, cháu làm phu khuân vác ở Văn Điển ạ!

- Như vậy là làm công nhân chứ! Sao gọi là phu?

- Vâng ạ, cháu trót quen miệng như trước kia.

- Thím vẫn chưa có công việc ổn định à?

- Dạ, cháu đã ngoài ba mươi tuổi, lại kém văn hoá nên tìm việc có nghề nghiệp cũng khó.

Bác quay nhìn đồng chí Phó bí thư Thành uỷ và đồng chí Chủ tịch Uỷ ban hành chính thành phố Hà Nội. Bác lại hỏi:

- Mẹ con thím có bị đói không?

- Thừa Bác, hồi Tây còn ở đây thì dầu có cả bố cháu cũng vẫn đói ạ! Bây giờ bố cháu mất rồi, nhưng đói thì không ngại, rét cũng không lo, song việc chi tiêu thì còn chật chiu lắm ạ!

Nói tới đây thì chị lại rơm rớm nước mắt.

Bác chỉ vào cháu lớn nhất và hỏi:

- Cháu có đi học không?

- Dạ, cháu đang học lớp bốn ạ! Cháu nó vất vả lắm! Sáng đi học, chiều về phải trông các em và đi bán kem, hoặc đi bán lạc rang để đỡ đàn cháu... Còn cháu thứ hai thì học lớp ba, cháu thứ ba học lớp hai. Dạ, khó khăn nhưng vợ chồng cháu trước đã dốt nát, nay cũng phải cố để cho các cháu đi học.

Bác tỏ ý bằng lòng. Người ân cần dặn dò việc làm ăn và việc học tập cho các cháu. Nhân dân trong ngõ đã tới vây quần trước sân. Bác bước ra thăm hỏi và chúc Tết bà con. Mọi người cùng mẹ con chị Chín theo tiễn Bác ra xe. Khi chiếc xe từ từ lăn bánh, mấy mẹ con chị vẫy chào Bác, nhưng nét mặt chị Chín vẫn bàng hoàng như việc Bác vào thăm Tết nhà chị không rõ là thật hay hư.

Trên xe về Phủ Chủ tịch, vầng trán mênh mông của Người còn đượm những nét suy nghĩ. Tôi khẽ trình bày với Bác:

- Thưa Bác, năm nay Thành uỷ Hà Nội đã đề ra mười vạn đồng trợ cấp cho các gia đình thiếu.

Bác quay lại nhìn tôi rồi bảo:

- Bác biết, nhưng muốn cho mọi người vui Tết, trước hết phải lo cho ai cũng có việc làm. Phải chú ý những người có khó khăn đặc biệt.

Kể chuyện Bác Hồ Sdd, T.4, tr. 11

3- [19.] Bác Hồ với Trung thu độc lập đầu tiên

Chiều hôm đó, thứ 6, ngày 21/9/1945 tức ngày 15/8 năm Ất Dậu, tan giờ làm việc, Bác bảo đồng chí thư ký về nhà trước, còn Bác ở lại Bắc Bộ phủ để đón các em thiếu nhi vui Tết Trung thu.

Ngay từ chiều, Bác đã cho mời đồng chí Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền và một đồng chí phụ trách thiếu nhi của Thanh niên đến hỏi về tổ chức Trung thu tối nay cho các em. Nghe báo cáo chỉ có ba địa điểm xung quanh Hồ để bày mâm cỗ cho hàng vạn em, Bác bảo các anh chị phụ trách phải tổ chức thật khéo để em nào cũng có phần. Về chương trình vui chơi, Bác khen là có nhiều cố gắng về mặt hình thức và căn dặn là phải đảm bảo an toàn, nhất là đối với các em nhỏ.

Sau đó, Bác trở về phòng làm việc của mình trên căn gác 2 ở Bắc Bộ phủ. Nhưng chốc chốc Bác lại hỏi:

- Các em đã tập trung đủ ở Hồ chưa?

Trăng đã bắt đầu lên. Bác Hồ ra đứng ở cửa ngắm đêm trăng và lắng nghe tiếng trống rộn ràng từ các đường phố vọng đến. Ai mà biết được niềm vui lớn đêm nay của Bác Hồ, người chiến sĩ cách mạng đã bôn ba khắp năm châu, bốn bể, ném mật năm gai, vào tù ra tội, chỉ nhằm một mục đích duy nhất là đem lại độc lập cho Tổ quốc, no ấm cho nhân dân và đặc biệt, cháy bỏng trong lòng Người là niềm mong ước hạnh phúc ấm no cho lớp trẻ thơ.

Đêm nay, giữa lòng Hà Nội, ngay trong Dinh Chủ tịch, Bác Hồ hồi hộp chuẩn bị đón tiếp “Bầy con cưng” của mình.

Trước Trung thu mấy hôm, Bác đã viết một lá thư dài gửi các em nhân ngày tựu trường.

...

Liên sau đó, Bác lại viết “Thư gửi các cháu thiếu nhi” nhân dịp Tết Trung thu. Thư viết trước Trung thu một tuần lễ để kịp đến với các em khắp các miền đất nước. Bác Hồ bao giờ cũng chu đáo như thế.

Và đêm nay, Trung thu đã thực sự đến trong nỗi bồi hồi mong đợi của Bác. Theo chương trình thì đúng 21 giờ các em mới đến vui chung với Bác Hồ. Thế mà lúc này chưa đến 20 giờ Bác đã bồn chồn đi lại trong phòng, xem lại đề cương bài phát biểu lát nữa sẽ nói với các em, xem lại những tấm ảnh lát nữa Bác sẽ tặng cho mỗi em một tấm... Thật khó mà hình dung được một cụ già đã gần tuổi 60, một vị Chủ tịch nước, một nhà hoạt động quốc tế nổi tiếng, một con

người vốn có bản lĩnh ung dung, bình thản trong mọi tình huống, đêm nay lại nóng lòng chờ đợi, gặp gỡ các em nhỏ như vậy.

Hồ Hoàn Kiếm tung bừng náo nhiệt. Những bóng điện lấp lánh trong các vòm cây. Hàng ngàn, hàng vạn đèn giấy trên tay các em soi bóng xuống mặt hồ. Trên đỉnh Tháp Rùa rực sáng ánh điện với băng khẩu hiệu “Việt Nam độc lập”.

Đúng 20 giờ, lễ Trung thu độc lập đầu tiên bắt đầu. Sau lễ chào cờ, một em đại diện cho hàng vạn thiếu nhi Hà Nội phát biểu niềm vui sướng được trở thành tiểu chủ nhân của đất nước độc lập. Tiếp đó đồng chí Trần Huy Liệu, đại diện Chính phủ, trình trọng đọc thư của Bác Hồ gửi thiếu nhi, căn dặn các em cố gắng học tập để xứng đáng với sự quan tâm, chăm sóc của Bác.

Buổi lễ kết thúc, các đoàn đội ngũ chỉnh tề đều bước trong tiếng trống vang vang hướng về Bắc Bộ phủ. Dẫn đầu đoàn là những đội múa lân, múa sư tử cùng hàng ngàn, hàng vạn chiếc đèn giấy lung linh uốn lượn như một dòng sông sao...

Đúng 21 giờ các em có mặt trước Bắc Bộ phủ. Bác Hồ xuất hiện tươi cười, thân thiết. Tiếng hoan hô như sấm dậy. Tiếng trống rộn ràng. Sư tử lại nhảy múa. Tất cả sung sướng hò reo. Chúc mừng Bác Hồ kính yêu.

Bác Hồ xúc động bước xuống thêm đón các em, tiếng hoan hô lại dậy lên. Một em đứng trước máy phóng thanh đọc lời chào mừng. Đọc xong em hô to “Bác Hồ muôn năm!”. Lập tức tiếng hô “Muôn năm” rền vang không ngớt.

Bác Hồ giơ cao hai tay tỏ ý cảm ơn các em rồi Bác lần lượt đến bắt tay từng em đứng hàng đầu. Cặp mắt của Bác ánh lên một niềm vui đặc biệt. Trong lúc ở phía ngoài, các đoàn “xe tăng”, các binh sĩ của Hai Bà Trưng, của Đinh Bộ Lĩnh, các đội sư tử với rất nhiều em đeo mặt nạ... ùn ùn kéo vào dinh của Chủ tịch trong tiếng trống hò reo vang dậy, khu vườn Phủ Chủ tịch bỗng nhiên im phăng phắc khi đồng chí phụ trách giới thiệu Bác Hồ sẽ nói chuyện với các em.

Bằng giọng xứ Nghệ có pha lẫn giọng các miền của đất nước, Bác thân thiết trò chuyện với các cháu: “Các cháu! Đây là lời Bác Hồ nói chuyện...”

Cuối cùng Bác nói: Trước khi các cháu đi phá cỗ, ta cùng nhau hô hai khẩu hiệu: “*Trẻ em Việt Nam sung sướng!*”, “*Việt Nam độc lập muôn năm!*”.

Tiếng hô hưởng ứng của các em rền vang cả một vùng trời.

Trăng rằm vàng vạc toả sáng. Niềm vui tràn ngập cả Hà Nội, Bác Hồ vui sướng đứng nhìn các em vui chơi.

Ai hiểu được hết niềm vui của Bác Hồ lúc này. Bao nhiêu năm xông pha chiến đấu, phải chăng Bác cũng chỉ mong ước có giây phút sung sướng như đêm nay.

“Trẻ em Việt Nam sung sướng!” Khẩu hiệu đó của Bác Hồ cách đây 45 năm, vẫn đang là mục tiêu phấn đấu của các thế hệ hôm nay và mãi mãi mai sau.

Vũ Kỳ - Báo Hà Nội mới số ra ngày thứ tư 03/10/1990

4- [21.] Ba lần được gặp Bác Hồ.

Hồ Thị Thu kể:

Khi cháu ở trong Nam, cháu được nghe các chú đọc lời dạy của Bác Hồ, cháu càng thương nhớ Bác nhiều. Cháu và các bạn cháu mong sao nước nhà thống nhất, cùng đồng bào miền Nam đón Bác vào thăm. Qua thời gian chiến đấu, cháu được Đảng, Mặt trận cho ra miền Bắc để học tập, cháu vinh dự được gặp Bác.

Lần đầu cháu được gặp Bác, Bác hỏi cháu đã biết chữ chưa. Cháu vòng tay trả lời Bác mà cháu nói không nên lời, vì cháu cảm động quá. Sau, cháu cố gắng trả lời để Bác nghe:

- Dạ thưa Bác, cháu chưa biết chữ nào ạ. Vì gia đình cháu nghèo, ba má cháu mất sớm, cháu đông em nên không được đi học.

Vừa nói xong, cháu ngược lên nhìn Bác. Hai hàng nước mắt Bác rung rung làm cho cháu càng thêm cảm động hơn.

Lần thứ hai cháu được gặp Bác. Bác hỏi cháu:

- Đồng bào miền Nam đấu tranh và chiến đấu như thế nào?

Cháu liền đứng lên vòng tay lại:

- Dạ, thưa bác, đồng bào miền Nam đấu tranh không sợ gian khổ, chiến đấu không sợ bị thương, không sợ hy sinh, mà chỉ sợ mù hai mắt, sau này nước nhà thống nhất, Bác vào thăm không nhìn thấy Bác.

Cháu ngược nhìn lên lại thấy Bác rung rung nước mắt. Bữa ấy Bác cho cháu ăn cơm. Cháu ngồi bên Bác, Bác gấp thức ăn cho cháu...

Lần thứ ba, cháu được gặp Bác ở hội trường Ba Đình. Cháu mừng rỡ chạy lại ôm và hôn Bác. Bác hỏi cháu:

- Kỳ này cháu có ăn được cơm không, ăn được mấy bát?

Cháu đáp:

- Dạ, thưa Bác, cháu ăn được hai bát ạ!

- Ăn thế là ít đấy! Cố ăn nhiều cho khoẻ vào.

Bác dặn thêm cháu phải giữ gìn sức khỏe cho thật tốt, đoàn kết tốt, thương yêu đồng đội tốt, phải nghe lời các cô, các chú dạy bảo.

Sau những giờ phút quý báu ấy cháu ra về, không muốn rời Bác, chỉ mong sao gần Bác luôn luôn.

Ngày tháng qua đi, bệnh của cháu lại phát triển, nên các chú đưa cháu vào viện. Được tin ấy, Bác điện vào thăm cháu. Lúc ấy bệnh cháu quá nặng, đến khi cháu tỉnh dậy, các chú nói lại, cháu vô cùng xúc động, vì Bác bao nhiêu là công việc mà Bác còn quan tâm đến sức khỏe của cháu. Thời gian sau cháu xa Hà Nội về trường học, hàng ngày cháu luôn thực hiện lời Bác dạy.

**Hồ Thị Thu – Dũng sĩ thiếu niên miền Nam.
Đời đời ơn Bác. NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1970.**

[23.] Những khách “đặc biệt” của Bác Hồ.

Vào một buổi sáng mùa thu tháng tám năm 1990, trong đoàn người kéo dài vô tận vào thăm nhà sàn, nơi Bác Hồ kính yêu đã từng sống và làm việc, có hai

cha con người Pháp. Người phụ nữ ngoài 50 tuổi, gương mặt sáng, nụ cười tươi tắn, dáng người mảnh mai, đi bên người cha có gương mặt đôn hậu, chất phác. Đó là hai cha con ông Ô-brắc, một gia đình người Pháp có nhiều kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ. Người phụ nữ mảnh mai kia là Ê-li-da-bét, người con gái đỡ đầu của Bác Hồ. Đi cùng với dòng người ngắm nhìn vườn cây ao cá, dừng chân hồi lâu bên nhà sàn, ông Ô-brắc bảo với con gái của mình:

- Đây là toàn bộ gia tài của người cha đỡ đầu của con đó, con có hiểu không con?

Những giọt lệ lăn trên má chị. Chẳng lẽ Bác Hồ – người cha đỡ đầu của chị không có một cái gì khác ngoài căn nhà sàn đã đi vào huyền thoại về lối sống trong sáng, giản dị, vườn cây ao cá và thiên nhiên xanh ngắt quanh mình. Điều khó tin nhưng có thật. Mới đó mà đã 54 năm trôi. Biết bao kỷ niệm về Bác Hồ kính yêu không bao giờ phai mờ, nhạt nhòa trong ký ức của mỗi thành viên trong gia đình chị. Nhìn những em bé như bầy chim non vào Lăng viếng Người, chị càng hiểu sâu sắc câu nói không chỉ ở Việt Nam, mà ở khắp mọi nơi trên trái đất, nơi Bác Hồ đã từng đến, ai ai cũng thuộc:

“Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh”.

... Ngày ấy, khi chị mới ra đời trong một nhà hộ sinh ở một làng thuộc ngoại ô Pa-ri. Lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang có mặt trên đất Pháp với tư cách là một thượng khách của Chính phủ Pháp. Báo chí xuất bản ở Thủ đô Pa-ri hoa lệ đều trang trọng in trên đầu trang nhất bức chân dung của Bác Hồ với những hàng tit lớn trang trọng.

Hội nghị Phong-ten-nơ-blô đang họp, Bác Hồ là thượng khách, tâm trí Người luôn hướng tới việc giành lại nền hoà bình, độc lập cho dân tộc, vấn đề Nam Bộ “là máu thịt của Việt Nam”. ở trong toà lâu đài sang trọng, Bác Hồ cảm thấy không thoải mái vì không có vườn cây, thiếu hoa lá, thiên nhiên. Khi ông Ô-brắc đề nghị Bác đến ở tại ngôi nhà cổ kính của ông ở ngoại vi Pa-ri, Bác Hồ đã nhận lời dọn đến ở 6 tuần lễ.

Nơi đây, cứ chiều chiều sau giờ hội đàm, gặp gỡ với các chính khách, Bác Hồ thường dắt cháu Giăng Pi-e, 7 tuổi, con trai đầu lòng của ông bà Ô-brắc chủ nhà, đi dạo chơi khắp làng, thăm hỏi đời sống của bà con lao động, nói chuyện với ông lão trồng hoa, vui đùa với các em bé vùng ngoại ô. Có buổi trưa, ông Ô-brắc còn thấy Bác Hồ đang cùng con trai ông, Giăng Pi-e nghỉ trưa thanh thản trên bãi cỏ trong vườn.

Chính trong dịp này, vào ngày 15/8/1946, gia đình ông Ô-brắc đón một tin vui mới: cô con gái út vừa chào đời. Được tin này, Bác Hồ ngồi trên xe có hộ tống đến tận nhà hộ sinh chúc mừng bà Ô-brắc và cháu bé mới sinh. Bác Hồ đặt tên cho cháu bé là Ba-bét và nhận cháu làm con gái đỡ đầu của Người.

Từ ngày xa Pa-ri, xa vùng ngoại vi Pa-ri trở về nước, dù bận trăm công ngàn việc, lãnh đạo nhân dân Việt Nam trong công cuộc trường kỳ kháng chiến và những năm hoà bình ở miền Bắc cũng như cuộc đấu tranh chống Mỹ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bác Hồ vẫn luôn dành tình cảm của mình cho con gái đỡ đầu Ba-bét. Tháng 6/1967, ông Ô-brắc được Hội đồng các

nhà bác học thế giới họp ở Pa-ri nhờ chuyển đến Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thông điệp. Gặp lại ông Ô-brắc giữa những ngày Hà Nội đang chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Bác Hồ rất vui và không quên hỏi thăm về người con gái đỡ đầu Ba-bét của mình. Ông Ô-brắc chuyển cho Người món quà mà chị Ba-bét nhờ gửi đến cha đỡ đầu: một chiếc hộp vuông bên trong đựng một quả trứng được làm từ thứ đá quý. Theo chị cho biết thì “quả trứng đó là biểu hiện của sự sống, tương lai và hoàn hảo. Cha đỡ đầu là hiện thân của những điều đó”. Khi chia tay, Bác Hồ gửi một tấm lụa nhờ ông Ô-brắc chuyển cho “con gái đỡ đầu của tôi để cháu may áo cưới”.

Hàng năm chị Ba-bet vẫn gửi thư đều cho Bác Hồ. Ngày Bác qua đời, cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân loại yêu chuộng hoà bình, cả gia đình ông Ô-brắc vô cùng thương tiếc Người. Bao nhiêu kỷ niệm, những món quà Bác gửi cho chị Ba-bét vẫn còn đó; bức ảnh nhỏ của Người, các con vật dễ thương bằng ngà, bằng sứ, tấm lụa Bác gửi để chị may áo cưới... vẫn còn đây. Và lần này, chị được sang thăm đất nước, thăm nơi ở, nơi làm việc của người cha “đỡ đầu về tinh thần” của mình...

Khi nghe chị thuyết minh nói rằng hai hàng ghé đá và bể cá vàng là nơi Bác Hồ thường dùng để tiếp khách tí hon, “khách đặc biệt” của mình, chị Ba-bét nước mắt tuôn trào. Chị lặng lẽ ngồi xuống tấm ghế đá mát lạnh, mắt nhìn những con cá vàng tung tăng bơi lội trong bể, thả lòng mình trong những hoài niệm không bao giờ quên về Người. Tình thương bao là của Bác vẫn dành cho tất cả mọi người, đặc biệt nhất vẫn là những em nhỏ “như búp trên cành”. Chị Ba-bét cũng là một trong những “cháu bé” ngày nào đã được sưởi ấm bằng “muôn vàn tình thương yêu của Bác”.

Nguồn: **Kim Dung.**

Hồ Chí Minh bên Người toả sáng, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1977.

5- [25.] Quà của Bác Hồ tặng cháu.

Ngày tết dương lịch năm 1960, mọi người lên Phủ Chủ tịch để chúc Tết Bác Hồ. Các cơ quan, đoàn thể trong nước, đoàn ngoại giao và Uỷ ban Quốc tế đều đến đông đủ.

Vẫn trong bộ ka-ki giản dị, với phong thái ung dung, chủ động, Bác đáp lễ vui vẻ và nói lời chúc mừng.

...Sau tiệc ngọt, Bác cầm lấy một quả táo to cùng một túi kẹo đứng lên...

Bác đi đến chỗ ông đại sứ Ấn Độ và hỏi:

- Ngài đại sứ có đưa phu nhân sang đây không?

Vị đại sứ râu hùm, hàm én, lẫm liệt oai phong là vậy mà lúc ấy, vì vô cùng xúc động trước vinh dự bất ngờ, bỗng lộ vẻ lúng túng, ấp úng đáp:

- Thưa Chủ tịch... cảm ơn Chủ tịch... Tôi chỉ đưa theo sang đây cháu trai năm nay chín tuổi.

- Thế thì - Bác Hồ nói - tôi gửi ông mang về cho cháu quả táo này và gửi cháu những cái hôn.

Mọi người đều xúc động và vô cùng cảm phục một cử chỉ vừa thân mật, tự nhiên của Hồ Chủ tịch.

Rồi quay lại phía khách nước ngoài, Bác nói:

- Tết nhất, ở nhà các vị chẳng thiếu thứ gì. Nhưng xin các vị hãy cầm lấy chút hoa quả ở trên bàn và mang về gọi là quà của Bác Hồ tặng các cháu ở nhà.

Cả phòng khách ồn ào nhộn nhịp hẳn lên. Khách nước ngoài, khách trong nước ủa đến bàn tiệc cầm lấy lê, táo, bánh kẹo, nét mặt hớn hởi.

Theo câu chuyện **Quả táo Bác Hồ**. Sđđ,T.2.tr177.

[26.] Một cuộc đối thoại sinh động.

Một lần, thăm trại thiếu nhi Tiệp Khắc gần Pra-ha, Bác Hồ đã có một cuộc đối thoại sinh động với các cháu:

- Các cháu thân mến! Các cháu có biết Bác là ai không?
- Anô (Có ạ). Strycek Hồ! (Bác Hồ). Các cháu ríu rít trả lời.
- Bác từ nước nào đến?
- Việt Nam! Tất cả đồng thanh nói to.
- Các cháu có yêu học tập không?
- Anô!
- Có yêu lao động không?
- Anô!
- Bác Hồ rất yêu các cháu. Các cháu có yêu Bác Hồ không?
- Anô!

Nhiều cháu chen nhau xin được hôn Bác, Bác cười đôn hậu nói vui:

- Bác Hồ gầy, các cháu hôn Bác nhiều quá, Bác sẽ gầy hơn. Các cháu hãy cử đại biểu đến hôn Bác vậy.

Tất cả cười ngặt nghẽo.

**Lê Bá Thuyên – Chủ tịch Hồ Chí Minh
sứ giả cho tình hữu nghị**, Sđđ,T.2,tr.181.

[86.] Quả táo Bác Hồ cho em bé.

Tháng 4 năm 1964, với danh nghĩa là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bác Hồ sang Pháp để đàm phán với chính phủ Pháp về những vấn đề có liên quan đến vận mệnh của đất nước. Ông Đốc Lý thành phố Pa-ri mở tiệc long trọng thiết đãi Bác Hồ. Trước khi ra về, Người chọn lấy một quả táo đẹp trên bàn, bỏ vào túi. Mọi người, kể cả ông Đốc Lý đều kinh ngạc chú ý tới việc ấy, ngạc nhiên và không giấu được sự tò mò. Khi Bác Hồ bước ra khỏi phòng, rất đông bà con Việt kiều và cả người Pháp nữa đang đứng đón Bác. Bác chào mọi người. Khi Bác trông thấy một bà mẹ bế một cháu nhỏ cố lách đám đông lại gần, Bác liền giơ tay bế cháu bé và đưa cho cháu bé quả táo. Cử chỉ của Bác Hồ đã làm những người có mặt ở đó từ chỗ tò mò ngạc nhiên đến chỗ vui mừng và cảm phục về tấm lòng yêu trẻ của Bác.

Trích trong “**Bác Hồ với thiếu nhi và Phụ nữ**”. Sđđ,tr.103.

[27.] Cháu của Bác Hồ.

Vừa là người lo toan thể hệ nối tiếp cho tương lai, vừa là người thân chăm lo cho con cháu, có lẽ cũng vì vậy, mà dân ta, già trẻ, lớn bé đều gọi Người là Bác. Mà không chỉ nhân dân ta!

Rô-met Chăn-đra, nguyên Chủ tịch Hội đồng hoà bình thế giới đã phát biểu trong dịp dự Hội nghị quốc tế “Việt Nam và thế giới” những lời chân tình, thân thiết: “Ồ Việt Nam, các bạn tự xưng rất đúng mình là cháu của Bác Hồ. Các bạn đã cho phép chúng tôi thay mặt hàng trăm triệu nhân dân thế giới được có mặt hôm nay tại đây. Chúng tôi yêu cầu các bạn thêm một đặc ân nữa: Mong các bạn, những người cháu của Bác Hồ cho phép chúng tôi từ các nơi trên thế giới đều được tự nhận là cháu của Bác Hồ. Tất cả chúng ta, cháu của Bác Hồ ở tất cả các nước trên thế giới, sẽ tập hợp lại để giương cao ngọn cờ Hồ Chí Minh tiến lên những thắng lợi mới hơn nữa”.

Cháu của Bác Hồ.

Bác Hồ của các cháu.

Người suy nghĩ về tuổi trẻ chúng ta,
Hồi tưởng của **Vũ Kỳ**, Sđđ, T.2.tr.186.

6- [38.] Bác Hồ đến với các cháu mồ côi ở trại Kim Đồng.

Một sáng đẹp trời, Bác Hồ đã đến với các cháu ở trại Kim Đồng. Ngay từ phút đặt chân đến cổng trại nhìn bờ rào dăng dây thép gai, trong mắt Bác hiện lên sự nhức nhối. Nói với các cán bộ phụ trách giọng Bác nhẹ nhàng, nhưng vô cùng thấm thía:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên liệt sĩ Kim Đồng, sao các cô, các chú lại rào dây thép gai như một nhà tù thế này?

Chú Thuận thưa:

- Dạ thưa Bác, cơ ngơi của thời đại cũ để lại đấy ạ!

Bác lắc đầu: Các cô, các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay. Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta tiếp tục nuôi dạy vì tương lai của các cháu.

Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học, nơi các cháu vui chơi. Bác khen “Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ”, nhưng còn – Bác hỏi cán bộ phụ trách trại – còn thế nào, các cô, các chú biết không?

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng. Rồi chú Thuận mạnh dạn đáp:

- Thưa Bác, các cháu ở trại còn chật chội ạ.

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng có một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố, mẹ thì các cô, các chú ở đây là bố, là mẹ của các cháu. Các cô, các chú nuôi dạy các cháu phải đem lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây, đối với các cháu, còn cái vẻ “trại lính”, thiếu cái ấm cúng của gia đình. Dạy cho các cháu vào

khuôn phép, sống có kỷ luật, trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái vui tươi, thoải mái. Đừng biến các cháu thành các “ông cụ non”. Các cô, các chú phải làm sao cho các cháu thấy trại Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu nhớ, lúc ở nhà các cháu vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu?

Bác lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không?
- Thưa bác, còn nhiều lắm ạ.
- Nhiều là bao nhiêu?

Đồng chí phụ trách hơi bối rối. Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu một, biết chắc chắn cái dở, cái hay của mỗi đứa. Có như vậy thì dạy mới có kết quả tốt.

Bác bảo chú Thuận đứng bên:

- Cho Bác gặp cháu nào kém nhất trại.

Em Quốc đứng khoanh tay trước mặt Bác, Bác cúi xuống vuốt ve nhẹ nhẹ tóc em. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?
- Thưa Bác, tên cháu là Quốc lủi ạ!

Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?
- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ.
- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc lủi?
- Thưa Bác...Cháu...Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào

các ngõ phố ạ.

- Sao cháu không chịu ở trong trại mà lại trốn ra bên ngoài?
- Thưa Bác...ở trong trại khổ cực lắm ạ.
- Khổ cực như thế nào?
- Dạ chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.
- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào?
- Thưa Bác...

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói lên lời. Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác, Bác khuyên Quốc: “Từ nay cháu phải phấn đấu bỏ cái tên “lủi”, giữ lại cái tên Quốc...”. Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác. Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời niên thiếu của Bác, Bác đã từng thêm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để mặc Tết. Bác cũng đã mồ côi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em trèo treo bên hông đi xin sữa cho em sau ngày mẹ qua đời.

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải yêu thương nhau như anh chị em ruột thịt. Và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi Bác bảo:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào?

Một tiếng “có” vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là, noi gương dũng cảm của liệt sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: “Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa”.

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lủi ra ngoài trại nữa mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm quà Bác trong trái tim.

Sơn Tùng, Hoa râm bụt, Sđđ, T.2, tr.212.

7- [40.] Bác Hồ ở Pác Bó.

Ngày mùng 3 tết, năm Tân Tị, tức ngày mùng 8 tháng 2 năm 1941 Bác về đến Pác Bó. Pác Bó thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Nơi đây núi rừng trùng điệp và địa thế hiểm trở rất có lợi cho hoạt động bí mật của cán bộ Việt Minh, nhiều cơ sở cách mạng ở vùng Pác Bó đã được xây dựng vững chắc. Gia đình cụ Máy Lý là một trong những cơ sở chúng tôi chọn làm nơi để Bác ở và làm việc. Gia đình chỉ có ba người, cụ ông, cụ bà và cô con gái. Nhà không được rộng nhưng thoáng mát, ngay bìa rừng và kín đáo, đi lại rất thuận tiện. Gia đình đón tiếp Bác và chúng tôi rất thân mật.

Sau bữa cơm tết chiều mùng 3, Bác đã chỉ thị chúng tôi phải nghiên cứu từng nơi ở và làm việc cho thích hợp và kín đáo hơn. Bác nói đại ý: “Ở đây dựa vào dân thì có nhiều thuận lợi nhưng cũng có cái không lợi cả cho yêu cầu hoạt động bí mật của ta mà cũng không tiện cho sinh hoạt của dân, nên phải “sáu sán” thôi...”. “Sáu sán” tiếng địa phương có nghĩa là vào núi. Mà đã là vào núi thì phải ở hang hoặc dựng lán... Và ngay tối hôm đó bên bếp lửa nhà sàn, Bác hỏi cụ Máy Lý ở đây có chỗ nào mưa không hắt tới không? Như vậy chúng tôi hiểu ý Bác là phải ở hang. Chúng tôi bàn cách tìm hang. Cụ Máy Lý cho biết, gia đình cụ có một cái hang sâu và rất kín dùng lánh nạn khi có biến (có phỉ về cướp, giết). Sáng hôm sau (ngày mùng 4 tết), chúng tôi mời Bác đi xem hang nhà cụ Máy Lý, Bác ưng ngay. Chúng tôi quyết định tiến hành công tác chuẩn bị vào hang. Anh Phùng Chí Kiên giao cho tôi liên hệ với cơ sở để chuẩn bị các thứ. Anh Cáp, anh Lộc được phân công trở lại hang nghiên cứu thêm lối vào, đường ra và tình hình cụ thể trong hang.

Cụ Mây Lý cho chúng tôi mượn 5 tấm ván gỗ nghiêng. Ván hơi ngắn nên khi kê để ngủ phải nằm hơi co mới đủ chỗ cho 5 người. Chúng tôi chặt cây làm một cái giá trên có **tiếp** nứa để Bác và anh em đặt túi đựng quần áo.

Ngày 5 tết thì Bác và chúng tôi dọn vào hang. Cùng ở hang với Bác có anh Phùng Chí Kiên, Hoàng Sâm, Thế An, anh Cáp, anh Lộc và tôi. Nhóm công tác của chúng tôi do anh Phùng Chí Kiên phụ trách, còn các anh Quốc Vân, Đức Thanh (tức Đàm Minh Viễn) là đường dây liên lạc đồng thời phụ trách lực lượng vũ trang bảo vệ vòng ngoài.

Ở hang được ít lâu, chúng tôi thấy trong người rất mệt. Sức khoẻ của Bác lúc đó cũng không được tốt lắm. Người gầy, nước da xấu, ăn uống kham khổ mà Bác lại làm việc căng thẳng nên chúng tôi rất lo.

Tuy nói là bảo vệ Bác, nhưng thực chất Bác lại là người dạy chúng tôi rất nhiều trong công tác bảo vệ. Bác quan tâm giáo dục chúng tôi chi li từng việc rất bổ ích. Những việc tiếp xúc với dân trước hết phải được nhân dân quý mến, tin tưởng nhưng đồng thời phải có câu chuyện hoá trang hợp lý đảm bảo giữ gìn bí mật công việc cách mạng đang làm. Và thực tế chúng tôi đã làm tốt lời Bác dạy. Những cơ sở cách mạng ở vùng Pác Bó ngay cả như anh Đại Lâm cũng chỉ biết có cán bộ Trung ương quan trọng về nhưng không biết có bao nhiêu người, cụ thể là ai và hiện nay ở đâu.

Còn chuyện nhận lương thực do dân giúp đỡ, Bác dạy mỗi lúc phải có giờ giãc, cách làm, cách đi lại khác nhau không để địch nắm được quy luật hoạt động của ta, ngày nhận lương thực chuyển đến phải luôn thay đổi; mang lương thực trên đường phải hoá trang hợp lý và đường đi phải có hướng thay đổi luôn. Gạo và muối do các cơ sở vận động quyền góp không nên tập trung để ở một nhà, phải phân tán mỗi nơi một ít. Đồ dùng cho hậu cần mượn của dân phải mỗi nhà một thứ, thậm chí có thứ phải mượn nhiều nhà...Bác kể cho chúng tôi nghe rất nhiều những mẫu chuyện về đời hoạt động của Bác khi còn ở nước ngoài, nội dung mỗi chuyện tuy xảy ra ở các nước khác nhau nhưng đều nhằm giáo dục chúng tôi ý thức giữ bí mật. Cuối cùng Bác dạy: “Trong điều kiện và hoàn cảnh cách mạng nước ta hiện nay, bí mật phải được coi là nguyên tắc trong mọi hoạt động của Đảng...”.

Tuy nói lúc đó Pác Bó là khu vực an toàn hơn các khu khác trong vùng, nhưng lại là nơi kẻ địch luôn dòm ngó, tìm kiếm, tổ chức phục kích các ngã đường nghi có cán bộ ta đi qua. Cách nơi Bác về phía bản Lũng 10 cây số, chúng dựng đồn với hơn một trung đội lính đồng do Pháp chỉ huy tổ chức tuần tra, kiểm soát, bắt bớ hoặc càn quét những bản nghi có cán bộ ta hoạt động. Đồng thời hoạt động của bọn phi lúc này cũng rất táo tợn nên chúng tôi càng lo lắng, trăn trở về nhiệm vụ bảo vệ Bác.

Hằng ngày sau giờ làm việc buổi chiều, Bác thường đi dạo leo núi, nhưng thực ra là Bác đi nắm tình hình khu vực, phần lớn anh em chúng tôi hoạt động ở vùng này lâu nay quen với lối suối trèo đèo nhưng đôi lúc phải vừa đi, vừa chạy theo kịp Bác. Có nhiều việc rất đơn giản nhưng khi Bác hỏi anh em chúng tôi không trả lời được. Cũng có việc chúng tôi đã làm nhưng khi nghe Bác giảng

giải mới biết mình còn đơn giản và khờ dại quá. Ý thức cảnh giác có nghĩ đến nhưng cách giữ bí mật còn tùy tiện, non kém. Bác dạy chúng tôi hoạt động ở vùng núi, dân thưa, khi đi công tác tốt nhất là phải đem theo cơm nắm. Như vậy vừa được việc mà không gây phiền hà cho dân. Kẻ địch lại rất tinh quái, ở đâu mà chúng chẳng cài người vào. Những bang tá, trưởng bản,... và ngay cả những gia đình dân tộc sống ven đường đi, địch thường dùng vật chất như bạc hoa xoè, muối, vải để mua chuộc làm chỉ điểm. Mình phải sâu sát giáo dục ý thức ủng hộ cách mạng cho đồng bào, nhưng phải chú ý phát hiện tay chân của chúng. Trên đường đi, khi ăn cơm phải tìm nơi suối sạch sẽ, ăn xong lá đùm cơm phải chôn sâu, tiện khi rửa tay khoát cho nước dội hết những hạt cơm vải xuống suối, cá được ăn mà ta lại xoá được dấu vết làm cho kẻ địch có mắt cũng như mù. Hoạt động bí mật phải “lai vô ảnh, khứ vô hình”. Chúng ta đến địch không biết mà rút đi chúng cũng không hay, thì mới bảo vệ được mình và có nhiều thuận lợi diệt địch.

Tới đây lực lượng cách mạng sẽ phát triển. Kẻ địch lại tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng cách mạng. Tình hình sẽ căng thẳng và phức tạp hơn nhiều. Chúng ta vừa phải chiến đấu vừa tăng gia sản xuất và làm nhà ngoài rừng để ở... Tăng gia hoặc làm nhà cũng phải giữ bí mật. Trồng rau hay gieo bắp cũng phải làm đúng kiểu cách của dân tộc nơi mình ở. Làm lán ở cũng phải giống kiểu lán của đồng bào. Nếu ta làm khác đi là địch và bọn xấu sẽ phát hiện được ngay. Khi làm lán cũng phải biết tính toán sao cho có lợi đôi đường. Mỗi lán chỉ nên làm đủ cho 1 đến 2 người ở là cùng. Nơi làm lán phải xem xét vừa lợi cho việc quan sát phát hiện địch từ xa nhưng đồng thời phải có đường rút khi bị vây. Liếp che chung quanh lán không nên dùng nửa đan vững chắc mà nên lấy cỏ tranh tết nẹp lại thành tấm để thung. Trường hợp bị địch vây hoặc đến gần mới phát hiện thì chỉ việc lách nhẹ qua liếp tranh cho dễ dàng. Muốn bảo vệ Đảng, trước hết mỗi thành viên phải suy nghĩ tự bảo vệ mình. Nghĩ lại những năm trước đây, khi Đảng bị khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt bớ tù tội và hy sinh, anh em chúng tôi càng thấm thía lời Bác dạy.

Ở hang đến tuần thứ hai, chúng tôi thấy tình hình sức khoẻ của Bác có hiện tượng mệt mỏi hơn. Chúng tôi ai nấy đều lo lắng cho sức khoẻ của Bác. Có hôm dọn vệ sinh, anh Hoàng Sâm phát hiện thấy rắn độc chui vào hang, nằm dưới tấm phản ngay chỗ Bác. Hàng ngày Bác vẫn mãi miết làm việc, ít khi thấy Bác rảnh rỗi. Mỗi buổi đi dạo, chúng tôi vẫn thấy Bác nhanh nhẹn, vui vẻ hoạt bát nên cũng yên lòng. Cứ dăm ba ngày cụ Máy Lý lại đem lương thực vào một lần. Bác tiếp cụ rất thân mật và chuyện trò thật vui vẻ. Ngay cả cụ Máy Lý cũng không biết Bác là ai. Một lần trong câu chuyện vui, cụ hỏi tên Bác, Bác cười rồi chậm rãi giải thích: “Sáu sán” là vào núi còn có nghĩa là “Thu Sơn”. Tên tôi là “Thu Sơn”. Từ đó mỗi lần gặp cụ Máy Lý thường chào Bác bằng câu chào ké Thu Sơn (Già Thu). Chúng tôi và một số anh em khác cũng từ đó dùng cái tên “Già Thu” để giải thích cho các đồng chí khác khi bị hỏi về Bác mà theo nguyên tắc không được nói rõ hơn.

Chúng tôi có ý định làm lán để Bác ở, đảm bảo sức khoẻ hơn. Khi báo cáo ý định đó, được Bác đồng ý, chúng tôi rất mừng. Công việc chuẩn bị được khẩn

trương tiến hành. Việc tìm một địa điểm để làm lán theo ý Bác dạy cũng rất khó. Một hôm sau giờ làm việc buổi chiều Bác đi dạo đến một đoạn suối cách cửa hang không xa. Bác dừng lại quan sát và gợi ý chỗ này nếu làm lán ở thì tiện nhất. Nơi Bác chỉ là một khoảng đất bằng ngay cạnh bờ suối. Con suối nước rất trong và ngay bờ có nhiều tảng đá to và đẹp. Phải đi ngược theo dòng chảy mới vào được cửa hang nơi Bác ở. Nhưng đứng ở đây nhìn lên thì lại không thấy được cửa hang. Khi có biển, có thể theo dòng suối rút vào hang hoặc lên triền núi có rừng cây rậm cũng rất tiện.

Thế là chúng tôi bắt tay vào công việc dựng lán ngay. Lán rộng chỉ vừa chiếc chiếu đôi. Cửa lán hướng xuống con đường mòn dưới thung lũng. Chung quanh cũng dùng cỏ tranh thay liếp nửa như lời Bác dạy, nhưng bên ngoài có treo một số tàu lá cọ trông giống như những cái lán canh nương của đồng bào. Anh Lộc hướng dẫn chúng tôi vào rừng lấy nửa tép (loại nửa chỉ lớn bằng ngón chân cái), vót nhọn làm hàng rào chung quanh. Anh giải thích đây là kinh nghiệm của đồng bào dân tộc thường dùng loại cây này để rào vườn nhà vì con hổ trông thấy sợ.

Lán làm xong, chúng tôi mời Bác ra xem. Bác rất ưng và ngay ngày hôm sau, anh Kiên mời Bác xuống lán ở và làm việc. Bác đồng ý và chỉ ban ngày xuống lán làm việc, ăn nghỉ, còn ban đêm lại vào hang.

Lương thực do đồng bào giúp đỡ thường là gạo ngô (bắp bẹ) xay nhỏ và muối. Có hôm thấy gạo gần hết, Bác bảo chúng tôi nấu cháo ngô (cháo bẹ) ăn thay bữa. Còn rau xanh chủ yếu là măng tự kiếm trong rừng. Có hôm câu được con cá hoặc hái được ít rau rón (loại giống cây dương xỉ mọc ven bờ suối) thì bữa ăn được cải thiện và ngon miệng hơn. Một hôm Bác và chúng tôi đang ăn cháo ngô, có người nói đùa đây là bánh đúc, thì Bác ung dung đọc mấy câu thơ:

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang...*

Thơ Bác làm hiện thực với cuộc sống quá, chúng tôi mỗi người đọc lại một câu và giải nghĩa luôn. Đến lượt anh Hoàng Sâm đọc câu “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” thì tất cả ai cũng cười vang.

Thật vậy, tôi chen vào: Đứng hòn đá chông chênh thật, nhưng vững lắm đấy. Thế mà có hôm anh Kiên thấy Bác ngồi làm việc lại sợ Bác ngã.

Chúng tôi vui vẻ tranh nhau và đọc đi đọc lại những câu thơ của Bác. Bác nhìn chúng tôi cười hiền hậu và với giọng ấm áp, Bác nói:

- Thôi các chú ăn tiếp đi kéo cháo bẹ nguội mát!...

Từ xuân Tân Tị năm ấy, đến xuân Mậu Thìn năm nay thấm thoát đã ngót gần nửa thế kỷ trôi qua. Thế mà có dịp gặp lại, thấy như mới hôm qua. Bác đã đi xa, nhưng biết bao kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời người chiến sĩ bảo vệ Bác mãi mãi là những bài học truyền thống về vang không bao giờ phai.

Lê Quảng Bá* kể, **Cao Bá Sanh** ghi trong
Những chuyện vui và cảm động về Hồ Chủ tịch.
NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2000.

8- [45.] Tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội.

Đầu năm 1941, Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Hà Nội khởi nghĩa giành chính quyền, rồi lần lượt đến các tỉnh khác trong cả nước. Cuối tháng 8 năm 1945, Thường vụ Trung ương quyết định đưa Bác Hồ về Thủ đô Hà Nội để lãnh đạo, giữ vững và củng cố chính quyền non trẻ. Lúc ấy, Bác ốm và rất gầy. Chúng tôi mua ít tim gan nấu cháo cho Bác. Nhưng có thể do không may mua phải tim gan của lợn gạo nên Bác lại lên cơn sốt cao. Trên đường về Hà Nội, có lúc mệt quá, Bác không đi được, anh em dùng vải và đòn tre làm cang. Nằm trên cang, người sốt hầm hập nhưng Bác vẫn thấy vui vì đi tới đâu cũng thấy cờ đỏ sao vàng và đồng bào hào hứng hô vang: “Ủng hộ Việt Minh”, “Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm”. Chiều 25 tháng 8, về đến ngoại thành Hà Nội, Bác dừng lại ở làng Phú Gia. Chiều tối Chủ Nhật, 26 tháng 8 năm 1945, đồng chí Trường Chinh đến đón Bác. Hà Nội hừng hực khí thế cách mạng. Khắp phố phường tràn ngập niềm hân hoan với cờ đỏ sao vàng. Ít ai để ý đến một chiếc xe cũ, màu đen chở Bác chạy từ phía Chèm, dọc theo đê Yên Phụ, xuống dốc Hàng Than, qua phố Hàng Giấy rồi rẽ Hàng Mã về đến trước số nhà 35 Hàng Cân. Xe đưa Bác vào cổng sau, rồi Bác lên thẳng gác 2 nhà 48 phố Hàng Ngang. Đây là ngôi nhà 3 tầng của ông Trịnh Văn Bô, một thương gia lớn của Hà Nội và là cơ sở của cách mạng. Nhà xây chắc chắn, rất tiện cho công tác bảo vệ. Tầng 1 và tầng 3 chủ nhà dành để ở và bán hàng. Còn tầng 2 giành cho cách mạng. Lúc này, chủ nhà chưa biết người cách mạng đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đi lên, đi xuống nhiều, chủ nhà chỉ thấy một cụ già đáng người gầy nhưng nhanh nhẹn, có đôi mắt sáng lạ thường. Sau này chủ nhà mới biết ngôi nhà của mình có vinh dự được đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay chiều tối hôm sau, 27 tháng 8, tôi (tức Vũ Kỳ) được Trung ương chọn làm thư ký cho Bác. Bác thân mật hỏi tôi:

- Chú tên gì?

Tôi thưa:

- Cháu tên Cần ạ (tên của tôi hồi đó).

Có lẽ tôi xúc động nói không rõ nên Bác nghe thành Cần. Bác triu mến bảo:

- Cần à, Cần là cần thận. Rất tốt.

Sáng hôm sau, Bác lại hỏi tên tôi, tôi thưa rất rõ:

- Cháu là Cần ạ.

Bác tỏ ra rất vui và nói ngay:

- Cần thì càng tốt. Cần là cần, kiệm, liêm, chính.

* Sau là cấp tướng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Đó cũng là điều mong muốn của Bác về phẩm chất, đạo đức của người cán bộ mà những năm sau này mỗi dịp gặp cán bộ, mỗi khi đến thăm các lớp huấn luyện, Bác đều căn dặn mọi người phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.

Trong căn nhà 48 phố Hàng Ngang, chủ nhà dùng căn phòng phía sau trên tầng 2 làm phòng ăn. Giữa phòng kê một chiếc bàn gỗ dài và to, quanh bàn có 8 chiếc ghế tựa đệm mềm. Bác dùng bàn này để làm việc với các đồng chí Thường vụ Trung ương. Cuối phòng kê một chiếc bàn tròn. Nơi đây Bác dùng làm bàn ăn. Trong cuộc sống hàng ngày, Bác không dành cho mình một sự ưu đãi nào. Bác là tấm gương sáng về đức tính giản dị của người cán bộ cách mạng. Bác thường ngồi làm việc trên chiếc bàn kê sát tường bọc dạ xanh màu lá mạ, vừa đủ để tập giấy bút và chiếc máy chữ nhỏ Bác mang từ chiến khu về. Trong những ngày này, Bác dành nhiều thời gian và tâm trí cho việc soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập. Hàng ngày Bác dậy sớm tập thể dục, sau đó ngồi vào bàn và đánh máy luôn bản thảo. Ban đêm, Bác cũng thức rất khuya, trầm ngâm suy nghĩ về những nội dung trong bản thảo Tuyên ngôn Độc lập. Sáng 29 tháng 8, Bác chuyển đến Bắc Bộ phủ làm việc. Ở đây, Bác tiếp tục hoàn chỉnh bản Tuyên ngôn Độc lập. Sau mấy ngày sốt, tuy sức khoẻ giảm sút trông thấy, nhưng sức làm việc của Bác thì vẫn phi thường. Đêm 29 tháng 8, Bác thức khuya hơn bình thường vì ngày 02 tháng 9 đã cận kề. Bác viết rồi lại sửa. Những lúc suy nghĩ căng thẳng nhất Bác thường đặt tay lên trán và đôi mắt sáng lên khi nhìn thấy những dòng chữ như có hồn vừa được viết ra, khi thì nhìn vào đèn tối như tìm một điều gì đó mà chỉ riêng Bác mới hiểu.

Cho đến ngày 30 tháng 8, bản Tuyên ngôn Độc lập được dự thảo xong, Bác đưa ra tranh thủ ý kiến các đồng chí Trung ương.

Sáng 31 tháng 8, Bác hỏi tôi:

- Chú Cần có biết Quảng trường dự định họp mít tinh như thế nào không?

Rồi Bác bảo tôi vẽ phác thảo bản đồ cho Bác. Xem bản đồ xong, Bác hỏi:

- Liệu được bao nhiêu người?

Tôi thưa với Bác:

- Được vài chục vạn người đấy ạ.

Bác hỏi tiếp:

Thế các chú định bố trí để đồng bào đi vệ sinh ở đâu?

Tôi sững sờ trước câu hỏi của Bác và lúng túng không biết trả lời như thế nào, thì Bác nói tiếp:

- Việc nhỏ, nhưng nếu không chú ý bố trí cho tốt thì rất dễ mất trật tự. Chú có biết không, ở Hương Cảng, công nhân lao động biểu tình thì chính quyền Anh chưa giải quyết, nhưng khi công nhân vệ sinh đi đình công thì chính quyền Anh phải giải quyết ngay. Vì đã có lần giải quyết chậm, rác rưởi bắn thiêu ngập đường phố.

Tiếp đó, Bác dặn tôi nói với Ban tổ chức nếu trời mưa thì kết thúc mít tinh sớm hơn, tránh cho đồng bào khỏi bị ướt, nhất là đối với các cụ già và các cháu nhỏ.

Thật hạnh phúc biết bao cho nhân dân Việt Nam khi được biết vị đứng đầu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ chỉ trước khi đọc bản Tuyên ngôn Độc lập vài giờ vẫn chăm lo đến những cái nhỏ nhất trong đời sống.

Ngày 02 tháng 9 năm 1945 đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một mốc son chói lọi: khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại Quảng trường Ba Đình, khi đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, đến đoạn tố cáo tội ác của phát xít Nhật, cả biển người im phăng phắc. Nghĩ đồng bào nghe mình nói tiếng Nghệ An không rõ và quên cả mình là Chủ tịch nước đang trình trọng đọc Tuyên ngôn Độc lập, Bác ngừng đọc cất tiếng hỏi rất thân mật:

- Đồng bào nghe rõ tiếng tôi không?

Tiếng trả lời: “Có” như sấm dậy. Chưa bao giờ và chưa ở đâu, người ta lại thấy tình cảm giữa lãnh đạo cao nhất và dân chúng gần gũi và thân thương đến thế! Kết thúc cuộc mít tinh, ra về nhưng mọi người vẫn như được nhìn thấy ánh mắt, vẫn như nghe thấy giọng nói ấm áp và hiền hậu của Bác.

Vũ Kỳ kể, Huyền Tím và Tử Nê ghi

Truyện kể về Bác Hồ những chặng đường Trường kỳ kháng chiến

Nxb CTQG, Hà Nội, 2001

9- [44.] Dưới gốc đa Tân trào.

Qua mấy ngày lội suối, tắt rừng, vượt đèo, đoàn đại biểu Hà Nội do đồng chí Hoàng Đạo Thuý dẫn đầu đã tới cây đa Tân Trào, điểm liên lạc cuối cùng.

Toàn đoàn khá mệt, ngồi nghỉ dưới gốc đa, có liên lạc đón và mời nước chè tươi.

Toàn đoàn đang ngắm nhìn chiến khu với sự cảm kích, hào hùng – Bởi rừng già hùng vĩ, núi non trầm mặc. Vừa lúc ấy, từ bản gần đó, một đoàn người đi ra, người quần áo Tày, người quần áo Dao. Dẫn đầu đoàn người là một cụ già mặc quần áo Tày, đội mũ sợi màu chàm, tay chống gậy. Được biết, đó là nhân dân địa phương ra đón đoàn đại biểu Hà Nội.

Đoàn đại biểu Hà Nội vội đứng lên chào mừng nhân dân địa phương. Sau phút chào hỏi vui vẻ, đồng chí Hoàng Đạo Thuý cử đồng chí Nguyễn Tài, uỷ viên dân vận của đoàn ra nói chuyện cùng nhân dân địa phương. Còn cả đoàn xin phép được ngồi nghỉ dưới gốc đa liền đó để chờ thượng cấp.

Được gặp đồng bào ở chiến khu, với niềm tự hào là đại biểu của Hà Nội đi dự Quốc dân Đại hội (8/1945), đồng chí Nguyễn Tài dùng hết khả năng tuyên truyền của mình để nói chuyện với đồng bào : nào là tội ác của Pháp cùng Nhật xâm lược nước ta, cướp bóc thóc lúa, để hàng triệu đồng bào ta bị chết đói; nào là phát xít Đức đã đầu hàng; Hồng quân Liên Xô đã đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật; nào là lực lượng Việt Minh ta ở Hà Nội rất mạnh, khắp nước cũng rất mạnh. Thời cơ nổi dậy giành độc lập đã tới, vv... Chúng ta lại có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo...

Đồng chí Nguyễn Tài vừa nói tới đây thì cụ già - người dẫn đầu đoàn nhân dân địa phương vỗ tay ngắt lời, nhân dân cũng vỗ tay hoan hô theo. Ông cụ ra hiệu, một nữ đại biểu từ trong đoàn nhân dân đứng ra đáp lời: “Nhân dân Tân Trào rất cảm ơn đoàn đại biểu Hà Nội đã về dự Đại hội. Đại biểu vừa rồi đã nói

chuyện với nhân dân nhiều ý hay, lời đẹp. Dân ở đây cũng được cán bộ Việt Minh, nhất là ông Ké dạy bảo nhiều. Hợp với ý của đại biểu vừa nói. Như vậy là xuôi ngược một lòng cứu nước. Chúc các đại biểu Hà Nội thu nhiều kết quả”.

Nữ đại biểu phát biểu xong, thì nhân dân trở về bản. Đoàn đại biểu Hà Nội cũng đứng dậy, đôi bên vẫy chào nhau.

Ông cụ vẫy đồng chí Nguyễn Tài lại gần, cầm tay như dắt đi. Vừa đi, vừa hỏi:

- Đồng chí thấy nữ đại biểu nói thế nào?

- Dạ, nữ đồng chí ấy nói ngắn, nhưng thể hiện trình độ khá cao. Cháu đang băn khoăn là mình nói hơi thừa...

Ông Ké tùm tùm cười, nhẹ nhàng bảo đồng chí Tài:

- Chú cần nhớ là Hà Nội bị địch chiếm trước, trên này bị địch chiếm sau. Bây giờ trên này lại được giải phóng trước, Hà Nội vẫn bị quân giặc cướp nước thống trị. Cho nên người đi sau không nên chỉ đường cho người đi trước.

Đồng chí Nguyễn Tài giật mình nhìn ông Ké: Trời ơi! Ông già miền núi gầy gò, mảnh khảnh kia nói đơn giản nhưng đầy ý nghĩa: “Người đi sau sao lại chỉ đường cho người đi trước”. Đồng chí Nguyễn Tài vội vàng nắm chặt tay ông già: “Cháu hiểu ra rồi ạ!”. Nhìn theo bóng ông cụ bước đi, Nguyễn Tài thầm nghĩ: “Việt Minh mình có những sức mạnh, chính là ở những con người này đây”.

Thấy đồng chí Nguyễn Tài đi theo ông Ké một lát rồi bản thân đứng lại, đồng chí Hoàng Đạo Thuý liền tới gần và hỏi: “Ông Ké bảo gì, mà cậu ngẩn ngơ ra vậy?”.

Đồng chí Nguyễn Tài kể lại lời ông Ké. Đồng chí Hoàng Đạo Thuý gật đầu bảo: “Phải nhắc nhở anh chị em mình, trò chuyện với dân vùng giải phóng, phải cẩn trọng”. Nhìn theo bóng ông cụ, rồi đồng chí Thuý thầm thì với đồng chí Tài: “Không khéo ông Ké ấy chính là cụ Nguyễn Ái Quốc đấy!”.

Đến ngày khai mạc Quốc dân Đại hội, những băn khoăn đó của hai đồng chí mới được rõ ràng: Ông Ké ấy chính là cụ Nguyễn Ái Quốc.

Ngọc Châu, Những ngày được gần Bác,

NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.

[57.] Đánh nó xong rồi ta phải làm gì?

Trong cuộc mít tinh, có chút vốn nào tôi đều đưa ra cả (từ việc phát xít Đức đã bị đánh gục, tới sự suy vong của phát xít Nhật, mâu thuẫn Nhật - Pháp v.v...).

Đang đà thao thao bất tuyệt, tôi bỗng thấy chị Chi hồi hộp ghé tai tôi thăm thì:

- “Đồng chí già” đang đứng nghe đấy. Chắc đồng chí ấy đến từ đầu.

Tôi giật thót mình, tự nhiên khắp người nóng ran lên.

Bỗng “đồng chí già” từ trong đám đông bước ra. Người vẫn mặc bộ quần áo chàm như mọi khi. Dừng tiếng địa phương, Người hỏi:

- Đồng bào nghe cán bộ nói có hay không?

- Hay lắm!

- Đồng bào có biết cán bộ nói cái gì không?

- Á dà...à, cán bộ nói cái hay, cái tốt mà, nói dài mà, không nhớ hết đâu!

Điêng người, tôi tưởng đất dưới chân mình có thể bị sụt. Quay lại nhìn chị Chi, thì mặt chị cũng đỏ như gấc chín, từng giọt mồ hôi đang lấm tẩm nơi tóc mai.

Cũng may, “đồng chí già” không hỏi chúng tôi câu nào, Đồng chí chỉ yêu cầu đồng bào đừng về vội, để đồng chí nói lại cho dễ nhớ thôi. Được đồng bào ưng thuận, đồng chí liền hỏi:

- Nhật và bọn quan lại của nó bây giờ so với Pháp và bọn quan lại của Pháp ngày trước, thế nào?

- Pháp như con hổ, con báo thì Nhật cũng như bọn con báo con hổ thôi.

- Bọn quan của Pháp trước là bọn quan của Nhật đấy mà.

- Rắn lột xác vẫn là rắn thôi.

- Không phải rắn lột xác đâu. Chó săn đổi chủ đấy!

“Đồng chí già” lại hỏi:

- Dân ta có thể để cho con rắn, con hổ ăn thịt mình không?

- Không! - Đồng bào cùng cất tiếng trả lời.

Rồi từ các cụ già tới các thanh niên nam nữ thi nhau kể chuyện giặc giết người, tù đầy, thuế nặng, bắt lính, bắt phu v.v... Những điều họ kể ra còn sâu sắc, cay đắng hơn những điều tôi vừa nói, vì nó đều là những sự việc ngay trong địa phương, nhân dân đã mắt thấy tai nghe và chính họ kể lại.

Chờ cho đồng bào ngớt lời. “Đồng chí già” kết luận:

- Ta phải quyết tâm đánh Nhật, quyết tâm trừ bọn quan lại của chúng để cứu lấy nước mình. Đồng bào đồng ý không?

Tiếng hô “đánh” vang lên. “Đồng chí già” lại chỉ một thanh niên rất khỏe, hỏi:

- Một người khỏe như anh này, đánh được không?

Đồng bào cười ồ lên. Một người nói:

- Không đánh được đâu! Nó đông đây, lại có súng to, súng nhỏ nhiều mà.

- Thế cả nước một lòng, Kinh, Thổ, Mán, Mèo cùng đứng dậy đánh có được không?

- Được, đánh được! Mọi người cùng một lòng thì sợ gì Nhật, sợ gì Tây. Thấy nó chết thì bọn quan tay sai của nó cũng chết thôi!

- Đánh nó xong rồi ta phải làm gì?

Đồng bào ngơ ngác nhìn nhau. Lúc ấy “Đồng chí già” mới nói thêm:

- Đánh xong rồi ta không lập lại cái quan nữa, vì ta biết nó ác lắm!

Đồng bào đều nói:

- Phải, phải!

- Ta xem trong dân ta, ai tốt và giỏi thì mình chọn người ấy để giúp dân, lo làm ăn, sao cho dân có cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành. Mọi dân tộc, mọi người thương nhau như anh em ruột một nhà.

Tất cả cất tiếng reo lên:

- Ái dà, được thế thì sướng chết mất thôi!

Mắt mọi người đều sáng lên, ngẩng nhìn “Đồng chí già” như muốn uống từng lời. “Đồng chí già” lại hỏi:

- Đồng bào nhớ chưa?

- Nhớ rồi, nhớ rồi.

“Đồng chí già” còn dặn thêm về việc phòng gian, chống giặc, cách giữ “ba không” (không nghe, không thấy, không biết).

Cuộc mít tinh kết thúc, “Đồng chí già” cùng tôi và chị Chi trở về. Dọc đường “Đồng chí già” bảo tôi:

- Lần sau nói chuyện ở đâu, phải hiểu rõ trình độ dân nơi ấy, phải nói làm sao cho thiết thực, để đồng bào dễ hiểu, dễ nhớ thì đồng bào mới theo mình được.

Tôi và chị Chi đều vâng lời. Tới chỗ rẽ, chờ cho “Đồng chí già” đi khuất, tôi mới bảo chị Chi:

- Được một bài học thâm thúy. Không rõ “Đồng chí già” người Kinh hay người Thổ.

Trích trong cuốn **Kể chuyện Bác Hồ** Sđd, T.4, tr.30

10- [46.] Chủ tịch nước cũng không có đặc quyền

Đầu năm 1946, cả nước ta tiến hành cuộc Tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên. Gần đến ngày bầu cử, tại Hà Nội - là nơi Bác Hồ ra ứng cử - có 118 Chủ tịch Ủy ban nhân dân và đại biểu các giới hàng xã đã công bố một bản đề nghị: “Yêu cầu cụ Hồ Chí Minh không phải ra ứng cử trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới. Chúng tôi suy tôn và ủng hộ vĩnh viễn cụ Hồ Chí Minh là Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”.

Từ nhiều nơi trong cả nước, đồng bào viết thư đề nghị Bác không cần ra ứng cử ở một tỉnh nào, nhân dân cả nước đồng thanh nhất trí cử Bác Hồ vào Quốc hội.

Trước tình cảm tin yêu đó của nhân dân, Bác viết một bức thư ngắn cảm tạ đồng bào và đề nghị đồng bào để cho Bác thực hiện quyền công dân của mình: “Tôi là một công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nên tôi không thể vượt khỏi thể lệ của Tổng tuyển cử đã định. Tôi ra ứng cử ở Hà Nội nên cũng không thể ra ứng cử ở nơi nào nữa. Xin cảm tạ đồng bào đã có lòng yêu tôi và yêu cầu toàn thể đồng bào hãy làm tròn nhiệm vụ người công dân trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới”.

Sau ngày hoà bình lập lại, có lần Bác đi thăm một ngôi chùa cổ, vị sư chủ trì ra đón và khẩn khoản xin Bác đừng cởi dép khi vào trong chùa. Bác không

đồng ý và lắng lễ làm đúng những quy định như khách thập phương đến lễ chùa. Trên đường từ chùa về, khi vào đến thành phố, xe Bác đến một ngã tư thì vừa lúc đó đèn đỏ bật. Sợ phớt động, xe dừng lâu, đồng chí bảo vệ định chạy lại đề nghị đồng chí công an giao thông bật đèn xanh để Bác đi, Bác hiểu ý ngăn lại:

- Các chú không được làm thế, phải tôn trọng và gương mẫu chấp hành luật lệ giao thông. Không được bắt luật pháp giành quyền ưu tiên cho mình.

Nguyễn Dung, trong **Bác Hồ với chiến sĩ**, tập 1
Nxb QĐND, Hà Nội, 2001

[76.] Không ai được vào đây

Sách “Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử”, tập 10, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 1996, trang 334, có đoạn:

“Ngày 27 tháng 4 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe hai đồng chí: Lê Đức Anh và Chu Huy Mân báo cáo công việc, sau đó Người mời hai đồng chí ở lại ăn cơm với Người”.

Sáng hôm ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi bỏ phiếu bầu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã,... Người bỏ phiếu tại hòm phiếu số 6, đơn vị 1, tiểu khu 1, khu phố Ba Đình, Hà Nội, đặt tại Nhà thuyền Hồ Tây.

Khi Bác Hồ đến, trong Nhà thuyền đã có nhiều cử tri đang bỏ phiếu. Tổ bầu cử thấy Bác đến, ra hiệu để đồng bào tạm dừng và tạo “điều kiện” để Bác bỏ phiếu trước. Biết ý, Bác nói “sòng phẳng”:

- Ai đến trước, viết trước, Bác đến sau, bác chờ. Bác chờ cho đến hàng mình, mới nhận phiếu và vào “buồng” phiếu.

Nhà báo Ma Cường chợt nghĩ là “hạnh phúc một đời của người làm báo”, “cơ hội ngàn năm có một” và vội giơ máy lên bấm, rất nhanh, Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy tay che phiếu lại, nói với Ma Cường:

- Không ai được vào đây. Đây là phòng viết phiếu kín của cử tri. Phải đảm bảo tự do và bí mật cho công dân.

Nhà báo buồng máy, nhưng vẫn thấy hạnh phúc.

Theo lời kể của các đồng chí ở gần Bác, trước khi đi bầu cử Bác không cho ai “gợi ý” cả, Bác nói:

- Ấy, đừng có “lãnh đạo” Bác nhé. Bác không biết đảng uỷ hướng dẫn danh sách để ai, xoá ai đâu nhé. Đưa lý lịch của những người ứng cử đây để Bác xem. Có chú nào buổi ứng cử viên trình bày ý kiến với cử tri, nói lại để Bác cân nhắc, Bác tự bầu.

Theo **Nguyễn Việt Hồng** Sđd, tr. 83

11- [94.] Tấm lòng Bác Hồ với chiến sĩ.

Đối với chiến sĩ là những người hy sinh nhiều nhất cho dân tộc, Bác Hồ thường dành cho anh em sự chăm lo, săn sóc ân tình, chu đáo nhất.

Mùa đông, thương anh em chiến sĩ rét mướt ở rừng núi hay bung biển, Bác đem tấm áo lụa của mình được đồng bào tặng, bán đấu giá để lấy tiền mua áo ấm gửi cho các chiến sĩ.

Bác thường nói: “Chiến sĩ còn đói khổ, tôi ăn ngon sao được!”. “Chiến sĩ còn rách rưới, mình mặc thế này cũng đầy đủ lắm rồi!”.

Mùa hè năm ấy (1967), trời Hà Nội rất nóng. Sức khỏe của Bác Hồ đã kém, thần kinh tuổi già cũng suy nhược, dễ bị toát mồ hôi, ướt đẫm, có ngày phải thay mấy lần quần áo, có khi hong tại chỗ, rồi lại thay ngay. Bác không cho dùng máy điều hoà nhiệt độ. Bác bảo: mùi nó mùi hôi lắm, Bác không chịu được! (Bác không dùng nên nói vậy thôi, chứ máy đã có nút xả thơm).

Thấy trời oi bức quá, Bác nói với đồng chí Vũ Kỳ:

- Nắng nóng thế này, các chú bộ đội trực phòng không trên nóc hội trường Ba Đình thì chịu sao được? Các chú ấy có đủ nước uống không? Chú thử lên tìm hiểu xem thế nào, về cho Bác biết.

Đồng chí Vũ Kỳ lên, được biết trên đó có một tổ súng máy 14 ly 5. Ụ cát sơ sài, nếu địch bắn vào thì chỉ có hy sinh, rất nguy hiểm.

Trời nắng chói, đứng một lúc mà hoa cả mắt. Đồng chí Vũ Kỳ hỏi:

- Các đồng chí có nước ngọt uống không?
- Nước chè thường còn chưa có, lấy đâu ra nước ngọt!
- Dưới hội trường thấy có nước ngọt cơ mà!
- Đây là dành cho các “ông bà” đến họp mới được uống, còn bọn tôi lấy đâu ra!

Đồng chí Vũ Kỳ về nói lại với Bác, Bác gọi điện ngay cho đồng chí Văn Tiến Dũng:

- Sao các chú không lo đủ nước uống cho các chiến sĩ trực phòng không? Nghe nói ụ súng trên nóc hội trường Ba Đình rất sơ sài, chú phải lo sửa ngay để đảm bảo an toàn cho chiến sĩ trong chiến đấu!

Sau đó Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ đi lấy sổ tiết kiệm của Bác, xem tiền tiết kiệm của Bác còn bao nhiêu.

Tại sao Bác có tiền tiết kiệm? Lương Bác cao nhất nước, nhưng hàng tháng cũng chỉ đủ tiêu. Mọi chi phí cho sinh hoạt của Bác, từ cái chổi lông gà, đều ghi vào lương cả.

Tiền tiết kiệm của Bác là do các báo trả nhuận bút cho Bác. Bác viết báo nhiều, có năm hàng trăm bài. Các báo gửi đến bao nhiêu, văn phòng đều gửi vào sổ tiết kiệm của Bác. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác cũng đã có tiền tiết kiệm. Đến dịp Tết Nguyên Đán, Bác lại đem chia cho cán bộ các cơ quan chung quanh Bác, mua lợn để đón xuân.

Đồng chí Vũ Kỳ xem sổ và báo cáo:

- Thừa Bác, còn lại tất cả hơn 25.000 đồng (lúc đó là một món tiền rất lớn, tương đương với khoảng 60 lạng vàng).

Bác bảo:

- Chú chuyển ngay số tiền đó cho Bộ Tổng tham mưu và nói: đó là quà của Bác tặng để mua nước ngọt cho anh em chiến sĩ trực phòng không uống, không phải chỉ cho những chiến sĩ ở Ba Đình, mà cho tất cả các chiến sĩ đang trực trên mâm pháo ở khắp miền Bắc. Nếu số tiền đó không đủ thì yêu cầu địa phương nào có bộ đội phòng không trực chiến góp sức vào cùng lo!

Về sau, Bộ Tư lệnh Phòng không Không quân báo cáo lại cho Văn phòng Phủ Chủ tịch biết: “Số tiền của Bác đủ mua nước uống cho bộ đội phòng không, không quân được một tuần!

Trần Đức Hiếu (theo lời kể của đồng chí Vũ Kỳ)
Trích trong “**Bác Hồ, con người và phong cách**”
Tập 1, Nxb Lao động, H.1993

[48.] **Tặng tiêu chuẩn cho chiến sĩ**

Năm 1952, khi vùng tự do đã được mở rộng sau nhiều chiến dịch lớn các đại đoàn chủ lực đã được thành lập. Chính sách thuế nông nghiệp được ban hành, nhân dân nhiều vùng ra sức đóng góp thuế nông nghiệp để nuôi quân.

Bác đề nghị tăng gấp đôi tiêu chuẩn cho bộ đội (lúc đó chiến sĩ được tiêu chuẩn 1 kg gạo/ngày, kể cả ăn và tiêu vật), cán bộ thì được hơn.

Chủ trương đó được phổ biến tới Tổng cục Hậu cần và Cục Quân lương. Các đồng chí quân lương nhiều lần làm đề án trình Bác, căn cứ vào thực tế thóc có trong kho và tính toán cân đối với Bộ Tài chính, thì tăng gấp đôi cho cán bộ từ trung đội phó trở lên, còn chiến sĩ thì thêm hai lạng, tức là mỗi ngày được tiêu chuẩn 1,2 kg gạo.

Tôi thấy nhiều đêm Bác thao thức về vấn đề này. Có lần đến phiên tôi trực, Bác hỏi: “Sức trai như chú mỗi bữa ăn mấy bát cơm thì no?”. Lúc ấy ăn uống chẳng có gì, chủ yếu là cơm. Tôi hiểu tâm trạng Bác hỏi là có ý, nên đã thưa thực:

- Thưa Bác, như sức cháu mỗi bữa ăn 5 bát mới no.

- 5 bát cơm phải một bơ bò đầy gạo là 0,33 kg, ngày ba bữa, riêng ăn đã là 1kg rồi.

Vào một đêm tháng Chạp năm đó, trời rét như cắt thịt. Tôi thu mình trong chiếc áo dạ chiến lợi phẩm đứng dưới nhà sàn của Bác. Ánh đèn trên sàn nhà vẫn sáng. Khoảng 1 giờ sáng gì đó có tiếng lẹp xẹp trên sàn nứa, tôi đoán Bác lại suy tư điều gì, xuống hỏi tôi đây.

Đúng như dự đoán, chỉ hơn một phút sau Bác đã đứng cạnh tôi, Bác đưa cho tôi một điều thuốc lá hút cho đỡ rét rồi hỏi:

- Chú ăn cơm chiều lúc mấy giờ?

- Thưa Bác lúc 5 giờ rưỡi ạ!

- Chú đã đói chưa?

Biết là không thể nói dối Bác được, tôi thú thật:

- Thưa Bác đói rồi ạ!

Bác vui hẳn lên như tìm ra một vật quý và nói - giọng nói đầy thương yêu.

- Đúng rồi, chú bảo vệ ở hậu phương mà lúc này đói, thì các chiến sĩ công đồn, phục kích quân địch, vào lúc này chắc chắn sẽ đói gấp đôi. Vậy mỗi chú chỉ có 1,2 kg gạo thì đánh giặc sao nổi.

Bác lên sàn rồi quay lại rất nhanh đưa cho tôi một bắp ngô nếp luộc rất to.

- Phần của chú đây, chú ăn đi cho đỡ đói để làm nhiệm vụ.

Tôi biết không thể từ chối, nên cầm bắp ngô ăn, trong bụng vẫn băn khoăn không biết đêm nay Bác đã ăn gì chưa?

Khi nhà sàn đã tắt đèn, tôi liếc nhìn đồng hồ thì đã 2 giờ sáng. Những gì diễn ra tiếp đó thì tôi không rõ, chỉ biết rằng đầu tháng sau các chiến sĩ bảo vệ chúng tôi cũng được tăng tiêu chuẩn 2 kg gạo/ngày.

Hồ Vũ, theo lời kể của đồng chí **Ma Văn Trường**,
Trong **Bác Hồ với chiến sĩ**, tập 2 - NXB QĐND, Hà Nội, 2001

[92.] **Chú ngã có đau không?**

Vào đầu năm 1954, tiết trời đã sang xuân, nhưng ở Việt Bắc vẫn còn rét. Gió Bắc thổi mạnh, mưa phùn lâm râm gây nên cái lạnh buốt, Bác vẫn làm việc rất khuya. Bác khoác chiếc áo bông đã cũ, miệng ngâm điệu thuốc lá thỉnh thoảng lại hồng lên, tiếng máy chữ lách tách, lách tách đều đều...

Trời lạnh, nhưng được đứng gác bên Bác, tôi thấy lòng mình như được sưởi ấm lên. Tôi nhẹ bước chân đi vòng quanh lán. Một lần vừa đi, vừa nghĩ, tôi bị trượt chân xuống một cái hố tránh máy bay. Tôi đang tìm cách để lên khỏi hố, chợt nghe có tiếng bước chân về phía mình. Có tiếng hỏi:

- Chú nào ngã đây?

Chưa kịp nhận ra ai, thì tôi đã thấy hai tay Bác luồn vào hai nách, chòm râu của Bác chạm vào má tôi. Tôi cố trấn tĩnh lại để nói một lời thì giật mình khi thấy Bác không khoác áo bông, Bác đi tất, một chân có guốc, một chân không, nước mắt tôi trào ra. Vừa kéo, Bác vừa hỏi:

- Chú ngã có đau không?

Bác sờ khắp người tôi, nắn chân, nắn tay tôi. Rồi Bác nói:

- Chú ngã thế đau lắm. Chú cứ ngồi xuống đây bóp chân cho đỡ đau. Ngồi xuống! Ngồi xuống!

Tôi bàng hoàng cả người, không tin ở tai mình nữa. Có thật là Bác nói như vậy không! Bác ơi! Bác thương chúng cháu quá!

Tôi trả lời Bác:

- Thưa Bác, cháu không việc gì ạ. Rồi tôi cố gắng bước đi để Bác yên lòng.

Bác cười hiền hậu và căn dặn: “Bất cứ làm việc gì chú cũng phải cẩn thận”. Rồi Bác quay vào.

Tôi đứng nhìn theo Bác cho đến lúc lại nghe tiếng máy chữ của Bác kêu lên lách tách, đều đều trên nhà sàn giữa đêm Việt Bắc.

ND (theo lời kể của **Ngô Văn Núi**)
Trích trong “**Bác Hồ, con người và phong cách**”

[75.] Câu chuyện về 3 chiếc ba lô

Trong những ngày sống ở Việt Bắc, mỗi lần Bác đi công tác, có hai đồng chí đi cùng. Vì sợ Bác mệt, nên hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Bác, nhưng Bác nói:

- Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung đồ vật cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân ra mỗi người mang một ít.

Khi mọi thứ đã được phân ra cho vào 3 ba lô rồi, Bác còn hỏi thêm:

- Các chú đã chia đều rồi chứ?

Hai đồng chí trả lời:

- Thừa Bác, rồi ạ!

Ba người lên đường, qua một chặng, mọi người dừng chân, Bác đến chỗ đồng chí bên cạnh, xách chiếc ba lô lên.

- Tại sao ba lô của chú nặng mà Bác lại nhẹ.

Sau đó, Bác mở cả 3 chiếc ba lô ra xem thì thấy ba lô của Bác nhẹ nhất, chỉ có chăn, màn. Bác không đồng ý và nói:

- Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người.

Hai đồng chí kia lại phải san đều các thứ vào 3 chiếc ba lô.

Trần Thị Lợi (sưu tầm) Sdd, tr. 82

[77.] Bát chè xê đôi

Đồng chí liên lạc đi công văn 10 giờ đêm mới đến. Bác gọi mang ra một bát, một thìa con. Rồi Bác đem bát chè đậu đen, đường phèn, mà anh em phục vụ vừa mang lên, xê một nửa cho đồng chí liên lạc.

- Cháu ăn đi!

Thấy đồng chí liên lạc ngần ngại, lại có tiếng đăng hắng bên ngoài, Bác giục:

- Ăn đi, Bác cùng ăn...

Cảm ơn Bác, đồng chí liên lạc ra về. Ra khỏi nhà sàn, xuống sân, đồng chí cấp dưỡng bấm vào vai anh lính thông tin:

- Cậu chán quá. Cả ngày Bác có bát chè để bồi dưỡng làm đêm mà cậu lại ăn mất một nửa.

- Khổ quá, anh ơi! Em có sung sướng gì đâu. Thương Bác, em vừa ăn vừa rót nước mắt, nhưng không ăn lại sợ Bác không vui, mà ăn thì biết chắc là các anh mắng mỗ rồi...

Theo **Thủy Xuân**, Sdd, tr 85.

12- [52.] Các chú có báo không?

Ông cụ bắt tay chúng tôi và hỏi:

- Các chú là tự vệ thôn đây?

- Dạ.

Ông cụ liền chỉ tay vào các đồng chí cùng đi, nói:

- Các chú đây là Giải phóng quân.

Lâu nay ba tiếng Giải phóng quân có sức thu hút mãnh liệt đối với tôi. Hằng ngày cứ đứng trên đê, hướng về dãy núi Tam Đảo, tôi ao ước sao có cánh để bay tới chiến khu Tuyên - Thái mà sống cuộc sống chiến đấu và tự do trên ấy. Tôi đã nhiều lần đề nghị cấp trên cho thoát ly để tham gia Giải phóng quân, nhưng chưa được. Giờ đây trước mặt tôi là những con người ấy đang tươi cười bắt tay mình. Tôi không sao nén được cảm động trước những đồng chí mới gặp lần đầu này, đặc biệt là cụ già trong đoàn.

Sau phút chào hỏi, chúng tôi mời ông cụ về trụ sở tự vệ của chúng tôi trong thôn. Tới cổng thôn, ông cụ dừng lại xem các khẩu hiệu kẻ trên bức tường. Chợt nhìn thấy hàng dây cờ căng trước cổng thôn, ông cụ bỗng nhiên hỏi:

- Sao các chú làm cờ của ta nhỏ hơn cờ của các nước đồng minh?

Chúng tôi cùng nhìn lên, thì ra cờ của ta nhỏ hơn cờ của các nước đồng minh thật!

Một đồng chí trong chúng tôi thưa với cụ:

- Dạ, giấy đỏ và giấy vàng nhân dân ta mua làm cờ nhiều quá nên thiếu ạ! Vì muốn cho đủ, nên chúng cháu phải cắt bỏ đi một chút ạ.

- Không nên - ông cụ khế lắc đầu và bảo. Các chú phải hiểu là: Cách mạng đã thành công, nước ta đã giành được độc lập và ngang hàng với các nước khác, vì vậy cờ của ta phải bằng cờ của các nước. Có thể mới tỏ rõ chí tự cường, tự trọng của mình.

Chúng tôi đều vâng lời, một đồng chí tự vệ vội trèo lên lấy dây cờ xuống để sửa lại.

Về tới trụ sở của đội tự vệ (nói là trụ sở, thật ra chỉ là một ngôi miếu gần đình làng tôi, cả ngôi miếu bấy giờ chỉ có 2 cái phản để chúng tôi nghỉ mỗi khi đi tuần tra, canh gác về; sở dĩ chúng tôi chọn nơi đây là cốt để yên tĩnh và chờ đến tối sẽ chuyển sang địa điểm khác), tôi vội đi lên trước, toan trải chiếu, nhưng ông cụ gạt đi và thân nhiên ngồi xuống phản. Hai đồng chí Giải phóng quân cùng anh em tự vệ chúng tôi gác phía ngoài. Số còn lại thì vào nghỉ ở chiếc phản kê bên.

Tôi mang bộ đồ trà tới. Quen như tiếp khách ở nhà, tôi toan rót nước ra chén. Ông cụ bảo:

- Cháu cứ để đấy, ai khát sẽ rót uống, không nên rót sẵn.

Tôi vâng lời. Ông cụ lại hỏi:

- Các chú có báo không?

- Dạ, có ạ.

Tôi vội mang tới cho ông cụ tờ báo **Cờ giải phóng** chúng tôi vừa mua ban sáng. Ông cụ chỉ đầu bài rồi giao cho một đồng chí Giải phóng quân đọc, các đồng chí khác cùng ngồi quây quần lắng nghe. Ông cụ vừa nghe, vừa thỉnh

thoảng ghi gì đó vào sổ tay. Có lúc ông cụ dừng lại, nêu câu hỏi để các đồng chí Giải phóng quân nêu ý kiến, rồi cụ giảng giải thêm sau đó mới cho đọc tiếp.

Kể chuyện Bác Hồ Sđd, T.4, tr.17

[95.] Các chú để Bác thuyết minh cho.

Khi còn hoạt động ở chiến khu Việt Bắc, Bác thường xem phim cùng các đồng chí phục vụ trong cơ quan. Đó là những giờ phút, Bác cháu thoải mái sau hàng tuần, hàng tháng làm việc trong những hoàn cảnh thiếu thốn, căng thẳng.

Một lần, máy chiếu phim đã chạy đều đều, trên màn ảnh diễn ra những cảnh nối tiếp nhau, tiếng đối thoại của các nhân vật sôi nổi..., nhưng người xem thì không ai hiểu gì cả, vì đó là phim nước ngoài mà không có thuyết minh.

Như biết rõ yêu cầu của mọi người, Bác hỏi đồng chí phụ trách chiếu phim:

- Sao chú không thuyết minh cho mọi người nghe?

Đồng chí phụ trách thưa với Bác là phim mới nhập về, không có bản thuyết minh đi kèm. Nhưng vì thực hiện lịch chiếu phim do cơ quan quy định nên cứ thực hiện chương trình...

Với nụ cười đôn hậu, Bác nói:

- Chú để Bác thuyết minh cho...

Bác cầm micrô, tóm tắt đoạn phim vừa chiếu và trực tiếp thuyết minh hết bộ phim. Mọi người càng thêm mến phục Bác.

Hoà bình lập lại, cơ quan của Bác chuyển về Hà Nội. Lịch chiếu phim trong cơ quan Bác vẫn được duy trì.

Thường vào tối thứ 7, tại phòng lớn ngôi nhà Phủ Chủ tịch có chương trình chiếu phim.

Tối ấy, nghe thấy có phim hay, người xem khá đông.

Đúng giờ, Bác tới. Người ra hiệu cho mọi người ngừng vỗ tay rồi nhanh nhẹn ngồi vào ghế. Một số cháu nhỏ tíu tít quanh Bác.

Buổi chiếu phim: "*Hoàng tử Cóc*" bắt đầu. Mọi người trật tự theo dõi phim. Song lần này, đồng chí thuyết minh chưa xem trước, nên nhiều đoạn lời thuyết minh và hình ảnh không ăn nhập với nhau. Người xem khó theo dõi. Có người xì xào, phàn nàn... Nhiều người quay lại chỗ đặt máy chiếu có ý chờ đợi...

Hiểu rõ hoàn cảnh, Bác bảo đồng chí thuyết minh:

- Chú thuyết minh như vậy làm mất cả cái hay của bộ phim. Chú để Bác thuyết minh cho.

Nói rồi, Bác cầm micrô chăm chú theo dõi hình ảnh, lắng nghe đối thoại và thuyết minh trực tiếp bộ phim Pháp này. Mọi người chăm chú theo dõi. Có lúc Bác giải thích thêm. Lời thuyết minh rõ ràng, ngắn gọn. Giọng Bác ấm áp gợi cảm... Người xem hướng cả lên màn ảnh.

Cảnh cung điện huy hoàng của nhà vua... Hoàng tử bắt cung để chọn vợ. Mũi tên trúng một con Cóc. Cóc nói tiếng người. Nàng Cóc yêu cầu hoàng tử đưa mình về Cung.

Hoàng tử buồn bã vì phải sống chung với nàng Cóc. Song có điều lạ là, từ khi chung phòng với nàng Cóc, hoàng tử được ăn những bữa ăn ngon hơn yến tiệc trước đây, nhà cửa luôn luôn được ngăn nắp sạch, đẹp. Hoàng tử bí mật theo dõi. Cuối cùng, nàng Cóc hiện nguyên hình là một cô gái đẹp, duyên dáng. Từ đó hai người sống cuộc đời hạnh phúc...

Phim kết thúc. Như thường lệ, mọi người hướng về Bác chờ đợi một lời, một ý của Bác, Bác hỏi mọi người:

- Phim có hay không?

- Dạ, hay lắm ạ! Mọi người đồng thanh trả lời.

Bác lại hỏi:

- Hay vì sao? Và không đợi câu trả lời, Bác giải thích luôn:

- Hay vì có nội dung tốt. Câu chuyện răn mọi người muốn có lứa đôi hạnh phúc, thì đừng quá lệ thuộc vào hình thức bên ngoài; cần phải có cái đẹp bên trong, cái đẹp bản chất, về phẩm giá con người. Các tài tử đóng khéo, màu sắc đẹp, tình tiết hấp dẫn...

Người xem hôm ấy hiểu thêm về nội dung phim, về Bác. Làm việc gì Bác cũng đem lại điều bổ ích cho mọi người, phục vụ mọi người...

Nguyễn Lê

Trích trong “**Bác Hồ, con người và phong cách**”

Tập 3, Nxb Lao động, H.1993

13- [53.] Các chú nói có lý nhưng chưa hợp lý

... Các đồng chí Bộ Chính trị đều tham gia ý kiến đều gửi lại cho Bác. Bác xem và bảo đồng chí Vũ Kỳ lấy bản của đồng chí Trường Chinh làm bản gốc, vì bản này có nhiều ý kiến thiết thực, sau đó bổ sung các ý từ những bản của các đồng chí khác. Sửa xong Bác cho đi đánh máy lại và ngày 30/1 mời đồng chí phụ trách tuyên huấn sang cùng Bác soát lại lần cuối. Đồng chí tuyên huấn đọc xong, cười gượng, nói:

- Thưa Bác, so với bản bên Tuyên huấn gửi sang, Bác sửa lại hầu hết ạ.

Bác cười độ lượng:

- Bác có sửa nhưng các ý chính trong bài Bác có sửa đâu.

Đồng chí phụ trách tuyên huấn thưa:

- Thưa Bác, cán bộ Đảng ta nói chung là tốt. Chỉ có một số ít thoái hóa biến chất. Bác đặt đầu đề như vậy thì mạnh quá, xin Bác đưa về “Nâng cao đạo đức cách mạng” lên trước, về “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân” xuống sau ạ!

Bác quay sang hỏi đồng chí Vũ Kỳ:

- Ý kiến chú thế nào?

Đồng chí Vũ Kỳ thưa với Bác là đồng ý với đề nghị của đồng chí tuyên huấn. Nghe xong Bác nói:

- Các chú có lý, nhưng chưa hợp lý. Bác muốn hỏi điều này. Gia đình các chú tiết kiệm mua được một bộ bàn ghế và giường tủ mới. Vậy trước khi bê vào phòng, các chú có khênh đồ cũ ra quét sạch sẽ hay cứ để rác bần thiêu mà kê bàn ghế, giường tủ mới vào?

Ngừng một lát, Bác tiếp:

- Vì các chú là đa số. Bác đồng ý nhượng bộ, đổi lại đầu đề “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, nhưng trong bài dứt khoát giữ nguyên ý: “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng”.

Kể chuyện Bác Hồ Sdd, T.4, tr.19

[54.] Chú nói đúng, nhưng chưa đủ

Nghiêm nghị nhìn chúng tôi một lượt, Bác lại hỏi:

- Hòa bình lập lại, nhiệm vụ của các chú là gì?

Đồng chí Tân, cán bộ đại đội, đáp:

- Thưa Bác, bộ đội chúng cháu phải tiếp tục cùng nhân dân trừ gian, tích cực sản xuất và tích cực học tập quân sự, chính trị, văn hóa. Riêng đoàn chúng cháu có nhiệm vụ bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ tại Hà Nội ạ.

Bác gật đầu:

- Chú nói đúng, nhưng chưa đủ. Các chú còn phải cùng nhân dân đấu tranh thực hiện cải cách ruộng đất, tăng gia, chống đói, chống lụt. Phải xây dựng quân đội lớn mạnh bằng cách học tập chính trị, văn hóa, quân sự cho giỏi và sẵn sàng chiến đấu. Phải đề phòng mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch.

Sau khi đã giải thích cặn kẽ về Hiệp định Giơ-ne-vơ, Bác lại hỏi một lần nữa:

- Các chú còn gì thắc mắc nữa không?

“Kể chuyện Bác Hồ” Sdd, T.4, tr.24

[55.] Chú trả lời cho rõ hơn!

Sau khi thăm xong khu nhà ở, chúng tôi đưa Bác tới hội trường, đồng thời cũng là câu lạc bộ của đơn vị. Thấy nền gạch trong hội trường được anh em lau rất sạch, Bác cởi dép để ở ngoài thềm, đi chân không vào hội trường. Chúng tôi cũng làm theo Người. Thấy vậy, Bác bảo:

- Nên để cái gì lau chân, vừa sạch nhà, vừa đẹp mắt.

Bước vào trong hội trường, Bác đưa mắt nhìn chung quanh một lượt, để xem cách bố trí hội trường và phòng đọc sách. Sau đó, Người lần lượt xem các bức vẽ và bích báo của các chiến sĩ. Bác chú ý những bài nói về kinh nghiệm học tập quân sự, chính trị, văn hóa, thành tích tăng gia... Bác khen:

- Các bức vẽ và bích báo đều tốt, nhưng thiếu mục phê bình!

Tới giữa hội trường, Bác nhìn lên khẩu hiệu dưới ảnh Người và bảo:

- Chữ viết đẹp. Nhưng là những chữ gì? - Nói xong, Bác liền đọc” “Hồ Chủ tịch muốn nằm”.

Phê bình mà chúng tôi vẫn không sao nhịn được cười. Bác cũng cười. Đuôi mắt của Người nheo hắt lại, chòm râu rung rung.

- Thừa Bác, chúng cháu viết khẩu hiệu “Hò Chủ tịch muôn năm” đấy ạ! Sợ vì đánh dấu sẽ giảm mất mỹ thuật nên viết như thế ạ. - Đó là lời đồng chí Minh, người chiến sĩ vừa tòng quân năm 1961. Lần đầu gặp Bác, thấy Bác đọc khẩu hiệu như thế, Minh tưởng Bác đọc thật, vội trình bày lại.

Bác nhìn Minh, âu yếm hỏi:

- Chú bao nhiêu tuổi?

- Thừa Bác, cháu 18 ạ!

- Chú ở nhà làm gì? Gia đình hiện nay thế nào?

- Dạ, cháu ở nhà đi học và giúp bố mẹ cháu làm trong hợp tác xã ạ! Bố cháu trước là cố nông, sau Cách mạng tháng Tám đi bộ đội, mới phục viên năm 1959 ạ!

- Chú học lớp mấy?

- Dạ, cháu học lớp 9...

Bác chỉ vào bản đồ Việt Nam treo trên tường và bảo Minh:

- Cháu chỉ cho Bác xem âm mưu Mỹ - Diệm dùng chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam như thế nào, tác hại ra sao?

Minh trả lời xong, Bác gật đầu tỏ vẻ hài lòng:

- Chú hiểu đúng! Nên làm cho anh em khác cũng hiểu như mình.

Nhắc Minh xong, Bác quay lại hỏi tôi:

- Lúc ở nhà chú làm gì?

- Ngày bé cháu đi ở cho địa chủ, lớn lên được người anh xin cho vào học việc ở nhà máy xe lửa Gia Lâm. Kháng chiến cháu tham gia đội nghĩa quân Hồng Hà, rồi sau chuyển sang sư đoàn Quân tiên phong ạ!

Bác quay lại hỏi Minh:

- Chú nghĩ như thế nào khi thấy mình học hết lớp 9 và trung đoàn trưởng của chú trước làm công nhân?

Minh suy nghĩ có vẻ khó khăn, đôi lông mày thanh thanh nhíu lại. Má lại đỏ bừng lên. Cuối cùng Minh trả lời gượng:

- Thừa Bác, đó là nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và quân đội ta tiến lên chính quy hiện đại ạ!

Có tiếng xì xào, Bác ra hiệu giữ trật tự rồi chỉ thượng sĩ Bình, người chiến sĩ tình nguyện:

- Chú trả lời cho rõ hơn!

Rập chân đứng nghiêm lại, vẻ tự tin, Bình thưa:

- Đó là bản chất của chế độ ta, mặt khác cũng nói rõ quân đội ta là của quần chúng nhân dân lao động, công nông là chủ lực của cách mạng.

- Chú học lớp mấy? - Bác hỏi tiếp đồng chí Bình.

- Dạ, cháu học lớp 5 ạ! - Bình hơi thẹn, thanh minh thêm: Cháu vào bộ đội mới được học ạ!

Bác dặn:

- Hai chú cần học tập lẫn nhau, giúp nhau để cùng tiến bộ.

Kể chuyện Bác Hồ Sdd, T.4, tr.24

14- [58.] Được Bác đổi tên.

- Sao chú lại tên là Thều?

Không nén nổi xúc động. Thều lặng người đi, nước mắt trào ra.

Bác đưa cho Thều một chén nước, Thều nghẹn ngào kể lại với Bác tình cảnh riêng của mình.

Nhà Thều nghèo lắm. Lúc nhỏ Thều được cha mẹ đặt tên là “thằng cu Nậy”. Thều cũng biết rằng tên đó không hay, nhưng quanh xóm, bọn trẻ cùng cảnh nghèo như Thều, tên cũng xấu vậy thôi. Chỉ có con nhà giàu mới có tên đẹp! Rồi đến năm 1945, mẹ Thều chết đói, cha Thều phải bồng bế dắt díu con ngược dòng sông Lam, sang tận bên Lào kiếm sống. Cơ cực quá, không nuôi nổi các con, cha Thều phải bán các em cho nhà giàu. Còn Thều thì lang thang thất tha thất thểu, đầu đường xó chợ kiếm ăn. Cũng từ đó, người ta quen gọi nó là “thằng Thều” và thế là cái tên “thằng Nậy” mà cha mẹ nó đặt ra cũng mất nốt.

Vào bộ đội, chiến đấu dũng cảm, trở thành Chiến sĩ thi đua, Thều vẫn giữ cái tên cũ.

Lắng nghe Thều kể xong, Bác rất xúc động. Người cầm tay Thều và nói:

- Bác cháu ta làm cách mạng để xóa bỏ kiếp sống cũ, xây dựng cuộc đời mới, chú nên đặt tên mới để thể hiện sự thay đổi của cuộc đời mình.

Bác ngừng lời, nhìn các chiến sĩ một lượt. Các chiến sĩ, nhất là Thều, cùng nhìn Bác chăm chú chờ đợi.

Bác nói tiếp:

- Từ nay chú Thều sẽ tên là Thảo. Như thế vừa giữ được vần cũ, lại có ý nghĩa hiếu thảo với nhân dân.

Thều cảm động và sung sướng nhận tên mới: Nguyễn Văn Thảo.

Sau đồng chí Thảo, gặp đồng chí Thái Doãn Thiếp. Bác lại hỏi:

- Sao tên chú lại như tên con gái vậy?

Câu hỏi của Bác làm Thiếp xấu hổ.

- Thưa Bác, cháu không rõ ạ!

Bác nói:

- Các cụ đặt tên là có ý lắm và bao giờ cũng giải thích cho con cháu nghe ý nghĩa tên của mình.

- Thưa Bác, cháu nghe cha mẹ cháu nói là vì hiếm hoi, lúc mới sinh cháu lại gầy yếu và trông như con gái, nên mới lấy tên con gái để đặt tên cho cháu ạ!

Bác cười và nói:

- Ừ, thế mới đúng - Bác nhìn Thiếp và nói tiếp - Bây giờ chú là chiến sĩ bảo vệ - chiến sĩ bảo vệ thì không những phải dũng cảm, cảnh giác, thông minh, tận tụy, mà còn phải lịch thiệp nữa. Cho nên đổi tên “Thiếp” thành tên “Thiệp” là hơn.

Thiếp phần khởi nhận ngay cái tên mới mà Bác vừa đặt cho: Thái Doãn Thiệp.

Trích trong cuốn **Kể chuyện Bác Hồ** Sdd, T.4, tr.33

[60.] Nhận tên mới.

Một đồng chí trong chúng tôi hỏi Bác:

- Thưa Bác, chúng cháu nghĩ mãi vẫn chưa rõ tại sao phải đánh trường kỳ, vì đánh trường kỳ thì hại người, hại của lắm!

Bác phân tích cho chúng tôi rõ các mặt lợi hại, rồi lấy một ví dụ:

- Sức ta lúc này như trai mười sáu, mà giặc như một lão già quý quyết, độc ác. Nếu ta cậy sức đánh bừa sao chắc thắng được! Phải vừa đánh vừa nuôi sức cho mình lớn lên. Khi sức đã khoẻ, giặc đã suy yếu, già cỗi, ta mới lừa thế quật ngã, như vậy có chắc thắng không?

Bác dừng lại nhìn chúng tôi. Và khi thấy chúng tôi đã nhận thức được, Bác kết luận:

- Vì vậy mới nói trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi.

Sau đó, Bác bảo chúng tôi:

- Các chú ở đây mỗi người một tên, khó gọi, dễ lộ bí mật. Để dễ gọi, để giữ bí mật và cũng thể hiện quyết tâm kháng chiến của chúng ta, từ nay Bác đặt cho các chú tên mới theo câu Bác vừa nói. Các chú có đồng ý không?

- Dạ! - chúng tôi đều phần khởi nhận tên mới.

Bác chỉ vào tôi và lần lượt đặt tên cho từng đồng chí. Từ đó tám anh em chúng tôi có tên mới là: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.

Trích trong cuốn **Kể chuyện Bác Hồ** Sdd, T.4, tr.40

15- [64.] Bài thơ nổi tiếng của Bác Hồ căn dặn thanh niên được ra đời như thế nào.

Đội thanh niên xung phong công tác trung ương đầu tiên thành lập ngày 15/7/1950 theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch. Sau khi phục vụ chiến dịch Biên giới, Đội được giao nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường quan trọng: Cao Bằng - Bắc Cạn - Thái Nguyên. Đội đã được tổ chức thành nhiều Liên phân đội rải quân dọc tuyến đường và nhận nhiệm vụ bám trụ những nơi hiểm yếu. Liên phân đội TNXP 321 của chúng tôi được nhận trọng trách bảo vệ cầu Nà Cù (thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn), nằm trên tuyến đường từ thị xã Bắc Cạn đi Cao Bằng. Cầu Nà Cù lúc này không những đã trở thành mục tiêu ném bom bắn phá của máy bay địch, mà còn có nguy cơ bị nước lũ cuốn trôi.

Trung tuần tháng 9/1950*, chúng tôi được tin báo có đồng chí Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp (nay là Tổng cục Hậu cần) sẽ đến thăm đơn vị. Đêm hôm đó, chúng tôi tổ chức lửa trại trong rừng Nà Tu để đón khách. Vừa trông thấy ánh đèn pin thấp thoáng từ ngoài cửa rừng đi vào, đoán là khách đã đến, tôi cho anh chị em vỗ tay hoan hô: "Hoan hô đồng chí Trần Đăng Ninh". Khách vào tới nơi, định thần nhìn lại, tất cả chúng tôi đều sững sờ trước niềm

* Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia 1995, T.6, tr.95

hạnh phúc thật bất ngờ: Bác Hồ đến thăm. Hàng ngũ của chúng tôi trở nên xáo động..., nhưng do việc giữ bí mật đã ăn sâu vào ý thức từng người nên trong hàng ngũ cũng chỉ truyền đi những tiếng reo khe khẽ: "Bác Hồ! Bác Hồ!". Rõ ràng Bác đang ở trước mắt mà chúng tôi cứ ngỡ như một giấc chiêm bao! Bác vẫn giản dị với bộ quần áo bà ba màu nâu, chiếc khăn quàng cổ che kín cả chòm râu. Đi bên cạnh Bác là đồng chí Trần Đăng Ninh.

Bác tươi cười nhìn chúng tôi và giơ tay ra hiệu:

- Các cháu ngồi cả xuống.

Chúng tôi đều rấm rập nghe theo lời Bác, im lặng ngồi xuống.

Những câu đầu tiên Bác hỏi chúng tôi là những lời hỏi thăm ân cần về tình hình đời sống của đơn vị.

Bác hỏi: - Các cháu ăn uống có đủ no không?

- Thưa Bác có ạ!

- Các cháu có đủ muối ăn không?

- Thưa Bác đủ ạ!

- Quần áo, chăn màn, thuốc phòng bệnh chữa bệnh có đủ không?

- Thưa Bác đủ ạ!

Qua nụ cười hiền hậu trên nét mặt của Bác, chúng tôi thấy Bác biết thừa là chúng tôi nói dối để Bác vui lòng.

Bác đã được đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp báo cáo đầy đủ về chế độ cấp phát lương thực, thuốc men, quân trang cho TNXP còn thiếu thốn. Bác lại hỏi:

- Các cháu có biết Đảng Lao động Việt Nam không?

- Thưa Bác có ạ!

Sau đó Bác lại hỏi tiếp:

- Đảng Lao động Việt Nam với Đảng Cộng sản Đông Dương khác nhau ở điểm nào?

Một số người trong chúng tôi được Bác kiểm tra trực tiếp toát mồ hôi, nên trả lời rất lúng túng.

Sau đó bằng những câu ngắn gọn, Bác đã truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ II vừa mới họp về việc đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam. Tiếp đó Bác nhắc nhở:

- Lần sau cái gì không biết các cháu phải nói không biết, không biết mà nói biết là giấu dốt.

Rồi Bác đột ngột hỏi tiếp:

- Đèo núi có khó không?

Chúng tôi ai cũng dè dặt không dám trả lời ào ào như trước nữa. Thế là Người trả lời: khó, người sợ nói khó bị cho là tư tưởng ngại khó nên trả lời không khó.

Trả lời xong mà cứ nom nớp sợ Bác hỏi thêm. Bác chưa kết luận mà hỏi thêm chúng tôi:

- Có ai dám đào núi không?

Và chỉ định một đội viên gái ngồi ngay trước mặt Bác, đồng chí này mạnh dạn đứng lên thưa:

- Thưa Bác có ạ! TNXP chúng cháu ngày ngày vẫn đang đào núi để đảm bảo giao thông đấy ạ! (Hồi bấy giờ chúng tôi đào núi bằng cuốc, xẻng, không được cơ giới hoá như bây giờ). Nghe xong, Bác cười:

- Đào núi không khó là không đúng, nhưng khó mà con người vẫn dám làm và làm được. Chỉ cần cái gì?

Chúng tôi đã bình tĩnh, lấy lại được tinh thần và mạnh dạn hẳn lên, thì nhau giơ tay lên phát biểu, có người trả lời "cần quyết tâm cao", có người "cần kiên gan bền chí", "cần vượt khó vượt khổ", có người "cần xung phong dũng cảm", toàn là những khẩu hiệu hành động của TNXP chúng tôi hồi đó.

Bác động viên chúng tôi:

- Các cháu trả lời đều đúng cả: Tóm lại việc gì khó mấy cũng làm được, chỉ cần quyết chí. Tục ngữ ta có câu: "Có công mài sắt có ngày nên kim". Để ghi nhớ buổi nói chuyện của Bác cháu ta hôm nay, Bác tặng các cháu mấy câu thơ:

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.*

Đọc xong mỗi câu thơ, Bác lại bảo chúng tôi đồng thanh nhắc lại. Cuối cùng Bác chỉ định tôi nhắc lại cả bài thơ cho tất cả đơn vị nghe. Thật may mắn, tôi đã nhắc trôi chảy không sai chữ nào.

Giữa rừng đêm khuya, dưới ánh lửa bập bùng, Bác cùng chúng tôi hoà nhịp theo bài ca "Nhạc tuổi xanh". Chúng tôi hát hào hứng, say mê. Đến khi bài hát được hát lại lần thứ hai, nhìn lại thì không thấy Bác đâu nữa! Bác xuất hiện và ra đi như một ông tiên trong chuyện cổ tích huyền thoại. Đám thanh niên chúng tôi ngẩn ngơ nuôi tiếc hồi lâu.

Bài thơ nổi tiếng của Bác Hồ căn dặn thanh niên được ra đời như thế đó. Rất mộc mạc, giản dị nhưng lại vô cùng sâu sắc. Bài thơ đã là nguồn cổ vũ, động viên lớp lớp TNXP chúng tôi lao vào cuộc kháng chiến và kiến quốc. Sau này mỗi khi gặp khó khăn, hình ảnh của Bác Hồ và bốn câu thơ của Bác lại được tái hiện trong lòng chúng tôi, tiếp cho chúng tôi thêm sức mạnh để vượt qua.

Trích trong cuốn **Kể chuyện Bác Hồ** Sđd, T.4, tr.57

16- [66.] Các cháu hát được bài *Kết đoàn* chứ?

Bác đi về phía chúng tôi. Các đồng chí ban tổ chức ca nhạc thấy Bác, khách quốc tế và các đồng chí cùng đi đông quá, vội chạy lo đi tìm ghế cho Bác và các đại biểu. Nhưng gom góp lại cũng chỉ được chục cái, ai ngồi, ai không?

Vừa lúc đó, Bác đã nhanh nhẹn bước tới, hình như việc giải quyết linh hoạt các khó khăn dù lớn, dù nhỏ đã thành thói quen đối với Bác. Bác cười với chúng tôi rồi ngồi ngay xuống bãi cỏ phía trước. Các đại biểu Đảng bạn đi sau đều theo

Bác mà ngồi cả xuống cỏ. Ban tổ chức thở phào, trút được mối lo. Số ghế ít ỏi đã chuẩn bị đâm ra thừa.

Anh Nguyễn Hữu Hiếu chỉ huy chúng tôi trình bài ca ngợi Đảng và ca ngợi Bác. Chưa bao giờ chúng tôi biểu diễn trong trạng thái say mê đến thế!

Âm hưởng bài hát ca ngợi Bác chưa dứt, niềm say mê của chúng tôi chưa kịp lắng xuống thì Bác đứng lên, tiến về phía chúng tôi. Chúng tôi sung sướng chờ nghe tiếng nói hồn hậu của Bác mà phần lớn chúng tôi chỉ được nghe qua loa truyền thanh.

Nhưng không, Bác không nói chuyện với chúng tôi mà đến gần bục chỉ huy rồi bước lên. Và trước nỗi thích đến muốn reo lên của chúng tôi, Bác cầm lấy đũa chỉ huy của anh Nguyễn Hữu Hiếu.

Chúng tôi càng thích thú khi thấy các đồng chí bạn xôn xao kinh ngạc. Nhiều vị đứng lên, rồi tất cả cùng đứng lên để nhìn Bác cho rõ hơn.

Các đồng chí bạn ngạc nhiên là phải, vì trong quá trình hoạt động của Bác, mọi người chỉ biết Bác đã từng trải qua nhiều ngành nghề, nhưng có ai nghe nói Bác chỉ huy dàn nhạc bao giờ đâu, mà đây lại là một dàn nhạc giao hưởng hiện đại với cả khối hợp xướng ngót nghìn người.

Bác vẫn điềm tĩnh hỏi chúng tôi:

- Các cháu hát được bài *Kết đoàn* chứ?

Và chúng tôi đã đàn và hát bài *Kết đoàn* dưới sự chỉ huy của Bác.

Bác không nói lời dạy bảo gì khác đối với chúng tôi, Bác chỉ bắt nhịp cho chúng tôi hát bài *Kết đoàn*; chính là chúng tôi đã hát lên lời dạy bảo của Bác.

Theo **Văn Long** (Nhà thơ)

[67.] **Thanh niên phải gương mẫu trong đoàn kết và kỷ luật**

Lần nào gặp Bác, câu đầu tiên Bác thường hỏi là: "Thế các chú có đoàn kết không, có thương yêu nhau không?" rồi Bác dặn: "Thanh niên phải gương mẫu trong đoàn kết và kỷ luật".

Cả chi đoàn đã lấy lời nói đó của Bác làm nội dung tu dưỡng. Mỗi khi có gì va chạm, kén gấn bó với nhau, anh chị em lại rất ân hận là chưa xứng đáng với lời Bác dặn, có anh chị em khóc nức nở vì hối hận chưa thực hiện được theo đúng lời Bác.

Có lần Bác hỏi tôi: "Trong chi đoàn cháu, có đoàn viên nào có tư tưởng muốn làm "ngôi sao" không?".

Tôi còn đang lúng túng, Bác đã bảo: "Biểu diễn thật hay để phục vụ nhân dân được nhiều là tốt. Nhưng nếu có tư tưởng muốn làm "ngôi sao" thì ngôi sao có khi tỏ, có khi lặn, lúc ngôi sao lặn thì lại buồn. Trong đoàn cháu có thanh niên nào có tư tưởng muốn làm "ngôi sao" thì cháu phải giúp đỡ".

Lần cuối cùng tôi được gặp Bác là vào tháng 7... Sau khi đi diễn ở Pháp, Ý, Angiêri, Liên Xô, Trung Quốc... về, cả đoàn lại được quây quần quanh Bác. Tôi là Phó trưởng đoàn, nên cũng được đến gặp Bác và báo cáo với Bác là ở

Angriêri cũng như ở Pháp, ở Ý..., cứ mỗi lần tiết mục của ta hay, họ vỗ tay đến vỡ nhà hát và hô: Việt Nam - Hồ Chí Minh, Việt Nam - Điện Biên Phủ.

Bác vui vẻ bảo:

- Thế là người ta hoan nghênh các cháu, các cháu có hếch mũi lên không? (Bác đưa tay đẩy mũi lên).

Cả đoàn cười rộ và ai nấy đều hiểu đó là Bác có ý răn bảo.

Xong Bác bảo: "Người ta hoan hô các cháu, hay hoan hô Bác là người ta hoan hô của dân tộc mình, cả dân tộc Việt Nam anh hùng...".

Theo **Thuý Quỳnh** (Diễn viên múa) Sđd, T.4, tr. 84

[69.] Sự ra đời của một bài thơ

Những năm đầu cách mạng, trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, Bác phải chăm lo trăm công ngàn việc. Nhân dân ta ai cũng lo cho sức khỏe của Bác. Nhiều người với tư cách cá nhân, tập thể đã dành thời giờ đến thăm Bắc Bộ phủ - nơi ở và làm việc của Chính phủ ta hồi đó - thăm sức khỏe của Bác. Lúc bấy giờ, việc đến thăm vị Chủ tịch nước không đến nỗi phải qua nhiều thủ tục phiền phức rắc rối.

Nhân chuyến vào Thanh Hóa có việc riêng, nữ thi sĩ Hằng Phương đã nghĩ làm sao khi về phải có món quà đầy ý nghĩa đến thăm sức khỏe của Bác. Tại Thanh Hóa có loại cam làng Giang ngon nổi tiếng. Nhà thơ liền chọn mua chục quả về biếu Bác.

Ngồi trên xe trở về Hà Nội, vừa khư khư ôm túi cam, vừa nghĩ đến ngày mai vào Bắc Bộ phủ gặp Bác nên nói câu gì, và nói thế nào cho phải phép với Bác. Hằng Phương nhâm ngay một bài thơ:

*Cam ngon Thanh Hoá vốn dòng
Kính dâng Chủ tịch tỏ lòng mến yêu
Đắng cay Cù trái đã nhiều
Ngọt bùi trời trả đủ điều từ đây
Cùng quốc dân hưởng những ngày
Tự do hạnh phúc tràn đầy trời Nam
Anh hùng tỏ mặt giang san
Lưu danh thiên cổ vẻ vang giống nòi.*

Sáng hôm sau, nhà thơ cẩn thận gói cam vào giấy đẹp, trân trọng chép lại bài thơ rồi đến Bắc Bộ phủ thăm Bác.

Vừa đến công, bà liền được đồng chí bảo vệ chỉ đường vào phòng làm việc của Bác. Nhưng lúc đó Bác còn bận tiếp một vị khách nước ngoài ở phòng tiếp khách. Đồng chí văn phòng bảo nhà thơ ngồi chờ một lát. Nhưng nhà thơ thấy Bác bận quá, không muốn làm phiền Bác, bèn gửi cam và bài thơ lại rồi xin phép ra về.

Sau khi tiễn chân người khách nước ngoài, Bác trở lại văn phòng và biết bà khách đã về rồi. Nhìn gói cam và đọc bài thơ, Bác rất cảm động, nhưng lại

không biết tên và địa chỉ của khách, Bác liền làm một bài thơ đăng Báo Phụ nữ để trả lời. Bài thơ đề là "Tặng cam":

Cảm ơn bà biếu gói cam

Nhận thì không đăng, từ làm sao đây

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai.

Bài thơ bày tỏ lời cảm ơn, đồng thời nhân đó nêu lên bài học đạo đức từ một câu tục ngữ rất quen thuộc và khẳng định niềm tin vào thắng lợi sắp tới.

Mấy chục năm qua, bài thơ đã đi vào lòng mọi người, nhưng ít ai chú ý đến chi tiết bà biếu gói cam - một chi tiết gợi cảm hứng cho sự ra đời một bài thơ có giá trị của Bác.

Trích trong cuốn **Kể chuyện Bác Hồ** Sdd, T.4. tr. 104

17- [79.] Thời gian quý báu lắm.

Sinh thời, Bác Hồ của chúng ta yêu cái gì nhất, ghét cái gì nhất? Kể cũng hơi khó trả lời cho thật chính xác, bởi ở ta không có thói quen "tự bạch" và kín đáo, ý nhị vốn là một đặc điểm của lối ứng xử phương Đông.

Tuy nhiên, theo dõi qua tác phẩm, hoạt động và sinh hoạt đời thường, điều ta có thể thấy rõ cái mà Người ghét nhất, "ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm" là các thói quan liêu, tham nhũng, xa hoa, lãng phí tiền bạc và thời gian của nhân dân.

Ở một mức độ khác, thấp hơn, những người có điều kiện tiếp xúc và làm việc với Bác Hồ, đều thấy rõ nhất là Bác rất khó chịu khi thấy cán bộ làm việc không đúng giờ.

Năm 1945, mở đầu bài nói chuyện tại lễ tốt nghiệp khóa V Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam, Người thẳng thắn góp ý: "Trong giấy mời tới đây nói 8 giờ bắt đầu, bây giờ 8 giờ 10 phút rồi mà nhiều người chưa đến. Tôi khuyên anh em phải làm việc cho đúng giờ, vì thời gian quý báu lắm".

Trong kháng chiến chống Pháp, một đồng chí cấp tướng đến làm việc với Bác sai hẹn mất 15 phút, tất nhiên là có lý do: mưa to, suối lũ, ngựa không qua được. Bác bảo:

- Chú làm tướng mà chậm đi mất 15 phút thì bộ đội của chú sẽ hiệp đồng sai đi bao nhiêu? Hôm nay chú đã chủ quan, không chuẩn bị đầy đủ các phương án, nên chú đã không giành được chủ động.

Một lần khác, Bác và đồng bào phải đợi một đồng chí cán bộ đến để bắt đầu cuộc họp. Bác hỏi:

- Chú đến chậm mấy phút?

- Thưa Bác, chậm mất 10 phút ạ!

- Chú tính thế không đúng, 10 phút của chú phải nhân với 500 người đợi ở đây.

Bác quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu, vì vậy thường không bao giờ để bất cứ ai phải đợi mình.

Năm 1953, Bác quyết định đến thăm lớp chính huấn của anh chị em tri thức, lúc đó đang bước vào cuộc đấu tranh tư tưởng gay go. Tin vui đến làm náo nức cả lớp học, mọi người hồi hộp chờ đợi.

Bỗng chuyển trời đột ngột, mây đen ùn ùn kéo tới, rồi một cơn mưa dòn dập, xối xả, tối đất, tối trời, hai ba tiếng đồng hồ không dứt. Ai cũng xuýt xoa, tiếc rẻ: mưa thế này, Bác đến sao được nữa, trời hại quá.

Giữa lúc trời đang trút nước, lòng người đang thất vọng, thì từ ngoài hiên lớp học có tiếng rì rào, rồi bật lên thành tiếng reo át cả tiếng mưa ngàn, suối lũ:

- Bác đến rồi, anh em ơi! Bác đến rồi!

Trong chiếc áo mưa ướt sũng nước, quần xắn đến quá đầu gối, đầu đội nón, Bác hiện ra giữa niềm ngạc nhiên, hân hoan và sung sướng của tất cả mọi người.

Về sau, anh em được biết: giữa lúc Bác chuẩn bị đến thăm lớp thì trời đổ mưa to. Các đồng chí làm việc bên cạnh Bác đề nghị Bác cho báo hoãn đến một buổi khác. Có đồng chí đề nghị tập trung lớp học ở một địa điểm gần nơi ở của Bác...

Nhưng Bác không đồng ý: "Đã hẹn thì phải đến, đến cho đúng giờ, đợi trời tạnh thì biết đến khi nào? Thà chỉ một mình Bác và một vài chú nữa chịu ướt còn hơn để cả lớp học phải chờ uống công!".

Ba năm sau, giữa thủ đô Hà Nội đang vào xuân, câu chuyện có thêm một đoạn mới. Vào dịp tết cổ truyền của dân tộc, hàng trăm đại biểu các tầng lớp nhân dân thủ đô tập trung tại Ủy ban Hành chính thành phố để lên chúc tết Bác Hồ. Sắp đến giờ lên đường, trời bỗng đổ mưa như trút. Giữa lúc mọi người còn đang lúng túng thu xếp phương tiện cho đoàn đi để Bác khỏi phải chờ lâu thì bỗng xịch, một chiếc xe đậu trước cửa. Bác Hồ từ trên xe bước xuống, cầm ô đi vào, lần lượt bắt tay, chúc tết mỗi người, trong nỗi bất ngờ rung rung cảm động của các đại biểu.

Thì ra, thấy trời mưa to, thông cảm với khó khăn của ban tổ chức và không muốn các đại biểu vì mình mà vất vả, Bác chủ động, tự thân đến tại chỗ chúc tết các đại biểu trước. Thật đúng là mối hằng tâm của một lãnh tụ suốt đời quên mình, chỉ nghĩ đến nhân dân, cho đến tận phút lâm chung, vẫn không quên dặn lại: "Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân".

Song Thành (Theo lời kể của đồng chí **Huy Vân**)
Trong cuốn "**Bác Hồ, con người và phong cách**",
NXB Lao động, H. 1993, T.1.

[110.] Ứng biến nhanh giặc nào cũng thắng.

Nhân dịp đón các đồng chí ở miền Nam ra thăm miền Bắc vào dịp Tết Nguyên đán, Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức bữa cơm thân mật..

Các đồng chí và gia đình được mời đã đến dự đông đủ. Riêng còn thiếu gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ban Tổ chức có ý đợi một lát...

Bác bảo: “Đúng giờ ta đi ăn cơm, ai tới chậm để phần”.

Đang lúc mọi người chuẩn bị nâng cốc thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp và gia đình tới. Biết chậm, Đại tướng mặc dù mặc quân phục vẫn vội bế hai cháu nhỏ khẩn trương bước vào phòng. Vợ đồng chí cùng cháu lớn theo sau vội vã...

Thấy Đại tướng, Bác xem giờ rồi nói: “Chú Văn chậm 5 phút? Đại tướng cũng chậm giờ à?”...

Đại tướng vội đặt hai cháu xuống rồi lại trước Bác đứng nghiêm nói:

- Thưa Bác, riêng quân chủ lực thì cơ động dễ dàng. Song còn “lực lượng dân quân du kích” đông đảo thế này cơ động khó quá ạ!

Bác cười và khen:

- Giỏi! Chú ứng biến nhanh như vậy, nếu nắm vững lực lượng của mình thì giặc nào cũng thắng.

Nói rồi Bác chỉ vào bàn ăn:

- Xung trận!

Mọi người cùng cười ồ cả lên và theo Bác vào “trận”.

Minh Hiền

Trích trong “**Bác Hồ với chiến sĩ**” Nxb QĐND, H.1994

18- [81.] Bác có phải là vua đâu?

Có một số người có ngôi cao, chức cả, sống trong sự trọng vọng, chiều chuộng của mọi người, thường xuyên được hưởng sự ưu đãi đặc biệt, lâu dần cũng quen đi mà không hề biết rằng mình đã nhiễm phải thói đặc quyền, đặc lợi.

Suốt đời tâm niệm là người công bộc của nhân dân, lo trước thiên hạ vui sau thiên hạ, Bác Hồ của chúng ta luôn luôn hòa mình vào cuộc sống chung của đồng bào, đồng chí, không nhận bất cứ một sự ưu tiên nào của người khác dành cho mình.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều nhân sĩ, trí thức cao tuổi theo Bác lên Việt Bắc, đi kháng chiến, đèo cao, suối sâu, đường bùn lầy, nhiều vị phải nằm cáng. Anh em phục vụ lo Bác mệt cũng đề nghị Bác lên cáng, Bác gạt đi: Bác còn khỏe, còn đi được, các chú có nhiệm vụ đưa Bác đi như thế này là tốt rồi.

Năm 1950, Bác Hồ đi chiến dịch biên giới. Chuyến đi dài ngày, gian khổ. Anh em cảnh vệ kiếm được một con ngựa, mời Bác lên, Bác cười: chúng ta có 7 người, ngựa chỉ có một con, Bác cười sao tiện?

Anh em vừa khấn khoản: chúng cháu còn trẻ, Bác đã cao tuổi, đường xa, việc nhiều, ... Không nỡ từ chối, Bác trả lời:

- Thôi được, các chú cứ mang ngựa theo để nó đỡ hộ ba lô, gạo nước và thức ăn. Trên đường đi, ai mệt thì cưỡi. Bác mệt, Bác cũng sẽ cưỡi.

Cuối năm 1961, Bác về thăm xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Bác đứng

nói chuyện với nhân dân trong xã. Trời đã gần trưa, tuy đã sang đông mà nắng còn gay gắt. Nhìn Bác đứng giữa nắng trưa, ai cũng băn khoăn. Đồng chí Chủ tịch huyện cho tìm mượn được chiếc ô, định giương lên che nắng cho Bác, thì Bác quay lại hỏi:

- Thế chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi, cất đi, Bác có phải là vua đâu?

Một lần, trong bữa ăn, đồng chí phục vụ dọn lên cho Bác một đĩa cá anh vũ, một loại cá sông quý hiếm thường chỉ có ở khúc sông Hồng đoạn Bạch Hạc - Việt Trì. Nhìn đĩa cá biết ngay là của hiếm, Bác khen và bảo:

- Cá ngon quá, thế mà chú Tô (tức đồng chí Phạm Văn Đồng) lại đi vắng. Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức.

Miếng ngon không bao giờ Bác chịu ăn một mình. Chia sẻ ngọt bùi là thế, tưởng chuyện cũng sẽ qua đi. Nhưng đến bữa sau, trong mâm cơm lại có món cá hôm trước. Nhìn đĩa cá, Bác hiểu ngay và tỏ ra không bằng lòng.

- Bác có phải là vua đâu mà phải cung với tiến!

Rồi Người kiên quyết bắt mang đi không ăn nữa. Như Bác đã từng nói, ở đời ai chẳng thích ăn ngon, mặc đẹp, nhưng nếu miếng ngon đó lại đánh đổi bằng sự mệt nhọc, phiền hà của người khác thì Bác đâu có chấp nhận.

Những anh em công tác trong Phủ Chủ tịch hàng ngày vẫn thường đi lại bằng xe đạp, thỉnh thoảng có gặp Bác đi bộ. Nhìn thấy Bác, mọi người đều xuống dắt xe chờ Bác đi qua rồi mới lên xe đi tiếp. Thấy vậy, Bác thường khoát tay ra hiệu bảo anh em cứ đi tiếp, không cần xuống xe. Nhưng ai có thể cho phép mình ngồi trên xe khi Bác đi bộ. Một lần, Bác gọi đồng chí vừa xuống dắt xe lại gần và bảo:

- Các chú có công việc của mình nên cứ tiếp tục đạp xe mà đi. Bác đâu có phải là cái đèn có biển "hạ mã" ở trước để ai đi qua cũng phải xuống xe, xuống ngựa?

Lão Tử có nói: "Trời đất sở dĩ có thể dài và lâu vì không sống cho mình nên mới được trường sinh. Thánh nhân đặt thân mình ở sau mà lại lên trước, đặt thân mình ở ngoài mà lại còn". Bác Hồ sống quên mình, không nghĩ đến mình mà lại trở thành sống mãi. Lời Lão Tử thật sâu sắc lắm thay!

Trần Hiếu

Trong cuốn "**Bác Hồ, con người và phong cách**",
Tập 1, NXB Lao động, H. 1993.

[63.] Tặng Thủ tướng bó hoa này thì tốt lắm!

Chúng tôi vừa tới phòng đợi thì Người từ phòng riêng bước ra. Thấy chúng tôi, Người tươi cười nói:

- A! Năm mới Bác mừng các chú thêm một tuổi! Bác gửi các chú lời chúc mừng năm mới được mạnh khỏe, sản xuất, tiết kiệm tốt tới các cụ, các thím, các cháu ở nhà!

Rồi Bác khen:

- Năm mới có khác, trông chú nào cũng đẹp trai!

Thấy đồng chí đại biểu cầm bó hoa bước ra, Bác bảo ngay:

- Các chú thật khéo vẽ chuyện! Bác với các chú sống bên nhau hàng ngày, việc gì phải hoa!

Người ngừng lại, cùng chúng tôi cười vui rồi nói tiếp:

- Đáng chừng cho Bác ăn cỗ Tết mà đến tay không thì ngại, phải không? Các chú trồng được nhiều rau tốt, sao không chọn những cây nào đẹp, tốt, trồng vào chậu cảnh mang tới biếu Bác. Bác sẽ đặt nó ở trước phòng khách. Khách tới Bác sẽ giới thiệu là các chú trồng, hết Tết các chú lại mang rau về dùng. Thế là Bác có quà tặng, các chú được tuyên truyền mà lại chẳng mất gì cả! Như vậy có tốt hơn không?

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau thật là ngượng ngập. Để đại biểu tặng hoa Bác lúc này cũng dở, mà mang về cũng dở...

May sao Bác gỡ thế bí cho chúng tôi, Người bảo:

- Các chú mua được hoa đẹp đấy! Ta mang sang chúc tết Thủ tướng đi! Tặng Thủ tướng bó hoa này thì tốt lắm!

Mừng quá chúng tôi reo lên, theo Người sang chúc tết đồng chí Thủ tướng. Gần tới nhà đồng chí Thủ tướng, Bác vui vẻ nói to lên:

- Năm mới, các chiến sĩ, cán bộ tới chúc tết Thủ tướng. Chúc Thủ tướng mạnh khỏe, cùng nhân dân giành nhiều thắng lợi mới!

Đồng chí Thủ tướng nghe thấy giọng nói của Bác, vội vàng từ trong nhà bước ra đón, nét mặt Thủ tướng vui vẻ, sung sướng, đáp lễ lại lời chúc mừng của Bác. Và, kể từ năm ấy cứ 30 Tết là chúng tôi lại chọn bốn cây bắp cải, bốn cây su hào, loại to nhất, đẹp nhất trong vườn đưa tới chúc tết Bác. Bác đem đặt ở hai bên bậc lối vào phòng khách, xen lẫn với những gốc quất, gốc đào.

Ai nhìn thấy quất đỏ, đào hồng bên cạnh những cây su hào, bắp cải, xanh mơn mơn cũng khen là đẹp.

Trích trong cuốn **Kể chuyện Bác Hồ**
Sdd, T.4, tr.48

19- [82.] Từ đôi dép đến chiếc xe ô tô

Đôi dép của Bác "ra đời" vào năm 1947, được "chế tạo" từ một chiếc lốp ô tô quân sự của thực dân Pháp bị bộ đội ta phục kích tại Việt Bắc.

Đôi dép đo cắt không dày lắm, quai trước to bản, quai sau nhỏ rất vừa chân Bác.

Trên đường công tác, Bác nói vui với anh em cán bộ đi cùng:

- Đây là đôi hài vạn dặm trong chuyện cổ tích ngày xưa... Đôi hài thần đất, đi đến đâu mà chẳng được.

Chẳng những khi "hành quân" mà cả mùa đông, Bác đi thêm đôi tất cho ấm chân, tiếp khách trong nước, khách quốc tế vẫn thường thấy Bác đi đôi dép ấy.

Gặp suối hoặc trời mưa trơn, bùn nước vào dép khó đi, Bác tụt dép xách tay. Đi thăm bà con nông dân, sỏi chân trên các cánh đồng đang cấy, đang vụ gặt, Bác lại xắn quần cao lội ruộng, tay xách hoặc nách kẹp đôi dép...

Mười một năm rồi vẫn đôi dép ấy... Các đồng chí cảnh vệ cũng đã đôi ba lần "xin" Bác đổi dép nhưng Bác bảo "vẫn còn đi được".

Cho đến một lần đi thăm Ấn Độ, khi Bác lên máy bay, ngồi trong buồng riêng thì anh em lập mẹo giấu dép đi, để sẵn một đôi giày mới...

Máy bay hạ cánh xuống Niu Đê-li. Bác tìm dép. Anh em thưa:

- Có lẽ đã cất xuống khoang hàng của máy bay rồi... Thưa Bác...

Bác ôn tồn nói:

- Bác biết các chú cất dép của Bác đi chứ gì. Nước ta còn chưa được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta còn khó khăn. Bác đi dép cao su nhưng bên trong lại có đôi tất mới thế là đủ lắm mà vẫn lịch sự...

Thế là các ông "tham mưu con" phải trả lại dép để Bác đi vì dưới đất chủ nhà đang nóng lòng chờ đợi...

Trong suốt thời gian ở Ấn Độ, các chính khách, nhà báo, quay phim, chụp ảnh lại rất quan tâm đến đôi dép của Bác. Họ cúi xuống sờ nấp quai dép, thi nhau bấm máy từ nhiều góc độ, ghi ghi chép chép... làm anh em cảnh vệ lại phải một phen xem chừng và bảo vệ "đôi hài thần kỳ" ấy.

Năm 1960, Bác đến thăm một đơn vị Hải quân nhân dân Việt Nam. Vẫn đôi dép "thâm niên ấy". Bác đi thăm nơi ăn, chốn ở, trại chăn nuôi của đơn vị. Cán bộ và chiến sĩ rờn rợn kéo theo, ai cũng muốn chen chân, vượt lên để được gần Bác, Bác vui cười nắm tay chiến sĩ này, vỗ vai chiến sĩ khác. Bỗng Bác dừng lại:

- Thôi, các cháu đừng làm tụt quai dép của Bác rồi...

Nghe Bác nói, cả đám dừng lại cúi xuống yên lặng nhìn đôi dép rồi lại ồn ào lên:

- Thưa Bác, cháu, để cháu sửa...

- Thưa Bác, cháu, cháu có "rút dép" đây...

Nhào nhác, ầm ĩ như thế, nhưng đồng chí cảnh vệ chỉ đứng cười vì biết đôi dép của Bác đã phải đóng đinh rồi, có "rút" cũng vô ích...

Bác cười nói:

- Cũng phải để Bác đến chỗ gốc cây kia, có chỗ dựa mà đứng đã chứ!

Bác "lẹp xẹp" lết đôi dép đến gốc cây, một tay vịn vào cây, một chân co lên tháo dép ra, "thách thức":

- Đây! Cháu nào giỏi thì chữa hộ dép cho Bác...

Một anh nhanh tay giành lấy chiếc dép, giơ lên nhưng ngớ ra, lúng túng. Anh bên cạnh liếc thấy, "vượt vây" chạy biến...

Bác phải giục:

- Ô kìa, ngắm mãi thế, nhanh lên cho Bác còn đi chứ. Anh chiến sĩ lúc này chạy đi đã trở lại với chiếc búa con, mấy cái đinh:

- Tôi, để tôi sửa dép...

Mọi người dẫn ra. Phút chốc, chiếc dép đã được chữa xong.

Những chiến sĩ không được may mắn chữa dép phàn nàn:

- Tại dép của Bác cũ quá, Thưa Bác, Bác thay dép đi ạ...

Bác nhìn các chiến sĩ nói:

- Các cháu nói đúng... nhưng chỉ đúng một phần... Đôi dép của Bác cũ nhưng nó chỉ mới tụt quai. Cháu đã chữa lại chắc chắn cho Bác thế này thì còn "tho" lắm! Mua đôi dép khác chẳng đáng là bao, nhưng khi chưa cần thiết cũng chưa nên... Ta phải tiết kiệm vì đất nước ta còn nghèo...

Đôi dép cá nhân đã vậy, còn "đôi dép" ô tô của Bác cũng thế!

Chiếc xe "Pa-biết-đa" sản xuất tại Liên Xô Bác vẫn đi, đã cũ, Văn phòng xin "đổi" xe khác, "đời mới" hơn, tốt hơn, nhưng Bác không chịu:

- Xe của Bác hỏng rồi à?

Anh em thưa rằng chưa hỏng, nhưng muốn thay xe để Bác đi nhanh hơn, êm hơn.

Bác nói:

- Ai thích nhanh, thích êm thì đổi...

Hôm sau đến giờ đi làm, không biết là xe hỏng thật hay "ai" xui mà Bác đứng đợi bên xe mà xe cứ "ì" ra. Bác cười bảo đồng chí lái xe:

- Máy móc có trục trặc, chú cứ bình tĩnh sửa. Sửa xong Bác cháu ta đi cũng kịp...

Vài phút sau, xe nổ máy...

Bác lại cười nói với đồng chí lái xe, cảnh vệ:

- Thế là xe vẫn còn tốt!

Minh Anh (theo đồng chí **Phan Văn Xoàn**, Cục cảnh vệ)

Trích trong cuốn **"Bác Hồ với chiến sĩ"** NXB Quân đội nhân dân, H. 1994.

[72.] **Việc chi tiêu của Bác Hồ**

Các đồng chí ở gần Bác đều cho biết Bác rất tiết kiệm. Có đôi tất rách đã vá đi, vá lại mấy lần Bác cũng không dùng tất mới. Bác nói:

- Cái gì còn dùng được nên dùng. Bỏ đi không nên...

Khi tất rách chưa kịp vá, anh em đưa đôi mới để Bác dùng, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xí xóa:

- Đấy, có trông thấy rách nữa đâu...

Có quả chuối hơi nẫu, anh cán bộ chê không ăn, Bác lấy dao gọt phần nẫu đi, bóc ăn ngon lành, rồi nói:

- Ở chiến khu có được quả chuối này cũng đã quý...

Câu nói và việc làm của Bác làm đồng chí cán bộ "khiếp vía", hối hận mãi.

Dù cho đã làm đến Chủ tịch nước, suốt trong những năm ở Việt Bắc, ở Hà Nội, Bác chưa bao giờ "có tiền" (như anh em cán bộ, chiến sĩ công tác quanh Bác thường nhận xét).

Thực tế lịch sử cho thấy rằng: suốt cuộc đời hoạt động của Bác ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn về tài chính do những nguyên nhân khác nhau. Được đồng nào, chủ yếu do lao động tự thân mà có, Bác dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè xẻn, cân nhắc từng xu. Liên hoan mừng thành lập Đảng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá. Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quân, người Trung Quốc, người đã mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng về tặng mình (năm 1939), Bác cũng chỉ "khao một món canh và 2 đĩa thức ăn, thêm hai lạng rượu, tổng cộng chưa hết một đồng bạc".

Tự thết đãi mình "khi nghe tin Hồng quân bắt sống 33 vạn quân Hítler ở Xtalingrát năm 1943", tại nhà tù, trong túi chỉ còn vẹn vẹn một đồng bạc, Bác đã "nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và dầu chả quẩy". Sau khi phấn khởi hô mấy khẩu hiệu hoan nghênh thắng lợi của Liên Xô, Bác "ngồi một mình, chén tạc, chén thù rất đàng hoàng vui vẻ"...

Năm 1957, Bác về thăm Nghệ Tĩnh, khi ăn cơm chung với đồng chí Nguyễn Sĩ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, Bác đã để bớt ra ngoài mâm mấy món ăn, rồi nói: "Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người ta ăn thừa của mình".

Có thể dẫn ra nhiều nữa những ví dụ về cách chi tiêu, sử dụng tiền bạc, cơ sở vật chất của Bác, rất "mâu thuẫn thống nhất": chất chiu, tàn tiện nhưng vẫn rộng rãi, không hoang phí mà cũng không keo kiệt, "ki bo".

Thế giới, loài người tự hào về Bác. Là người Việt Nam, đồng hương của Bác, chúng ta cần tự hào biết bao! Cách ứng xử của Bác với tiền tài, với cái ăn, cái mặc, với cơ sở vật chất nói chung đâu có phải là cao quá mà chúng ta không học tập được, đâu có phải là một toà thành cấm uy nghiêm mà chúng ta không đặt chân lên được thêm bậc, dù là bậc thêm thứ nhất?

Theo Nguyễn Việt Hồng

Một số lời dạy và mẫu chuyện về tám gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh,
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2007, tr.76.

[107.] Thi đua về lòng yêu nước thì chúng ta thắng.

Những bức ảnh của Bác Hồ chúng ta biết được đến ngày nay, thường là không thấy Bác mặc Com-plê, thắt cla-vát. Nhớ lại khoảng tháng 10 năm 1945, khi đi thăm tỉnh Thái Bình, Bác gặp một đội viên bảo vệ chân đi giày ghệt, thắt lưng to bản (bấy giờ gọi là xanh-tuya-rông...) và thắt cả cla-vát nữa. Bác dừng lại nói:

- Chú mà cũng phải thắt cái này à?

Trong Bắc Bộ phủ, thấy có một số cán bộ từ chiến khu mới về đã "xúng xính", Bác nhẹ nhàng:

- Trông các chú ra dáng người thành phố rồi...

Bác bao giờ cũng mong đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành. Rồi Bác còn mong các cháu có áo đẹp, cụ già có khăn lụa... Bác không bao giờ lấy ý của mình áp đặt cho người khác, không bắt ai cứ phải theo mình.

Lần sang thăm một nước bạn, một cán bộ ngoại giao xin phép ra phố. Bác bắt cán bộ đó mặc quần áo, thắt cla- vát nghiêm chỉnh rồi mới cho phép đi.

Bác nói:

- Đời sống khá hơn thì ăn mặc cũng được khá lên. Nhưng phải tùy cảnh, tùy thời.

“Thời” và “cảnh” năm 1945 là đa số đồng bào ta vừa qua 80 năm bị áp bức nô lệ, qua cơn đói Ất Dậu, vừa bị lụt bão, miếng cơm, củ khoai chưa đủ ăn, áo không đủ mặc. Thế mà các cán bộ - là những đầy tớ của nhân dân, như lời Bác dạy - lại mặc những bộ quần áo sang trọng, đắt tiền, không phải lúc, thì “khó coi”. Khi Bác đi thăm đồng bào nông dân, Bác đi dép, tới ruộng, Bác bỏ dép, xắn quần lội ruộng, tát nước với bà con. Trong khi đó, có anh cán bộ, đi giày bóng loáng, chỉ có thể đứng trên bờ hỏi thăm.

Báo Nhân dân ngày 18/5/1994, có đăng một bài, nội dung tóm tắt như sau:

Chuyện rằng vào khoảng cuối tháng 4 năm 1946, do tình hình thực dân Pháp không chịu từ bỏ ý đồ xâm lược trở lại Việt Nam, để tạo điều kiện, thời gian chuẩn bị kháng chiến, Bác và phái đoàn do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, sang thăm Pháp điều đình với Chính phủ Pháp.

Trước ngày ra đi, vẫn thấy Bác làm việc theo đúng thời gian biểu đã định, chẳng thấy Bác “sắm sửa gì”. Trong khi đó, một số cán bộ trong phái đoàn lo tìm hiểu “mốt” Pa-ri, lo may mặc những bộ com-plê, sơ-mi, cla-vát, đóng giày mới, và có người còn lo cả khoản nước hoa.

Việc làm ấy của các cán bộ cũng là điều tốt. Nhưng có điều chắc là các “vị” đi hơi xa, hay có thể hơi “ồn ào”, có vẻ như một cuộc thi đua may sắm. Chuyện đó đến tại Bác.

Thương yêu, bình đẳng, nhưng không thể không nhắc nhở, Bác nói:

- Các chú muốn thi đua với Tổng thống, Thủ tướng nước ngoài về ăn mặc thì thua họ thôi. Bác cháu ta thi đua với họ về lòng yêu nước, thương dân thì ta mới thắng.

Nguyễn Việt Hồng

Trích trong “**Bác Hồ, con người và phong cách**”

Tập 4, Nxb Lao động, H.1993

20- [89.] Đạo đức người ăn cơm.

Một chiến sĩ bảo vệ Bác - sau này được phong quân hàm cấp tướng - có lần nói rằng:

“Bác thường dạy quân dân ta “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, Bác dạy phải làm gương trước. Bác dạy phải nêu cao đạo đức cách mạng. Có cán bộ nghĩ rằng “đạo đức” cách mạng là để áp dụng trong công tác thôi. Bản

thân tôi, được gần Bác thấy ngay trong khi ăn cơm, Bác cũng đã dạy cho chúng tôi thế nào là “đạo đức”.

Thứ nhất, Bác không bao giờ đòi hỏi là Chủ tịch nước phải được ăn thứ này, thứ kia. Kháng chiến gian khổ đã đành là Bác sống như một người bình thường, khi hoà bình lập lại có điều kiện Bác cũng không muốn coi mình là “vua” có gì ngon, lạ là “cống, hiến”.

Thứ hai, món ăn của Bác rất giản dị, toàn các món dân tộc, tương cà, cá kho... thường là chỉ 3 món trong đó có bát canh, khá hơn là 4-5 món thôi...

Thứ ba, Bác thường bảo chúng tôi, ăn món gì cho hết món ấy, không đựng *đĩa* vào các món khác. Gắp thức ăn phải cho có ý. Cắt miếng bơ cũng phải cho vuông vức. Nhớ lần đi khu 4, đồng chí Bí thư và Chủ tịch Quảng Bình ăn cơm với Bác, trong mâm có một bát mắm Nghệ hơi nhiều. Bác dùng bữa xong trước, ngồi bên mâm cơm. Hai cán bộ tỉnh ăn tiếp rồi buông *đũa*. Bác nhìn bát mắm nói:

- Hai chú xẻ bát mắm ra, cho cơm thêm vào ăn cho hết.

Hai “quan đầu tỉnh” đành phải ăn tiếp vừa no, vừa mặn... Chiều hôm đó, hai đồng chí đưa Bác đi thăm bờ biển, trời nắng, ăn mặn nên khát nước quá.

Lần khác, một cán bộ ngoại giao cao cấp người Hà Tĩnh được ăn cơm với Bác, đã gắp mấy cọng rau muống cuối cùng vào bát tương ăn hết. Tưởng là đã “hoàn thành nhiệm vụ” nào ngờ Bác lại nói:

- Tương Nghệ đồng bào cho Bác, ngon lắm. Cháu cho thêm ít cơm vào bát “quẹt” cho hết...

Thứ tư, có món gì ngon không bao giờ Bác ăn một mình, Bác sẽ cho người này, người kia rồi sau cùng mới đến phần mình, thường là phần ít nhất. Ăn xong thu xếp bát *đũa* gọn gàng, để đỡ vất vả cho người phục vụ.

Thứ năm, tôi có cảm giác là đôi khi ăn cơm có những giây phút Bác cầm *đôi đũa*, nâng bát cơm. Bác như tư lự về điều gì đó. Tưởng như Bác nghĩ đến đồng bào, cụ già, em bé đói rách ở đâu đâu. Tưởng như Bác nhớ lại những ngày lao động ở xứ người kiếm từng mẩu bánh để ăn, để uống, để làm cách mạng... Hay là Bác lại nghĩ đến những lần tù đầy không có gì ăn. Thật khó hiểu mà càng khó hiểu, tôi lại càng thương Bác quá, thương quá. Bây giờ vào những bữa tiệc cao lương, mỹ vị, rượu bia thức ăn bày la liệt, quá là tôi lại nhớ đến Bác rồi... có ăn cũng chẳng thấy ngon như khi xưa ngồi vào mâm cơm đạm bạc với Bác”.

Trích trong cuốn “**Tấm lòng của Bác**” Sđd, tr.107

[93.] Ăn no rồi hãy đến làm việc.

Anh em, bạn bè, họ hàng lâu ngày gặp nhau, cùng uống một chén rượu, ăn với nhau một bữa cơm cũng là việc thường tình. Cái chính là ở tấm lòng trung thực, tình nghĩa, kính trọng, yêu thương nhau chứ không nên “khách một khứa mười” tranh thủ chi tiêu “tiền chùa” xả láng. Khách không nên vì cương vị “gợi ý” khéo để chủ nhà “nghênh tiếp”.

Anh em ở gần Bác cho biết, dù trong kháng chiến ở Việt Bắc, hay khi đã về Hà Nội, kể cả trong những năm chống Mỹ, cứu nước, hễ đi công tác xa, gần,

là nhất định Bác “bắt” mang cơm đi theo. Khi cơm nắm, độn cả ngô, mì. Khi là bánh mì với thức ăn nguội. Chỉ có canh là cho vào phích để đến bữa, Bác dùng cho nóng.

Nhớ lần về thăm tỉnh Thái Bình, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân cố nài Bác ở lại ăn cơm. Bác nói: “Đi thăm tỉnh lỵ còn ăn uống nổi gì”. Nói xong, Bác lại thương cán bộ vì đã có cơm sẵn. Bác gọi đồng chí cảnh vệ đưa cơm nắm thức ăn mặn của Bác đến và bảo:

- Mời đồng chí Bí thư và Chủ tịch đến ăn cơm với Bác. Còn chú và bác sĩ sang mâm kia ăn cơm với cán bộ tỉnh.

Thường là đi công tác, đến bữa Bác cho dùng xe, chọn nơi vắng, mát, sạch, Bác, cháu mang cơm ra ăn. Làm việc xong, Bác chọn giờ ra về để kịp ăn cơm “ở nhà”. Nếu không, lại có cơm nấu bữa thứ hai mang theo.

Chỉ khi nào ở đâu, công tác lâu Bác mới chịu “ăn” cơm ở địa phương. Bao giờ Bác cũng dặn “chủ nhà”:

- Đoàn Bác đi có từng này người. Nếu được, chỉ ăn từng này, từng này...

Dù không nghe lời Bác, chủ nhà dọn “cỗ” ra, Bác cũng có cách riêng của Bác. Bác nói với anh em:

- Bác cháu ta chỉ ăn hết món này, món này thôi. Còn món này để nguyên.

Nhà chủ thiết tha mời Bác dùng thử món “cây nhà lá vườn”, Bác cũng chỉ gấp vào bát anh em và bát mình mỗi người một miếng rồi lại xếp ngay ngắn đĩa thức ăn ấy, kiên quyết để ra ngoài mâm, người ngoài nhìn vào thấy đĩa thức ăn vẫn như nguyên vẹn. Bác nói với cán bộ:

- Người ta dọn một bữa sang, Bác cháu mình có khi cũng chẳng ăn đâu, chẳng ăn hết. Nhưng đi rồi để lại cái tiếng: Đây, Bác Hồ đến thăm cũng làm cơm thế này, thế nọ, cũng điều động người này, người nọ từ giao tế sang, mất thời gian. Thế là, tự mình, Bác bao che cho cái chuyện xôi, thịt... Cứ ăn no rồi đến làm việc.

Nguyễn Việt Hồng

Trích trong “**Bác Hồ, con người và phong cách**”

Tập 4, Nxb Lao động, H.1993

[85.] **Ai ăn thì người ấy trả tiền**

Năm 1954, hoà bình lập lại trên nửa nước. Đồng bào các địa phương có sản vật gì quý đều gửi một ít lên biếu Bác để giới thiệu thành tích tăng gia với Người.

Trong một bữa cơm, Bác thấy có món cà Nghệ, quả nhỏ, cùi dòn, ngâm mắm. Bữa ấy Bác ăn rất ngon. Hôm sau lại có món cà quê hương. Bác ăn hết vài ba quả. Thấy thế đồng chí anh nuôi lại dọn cà.

Bác hỏi:

- Cà muối mua hay ai cho thế?

- Thừa Bác, đồng bào Nghệ An đưa ra tặng Bác.

- Có nhiều không?

- Dạ, một ô tô ạ.

Bác chậm rãi nói:

- Thế này nhé. Cà Nghệ ăn rất ngon. Bác ăn mấy bữa liền là đủ rồi. Bây giờ ai muốn ăn nữa thì trả tiền cho đồng bào Nghệ An.

Đồng chí chiến sĩ anh nuôi lùi ra nói:

- Chết chưa! Đã bảo mà.

Bích Hạnh "Bác Hồ với chiến sĩ"

Tập 3, NXB Quân đội nhân dân. H. 1998.

[83.] Bữa cơm kháng chiến

Khoảng giữa năm 1952, Đoàn đại biểu quân đội gồm 20 người tiêu biểu của các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích trong cả nước đến Tuyên Quang dự "Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua công nông binh toàn quốc".

Trước khi vào Đại hội, Bác mời cơm mọi người. Cụ Hoàng Hanh, Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa, anh Ngô Gia Khảm, chị Nguyễn Thị Chiên và một em thiếu nhi được Bác gọi ngồi cùng mâm với Bác.

Trên chiếc bàn bằng tre nửa sạch sẽ, thức ăn được bày lên, có thịt gà, cá rán, dưa chua, rau và cả một bát dưa nấu dấm cá. Bác nói: "Đây là bữa cơm kháng chiến để chúc mừng các chiến sĩ thi đua đã lập nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Trung ương Đảng và Chính phủ không có gì nhiều, chỉ toàn những thứ do anh em trong cơ quan và Bác trồng trọt, chăn nuôi thu hái được, mời cụ, các cô các chú ăn. Đã ăn là ăn thật no, ăn no để đủ sức tham gia hội nghị, nghe hiểu hết mọi điều về nói lại với nhân dân. Nào, xin mời! Rồi Bác cầm đũa gấp thức ăn vào bát cho từng người.

Có đồng chí nói: "Chao ôi! Bác thết chúng cháu nhiều món quá". Bác quay sang vui vẻ nói: "Tất cả đây đều là kết quả tăng gia sản xuất của tập thể cơ quan: gà và cá là Bác tự nuôi. Rau thì các cô các chú xem kìa - Bác chỉ tay ra khoảng đất phía sau hội trường. Giữa tán cây cao, có một khoảng nắng rộng, nhìn rõ các luống rau xanh và giàn bầu tươi. Bác tiếp: Rau thơm, hành tỏi cũng không phải mua. Hôm nay chưa giết lợn, để Hội nghị thành công, rồi sẽ khao chung một bữa.

Mọi người mãi nghe Bác nói, không ai gấp thức ăn. Bác lại vồn vã giục: "Nào tất cả ăn đi, ăn xong ta sẽ nói chuyện với nhau".

Có Bác cùng ăn, mọi người ăn rất ngon lành, vui vẻ. Trong bữa ăn, nhìn anh Ngô Gia Khảm có thương tật ở tay, cầm thìa xúc ăn thật vất vả, Bác rom róm nước mắt và cứ gấp cho anh đều. Thấy chị Chiên thích ăn cá, Bác hỏi:

- Quê cháu có nuôi cá không?

- Thưa Bác, không nuôi ạ. Khi muốn ăn thì xách giỏ ra đồng, hoặc đánh bắt ở ao, hồ, sông.

- Ở đây, Bác và anh em trong cơ quan chỉ ngăn lại một quãng suối, vậy mà cá to thế đấy.

Bác vui vẻ hỏi chuyện mọi người. Bữa ăn hôm ấy thật ngon miệng, thoải mái và thân thiết.

Trung Kiên Trích trong cuốn “**Bác Hồ với chiến sĩ**”

NXB Quân đội nhân dân, H. 1994.

21- [116.] Đón vua hay đón Bác.

Hồi còn bé, tôi được thấy một lần nhân dân huyện Thiệu Hoá tổ chức đón Bảo Đại đến khánh thành trường tiểu học của huyện.

Không biết thợ ở đâu về, họ dựng cổng chào bằng gỗ, bằng mây, bằng cành dừa, đan, cài hoa lá, viết chữ, treo cờ, giăng đèn rất công phu... Các quan sở tại từ các xã xa về, mũ áo thụng xanh, giày hia xúng xính chấp tay chờ đợi. Lính tráng súng ống canh gác nghiêm ngặt. Trông đến lạ mắt...

Lớn lên theo cách mạng, tôi được chứng kiến một số lần các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, hội nghị đón Bác...

Lần Bác đến dự lễ kỷ niệm thành lập quân đội ở nhà khách quốc tế trên đường Phạm Ngũ Lão. Bác từ một chiếc xe không được đẹp lắm bước xuống, anh em chúng tôi quên cả kỷ luật chạy ra vây lấy Bác. Máy đồng chí bảo vệ xô bật chúng tôi ra. Bác chỉ nói nhẹ nhàng:

- Các cháu để Bác đi. Các chú đừng làm thế.

Lần vào Vinh, sáng sớm, hoa trong vườn tươi là thế mà mới 9, 10 giờ đã rũ xuống làm cho các vị chủ nhà héo hắt cả ruột gan.

Bác ra vườn, cầm cây hoa nhỏ lên. Thì ra không phải là cây hoa trồng mà mới cắm... Bác cũng nhẹ nhàng nói:

- Không nên làm thế...

Năm 1953, Trung ương Hội Phụ nữ mời Bác đến thăm. Chị em hô hào quét nhà trong, vườn ngoài, đầu cổng sạch sẽ. Các chị căng một khẩu hiệu cắt dán chữ “Hồ Chí Minh muôn năm” nhưng không dán các dấu. Lại một cổng chào kết lá, cài hoa rừng... Ai cũng bảo nhau mặc quần áo thật đẹp rồi xếp hai hàng, từ cổng vào nhà như kiểu “hàng rào danh dự”, hồi hộp, chờ đợi...

Sương sớm Việt Bắc đã tan, trời đã đẹp. Chờ mãi không thấy khách đến. Chủ tịch Hội đã sốt ruột hết đi ra, lại đi vào. Bỗng có tiếng báo:

- Chị Xuyên ơi! Bác ở trong này rồi!...

Thế là hàng rào danh dự tan! Ùa vào trong nhà đã thấy Bác đang thăm vườn rau, giếng nước... Bác bước ra cổng, Bác nói:

- Chào các cô, các cháu. Vào nhà thấy vắng. Bác đoán ngay là tất cả ở ngoài này.

Nhìn lên khẩu hiệu, Bác cười:

- Tiếng Việt ta có dấu, phát âm rất hay, phân biệt rõ ràng. Dán chữ thế này đọc thế nào cũng được, sai ý của mình đi.

Vào đến Hội trường Bác hỏi:

- Các cô đón ai thế?

Mọi người ngó ra, không rõ ý Bác là thế nào.

- Thừa Bác, đón Bác đây ạ!
- Bác ôn tồn nói:
- À ra thế. Các cô đón Bác, chứ có phải đón ông vua, ông quan nào đâu mà sửa soạn trang trí cầu kỳ như thế!...
- Nghĩ thương các chị mất vui, Bác “rẽ” sang chuyện khác khen:
- Sạch sẽ, gọn gàng thường xuyên hay chỉ được hôm nay thôi đấy!...
- Bây giờ các chị em mới dám “bắt chuyện”:
- Dạ thưa Bác, thường xuyên ạ.

Thảo Hạnh (Theo chị X và các anh H.Đ)

Trích trong cuốn: “**Tâm lòng của Bác**”

Nxb Công an ND, H.2005

[78.] **Một bữa ăn tối của Bác**

Tháng 4 năm 1946, giữa lúc đất nước đang bẽ bộn công việc, thì Bác vẫn dành những thì giờ quý báu về Ninh Bình dàn xếp những vấn đề đối nội, đối ngoại có lợi cho quốc gia. Vào khoảng ngày 10 đến 12, Bác đi qua thị xã Ninh Bình để xuống Phát Diệm. Lúc đó tôi là quyền Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh. Một dịp may hiếm có được đón Bác về tỉnh, nghĩ vậy, tôi mời đồng chí Ủy viên thư ký kiêm Phó chủ tịch và Chánh Văn phòng đến hội ý. Hai đồng chí cũng cùng chung một ý nghĩ như tôi.

Tôi phân công đồng chí Phó Chủ tịch huy động nhân dân ra tập trung đón Bác, đồng chí Chánh Văn phòng chuẩn bị cơm mời Bác, còn tôi phụ trách việc dọn dẹp văn phòng, chuẩn bị chỗ nghỉ và chỗ ngủ cho Bác qua đêm.

Quả như tôi dự đoán, sáu giờ chiều thì xe Bác về đến phía nam thị xã Ninh Bình. Nhân dân đã vẫy cờ, hô khẩu hiệu rồi ủa xuống lòng đường đón Bác. Bác ra khỏi xe vẫy chào nhân dân. Nhân lúc đó chúng tôi mời Bác vào trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh.

Trước sự nhiệt tình của nhân dân thị xã, không nỡ từ chối, Bác đã vào gặp Ủy ban hành chính tỉnh Ninh Bình.

Đến công cơ quan, Bác bảo đồng chí lái xe dừng lại rồi xuống đi bộ. Vừa đi Bác vừa hỏi tình hình đời sống của nhân dân, đặc biệt đồng bào ở vùng công giáo. Chúng tôi báo cáo với Bác về những khó khăn trong tỉnh, một số nơi nông dân còn bị đói.

Bác căn dặn chúng tôi phải chú ý đoàn kết lương giáo, động viên bà con tích cực tăng gia sản xuất để chống đói, chú ý công tác diệt giặc đói, mở nhiều lớp bình dân học vụ vào buổi trưa, buổi tối, vận động bà con đi học.

Chúng tôi mời Bác nghỉ lại cơ quan cho đỡ mệt rồi dùng bữa tối. Thực ra bữa cơm chúng tôi chuẩn bị cho Bác không có gì ngoài một con gà giò luộc, nước chấm nấu bí đao, vì lúc đó kinh phí của Ủy ban hành chính tỉnh cũng hết sức khó khăn.

Bác nói:

- Hàng ngàn đồng bào ta đang chờ Bác ngoài kia, Bác không thể nghỉ ở đây để ăn cơm được vì 9 giờ tối Bác đã có việc ở Chủ tịch phủ. Bây giờ các chú giúp Bác: một chú ra tập hợp đồng bào vào một ngã tư rộng gần đây để Bác ra nói chuyện với đồng bào mười phút, một chú ra cửa hàng bánh mua cho Bác một cặp bánh giò. Còn các chú đi với Bác thì tranh thủ ăn cơm trước. Nói chuyện xong, Bác ngược Hà Nội ngay cho kịp hẹn. Trong xe Bác sẽ ăn bánh vừa đỡ tốn kém, vừa tiết kiệm được thời gian cho Bác.

Chúng tôi vâng lời Bác làm theo.

Nói chuyện với đồng bào Ninh Bình hôm đó, Bác nhấn mạnh:

- Đồng bào chú ý đoàn kết lương giáo vì âm mưu của kẻ thù luôn tìm cách chia rẽ đồng bào lương giáo.

- Đồng bào tích cực tăng gia sản xuất chống giặc đói, chống giặc dốt.

- Đồng bào chuẩn bị tinh thần chịu đựng gian khổ để chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

Kết thúc, Bác hỏi:

- Đồng bào có đồng ý thực hiện ba điều tôi nêu ra không?

- Đồng ý! Đồng ý! Hồ Chủ tịch muôn năm.

Hàng ngàn nắm tay gân guốc giơ lên hưởng ứng. Tiếng hô và tiếng vỗ tay râm ran.

Bác vẫy tay chào đồng bào rồi lên xe về Hà Nội. Xe đi được một quãng Bác mới bắt đầu dùng "bữa ăn tối" của mình.

Phí Văn Bái kể, Hồ Vũ ghi

Trong cuốn "Bác Hồ, con người và phong cách"

Tập 1, NXB Lao động, H. 1992.

22- [103.] Tình yêu thương bao la*

Đoàn chuyên gia y tế Cộng hoà Dân chủ Đức chúng tôi sang tới thủ đô Hà Nội vào ngày 2 tháng 2 năm 1956, sau một thời gian ngọt ba tuần đáp tàu liên vận quốc tế từ thành phố Béc-lin. Chúng tôi cả thầy gồm 35 người, do Giáo sư Tiến sĩ Kiéc-sơ, nhà giải phẫu xuất sắc làm trưởng đoàn. Tất cả chúng tôi sang Việt Nam lần đầu và đều tự hào nhưng cũng đều lo lắng, hồi hộp trước nhiệm vụ mà Hội đồng toàn quốc mặt trận dân tộc đã giao cho là giúp trang bị nhà thương Phủ Doãn, tức bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cộng hoà Dân chủ Đức ngày nay, bằng những máy móc và dụng cụ y tế do nhân dân nước chúng tôi gửi tặng nhân dân Việt Nam anh em.

Riêng tôi và một vài anh chị em nữa, trong đó có đồng chí Thít-xkê, Tôn-man, Đvê-sơ, Vít-xtu-ba có nhiệm vụ hoàn thành xưởng làm chân tay giả cho các đồng chí thương binh Việt Nam.

Tôi còn nhớ, những ngày đầu tới Việt Nam, thời tiết khá lạnh và Tết Nguyên Đán cũng sắp đến. Cả một không khí nô nức chuẩn bị Tết. Chúng tôi đã

* Viết theo lời kể của đồng chí Quyn-thơ Ô-đơ, bác sĩ nổi tiếng khoa chỉnh hình.

được sống với các bạn Việt Nam trong không khí ấy và sẽ không bao giờ quên các món ăn dân tộc, các phong tục, các trò vui trong Tết cổ truyền. Riêng đồng chí trưởng đoàn của chúng tôi còn được hưởng một vinh dự đặc biệt cùng một số bạn quốc tế ăn Tết với Bác Hồ. Đi dự về, đồng chí đã kể cho chúng tôi nghe nhiều mẩu chuyện lý thú trong dịp hiếm có ấy và chúng tôi đều hy vọng rằng trong thời gian công tác ở Việt Nam sẽ có dịp được trông thấy Người. Và, không ngờ là chúng tôi đã không những được trông thấy vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam mà còn được thừa chuyện với Người, được ở bên Người nhiều lần.

Lần thứ nhất là tối mừng 9 tháng 6, chúng tôi được Bác mời đến dự cuộc vui trong vườn Phủ Chủ tịch do Người tổ chức riêng cho các chuyên gia các nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu. Tôi nhớ đêm ấy Bác rất vui, coi chúng tôi như người quen thân đã lâu và chính vì vậy, ngay từ giờ phút đầu, chúng tôi đã hoàn toàn không cảm thấy những ngăn cách giữa vị lãnh đạo tối cao của một Nhà nước với những công dân bình thường. Bác đã kể chúng tôi nghe về những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, về những đau thương, mất mát mà nhân dân Việt Nam phải chịu đựng để giành cho được nền độc lập, tự do chân chính của mình. Bác nói: Bác thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam chào mừng những người anh em xã hội chủ nghĩa đã từ những phương trời xa sang đây chung sức, chung lòng giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng lại đất nước. Bác chỉ nói có thế, không đọc diễn văn trang nghiêm gì cả, cũng chính vì vậy mà chúng tôi càng thấm thía những điều Bác mong muốn. Bác đã đi gặp, nói chuyện với từng đoàn chuyên gia. Với đoàn chúng tôi, Bác cũng hỏi rất kỹ về công việc của từng nhóm, từng người. Biết tôi phụ trách nhóm chỉnh hình, Bác dừng lại hỏi khá kỹ về nội dung công việc và dặn nếu có yêu cầu gì thì cứ cho Bác biết. Thấy chúng tôi còn rất trẻ, Bác hỏi thăm tình hình gia đình, vợ con ra sao. Tôi có thưa với Bác là tôi chưa xây dựng gia đình, người yêu của tôi đang công tác ở thủ đô Béc-lin. Chúng tôi hứa hẹn với nhau là sẽ làm lễ thành hôn sau chuyến đi công tác này. Bác vỗ vai thân mật nói: “Cho tôi gửi lời thăm người bạn gái thân yêu của đồng chí và mong hai người viết thư đều cho nhau”. Tôi rất sung sướng được chuyển lời thăm của Người tới người yêu của tôi. Trong chín tháng công tác ở Việt Nam, tôi đã viết cho cô ấy những bức thư và điều thú vị là cho đến nay, những bức thư ấy vẫn còn giữ được cả. Bác cũng có hỏi thăm đồng chí Ác-nô Brốc, người vừa mới cưới vợ được ba tháng thì nhận được lệnh đi công tác ở Việt Nam. Đồng chí Brốc báo cáo với Bác rằng, lúc đầu người vợ ấy cũng buồn, nhưng khi hiểu rõ ý nghĩa công việc mà chồng sẽ làm thì lại vui vẻ ngay...

Cũng trong cuộc vui ấy, Bác đã đề nghị từng đồng chí chuyên gia hát một bài dân ca của nước mình. Mở đầu là tiếng hát êm dịu của một nữ văn công Việt Nam. Chúng tôi thấy gay quá, bởi vì làm thầy thuốc chúng tôi đâu có tài hát! Mà các chuyên gia nước khác cũng chẳng hơn gì chúng tôi! Nhưng rồi ai cũng hát. Đoàn chúng tôi rất ân hận là không thuộc một bài dân ca nào cả, cho nên đã xin phép Bác hát bài “Lữ đoàn Ten-lơ-man”, một bài hát quen thuộc của những người đã từng chiến đấu ở Tây Ban Nha. Và Bác cũng gật đầu khen.

Nhờ có lần gặp ấy, được Bác Hồ quan tâm, khuyến khích, tôi càng tự tin trong công việc của mình. Chẳng hạn việc mở rộng xưởng chỉnh hình lúc đầu không phải là đã được nhiều đồng chí Việt Nam tán thành. Tôi đã trình bày ý kiến của tôi với một đồng chí cán bộ cao cấp của Việt Nam và không ngờ Bác cũng biết chuyện này. Cuối cùng ý kiến của tôi đã được Bác, đồng chí Trường Chinh hồi ấy là Tổng Bí thư Đảng và đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng ủng hộ.

Ngày 28 tháng 7 năm 1956, nhân khánh thành Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cộng hoà Dân chủ Đức, Bác Hồ đã tới thăm, mang đến cho cán bộ, công nhân viên Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Đức niềm phấn khởi đặc biệt. Tiếc rằng, tôi không có mặt hôm đó vì bận đi công tác địa phương. Nhưng ít lâu sau, vào ngày 12 tháng 8, tại cuộc chiêu đãi tiễn Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc nước Cộng hoà Dân chủ Đức do đồng chí Smít-xlơ dẫn đầu đang ở thăm Việt Nam, tôi sung sướng được gặp lại Bác và có điều kiện báo cáo với Người về công việc của chúng tôi. Tôi cũng không quên bày tỏ niềm xúc động của mình về sự quan tâm của Bác. Bác bảo: “Chúng tôi cảm ơn các đồng chí mới đúng chứ!”. Bác tỏ ý quan tâm đặc biệt với vấn đề làm chân tay giả và công tác thương binh xã hội nói chung. Qua những điều Người hỏi, tôi nhận thấy rất rõ tình cảm yêu thương của Bác đối với anh em thương binh. Thật ra, tôi đã nhận thấy điều đó ngay từ khi một đồng chí bác sĩ Việt Nam cho tôi xem bức thư của Bác Hồ gửi anh em thương binh, bệnh binh năm 1948. Lá thư ngắn, nhưng tràn đầy tình thương yêu của vị cha già đối với những người con ưu tú của Tổ quốc, đồng thời thể hiện nội dung hết sức đúng đắn đối với công tác thương binh. Tôi nhớ mãi một câu trong lá thư đó: “Tôi cùng đồng bào luôn luôn nhớ đến các đồng chí”. Vừa qua, tôi đã được đi nghiên cứu tình hình công tác thương binh trên toàn miền Bắc, vào đến tận khu giới tuyến ở Vĩnh Linh, cho nên đã có thể báo cáo với Bác Hồ một số suy nghĩ của tôi. Bác từng nói “Thương binh tàn chứ không phế”, tôi nghĩ đó là một ý kiến hết sức quan trọng, bởi vì nó động viên mạnh mẽ anh em thương binh luôn luôn nhìn thấy triển vọng của đời mình, nghĩa là có thể trở thành người có ích cho xã hội. Bác Hồ rất chú ý lắng nghe những điều tôi thưa với Người.

Sau đó, Bác nhìn tôi với vẻ trầm ngâm:

- Đồng chí Ô-đơ, đồng chí có vui lòng viết thành văn bản cho tôi những ý kiến đồng chí vừa nói không?

Tôi sung sướng đáp:

- Dạ thưa Bác, được ạ!

Bác tỏ ý hài lòng. Một lát sau Người lại nói:

- Hay thế này vậy: tôi sẽ đề nghị một nhà báo của chúng tôi đến ghi lại những ý kiến của đồng chí và cho đăng lên báo.

Tôi không ngờ điều tôi nói lại có thể có ích như vậy. Ít hôm sau, có một đồng chí ở báo Nhân dân đến tìm gặp tôi và chúng tôi đã làm việc với nhau trong hai giờ liền theo chỉ thị của Bác. Dĩ nhiên, tôi có thể nói tỉ mỉ hơn là khi thưa chuyện với Bác, và đã nói thêm về tầm quan trọng của thể dục thể thao đối

với sức khoẻ của anh em thương binh - thật tình là nó còn quan trọng hơn cả đối với người thường - nó giúp anh em vững tin ở sức lực mình, tự thấy làm chủ được sức khoẻ của mình, không bị lệ thuộc vào thương tật hay trở ngại vì thương tật. Tôi cũng trình bày một số kinh nghiệm về việc dạy nghề cho thương binh ở Cộng hoà Dân chủ và báo Nhân dân cũng giới thiệu lại.

Là một thầy thuốc, tôi rất xúc động trước sự quan tâm của Bác đối với thương binh, một mối quan tâm chứa chan tình thương yêu. Chính tình cảm đó của Người đã động viên tôi nhiều trong những ngày công tác ở Việt Nam cũng như trong suốt quá trình công tác sau này của tôi. Có thể nói: Chúng tôi đã làm việc với tất cả trái tim mình.

Trích trong: **“Bác Hồ như chúng tôi đã biết”**

Sdd, tr.158

[105.] **Người Pháp, người Mỹ**

Tuần báo “*Đây Paris*” ra ngày 18/6/1946 là một trong những bài viết sớm nhất, tương đối đầy đủ nhất về phong cách của Bác Hồ.

“Chủ tịch nước Việt Nam là một người giản dị quá đỗi. Quanh năm ông chỉ mặc một bộ áo ka ki xoàng xĩnh và khi những người cộng tác quanh ông đề ý, nói với ông rằng với địa vị ông ngày nay, nhiều khi cần phải mặc cho được trang trọng, thì ông chỉ mỉm cười trả lời:

Chúng ta tưởng rằng chúng ta được quý trọng vì có áo đẹp mặc, trong khi bao nhiêu đồng bào mình trần đang rét run trong thành phố và các vùng quê”.

Sự ăn ở giản dị đến cực độ, như một nhà ẩn sĩ, đó là một đức tính rõ rệt nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một tuần lễ ông nhịn ăn một bữa, không phải là để hành hạ mình cho khổ sở mà là để nêu một tấm gương dè xẻn gạo cho đồng bào đang làm giảm bớt nạn đói trong nước. Hết thấy mọi người xung quanh đều bắt chước hành động đó của ông.

Trong những ngày thường, ông thường dùng cơm ở Bắc Bộ phủ, ngồi chung với hết thấy mọi người. Người ta thấy quây quần xung quanh bàn ăn: các bộ trưởng, những thư ký và cả những cậu thiếu niên phục vụ bàn giấy. Nhờ có đức tính giản dị của ông mà khi ngồi ăn với mọi người ông không làm cho ai phải giữ kẽ nhiều quá, mà trái lại, không khí chung lộ ra, lúc nào cũng thân mật, cũng vui vẻ, gây cho bữa ăn một vẻ gia đình.

Tính giản dị và thân mật của ông còn biểu lộ ra trong những bài diễn văn. Không bao giờ ông tỏ vẻ thông thái, vốn rất rộng của ông. Ông thông thạo bảy thứ tiếng khác nhau và nói được rất nhiều tiếng thổ âm, trái lại ông chỉ dùng những câu nôm na, khiến cho một người dù quê mùa chất phác nghe cũng hiểu ngay được. Ngày ông viết xã luận cho Báo Cứu quốc, trước khi đem bài cho nhà in, bao giờ ông cũng đem đọc cho một số người không biết chữ, ông già, bà già cùng nghe. Nếu ông thấy thính giả tỏ vẻ không hiểu mấy những ý tưởng trong bài viết lập tức ông viết lại ngay bài khác. Tất cả đức tính Hồ Chí Minh bao gồm trong một cử chỉ bé nhỏ đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất ghét thói khoa trương, văn vẻ. Mỗi bài diễn văn của ông là một bài học nhỏ kết luận bằng một ý kiến đạo đức. Bởi những ý tưởng hết sức giản đơn ấy mà bài diễn văn của ông có một tiếng vang lớn trong giới trí thức và dân chúng”.

Hai mươi lăm năm sau bài viết trên, năm 1971 - sau khi Bác Hồ đã mất, một người Mỹ - nhà báo, nhà văn Đây-vít Han-bóc-ston trong cuốn sách “Hồ” của mình, do Nhà xuất bản Răng-đôm Hao-sơ ở Niu-Oóc ấn hành đã viết:

“... Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - Hoi giống Găng-đi, hoi giống Lê-nin, hoàn toàn Việt Nam. Có lẽ hơn bất kỳ một người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc của ông, và đối với cả thế giới ông là hiện thân của cuộc cách mạng. Thế nhưng đối với hầu hết nông dân Việt Nam, ông là biểu tượng của cuộc sống, hy vọng, đấu tranh, hy sinh và thắng lợi của họ. Ông là một người Việt Nam lịch sự, khiêm tốn, nói năng hoà nhã, không màng địa vị, luôn luôn mặc quần áo đơn giản nhất - cách ăn mặc của ông không khác mấy người nông dân nghèo nhất - một phong cách mà phương Tây đã chê giễu ông trong nhiều năm, cười ông thiếu nghị thức quyền lực, không có đồng phục, không theo thời trang. Cho đến một ngày họ mới tỉnh ngộ và nhận thấy chính cái tính giản dị ấy, cái sùng bái sự giản dị ấy, cái khả năng hoà mình vào nhân dân ấy là cơ sở cho sự thành công của ông.

Trong một nước khi mà dân chúng đã thấy những người cầm đầu đạt tới một địa vị nào đó rồi trở thành “Tây” hơn là “Việt Nam”, bị quyền lực, tiền bạc và lối sống phương Tây làm thối nát; trong một nước khi những người đó đã ngoi lên khá cao thì không làm gì cho dân chúng cả, lập tức bị bán mình cho người nước ngoài, tính giản dị của ông Hồ là một sức mạnh. Địa vị càng cao sang, ông càng giản dị và trong sạch. Hình như ông luôn luôn giữ được những giá trị vĩnh cửu của người Việt Nam: kính già, yêu trẻ, ghét tiền của. Ông Hồ không cố tìm kiếm cho mình những cái trang sức quyền lực vì ông tự tin ở mình và ở mối quan hệ của ông với nhân dân, với lịch sử đến nỗi không cần những pho tượng, những cái cầu, những pho sách, những tấm ảnh để chứng tỏ điều đó cho mình và cho thiên hạ biết. Việc ông từ chối sự sùng bái cá nhân là đặc biệt đáng chú ý trong cái xã hội kém phát triển...”

Nguyễn Việt Hồng

Trích trong “**Bác Hồ, con người và phong cách**”

Tập 4, Nxb Lao động, H.1993

23- [106.] Cái đuôi Tôn Ngộ Không.

Một cán bộ cao cấp dự lớp Chính Đảng Trung ương khoá 1, năm 1952 tại Việt Bắc nói với chúng tôi:

- Bây giờ xem Tây Du Ký hay, đẹp thật đấy nhưng mình vẫn nhớ mãi câu chuyện “ngoài” Tây Du Ký hay nhất mà mình được Bác Hồ dạy.

“Năm ấy, Bác đến lớp. Bác nói: “Các cô, các chú (bao giờ Bác cũng gọi các cô trước, đồng bào, chiến sỹ trước) học đã căng thẳng, nên Bác đề nghị tối nay nghỉ học để Bác cháu ta nói chuyện vui.

Cả lớp vỗ tay hoan hô, không khí lớp học sôi nổi hẳn lên.

Bác hỏi: “Trong các chú ở đây, ai đã đọc Tây Du Ký?” Nhiều cánh tay giơ lên. Bác nhìn ông Tôn Quang Phiệt là nhà hoạt động cách mạng, người đã tham gia sáng lập Đảng Tân Việt, bây giờ là Tổng Thư ký Ủy ban Thường trực Quốc hội, Bác mời ông Phiệt, đồng hương Nghệ An lên kể chuyện, nhưng yêu cầu chỉ được nói trong 15 phút. Ông Phiệt mới “đi” được vài đoạn đã hết giờ, đành thú thực “kể vắn tắt khó lắm” và ông Phiệt “trêu” lại Bác: “xin mời Bác”.

Bác cười, “thông cảm” rồi kể:

“Từ khi loài người có đầu óc tư hữu thì sinh ra nhiều thói hư, tật xấu. Đường Tăng là một vị chân tu, bản chất tốt, có lòng nhân hậu, có tính khoan dung. Ông ta muốn chống áp bức, nhưng không có đường lối cách mạng dẫn đường. Tin vào sức mạnh cảm hoá của đạo Phật, nên ông tình nguyện đi lấy Kinh Phật để truyền bá. Sau 14 năm trời, tức là qua 5.048 ngày đêm, thầy trò Đường Tăng vượt 18 vạn 8 ngàn dặm đường, chịu đựng 81 tai ương để lấy được 55 bộ kinh gồm 5.048 quyển. Đó là pho truyện dài, đấu tranh giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi nghĩa. Còn có thể tìm thấy ở Tây Du Ký nhiều vấn đề bổ ích nữa. Đường Tăng là một người có lập trường kiên định, có bản lĩnh, tạo được cái “bất biến” để đối phó với cái “vạn biến”.

Còn Tôn Ngộ Không vì không tu thành đạo được nên vẫn còn cái đuôi. Khi Tôn Ngộ Không biến thành cái đình thì cái đuôi ở sau phải hoá phép làm cái cột cờ. Bọn ma vương thấy lạ, tại sao cột cờ ở phía sau đình, phát hiện ra cái đuôi của Tề Thiên Đại Thánh nên không bị mắc lừa, không vào đình nữa, nên mưu của họ Tôn bị thất bại...”.

Nghe đến đây chúng tôi “sợ” quá. Quả là được nghe một bản “tổng thuật” về giá trị về Tây Du Ký. Biết chắc là Bác còn cái gì đó nữa nên chờ...

Bác nói tiếp:

“Người cách mạng chúng ta nếu không tu dưỡng thì cũng có phen có cái đuôi ấy, dù nhỏ sẽ có ngày gây hậu quả khôn lường”...

Cả lớp ngồi im...

Nguyễn Việt Hồng

Trích trong “**Bác Hồ, con người và phong cách**”

Sdd, tr. 177

[111.] Chữ “Quan liêu” viết thế nào?

Năm 1952, trong một lần đến thăm lớp “chỉnh huấn” chính trị cán bộ trung, cao cấp, anh em vây quanh xung quanh Bác, nghe Bác kể chuyện, dặn dò.

Cuối buổi, Bác cầm một cái que nói:

- Các chú học đã giỏi, bây giờ Bác đố chữ này xem các chú có biết không nhé!

Anh em hưởng ứng “Vâng ạ! Vâng ạ!”. Người nào biết tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc thì “nhảm” lại kiến thức của mình, người không biết tiếng nước ngoài thì băn khoăn có chữ gì khó mà lại không đọc được nhỉ?

Bác vẽ một gạch ngang trên mặt đất rồi hỏi:

- Chữ gì nào?

Tưởng chữ “phạn”... chữ “cổ đại” nào chứ chữ đấy ai mà không biết. Cả lớp hò lên: Thưa Bác, chữ “nhất” ạ.

Bác khen:

- Giỏi đấy.

Rồi Bác lại gạch một gạch nữa dưới chữ nhất. Chưa kịp hỏi, anh em đã ồn lên:

- Chữ “nhị” ạ.

Bác động viên:

- Giỏi lắm...

Người lại gạch thêm một gạch nữa dưới hai gạch cũ.

- Chữ “tam” ạ...

Bác cười:

- Khá lắm.

Rồi Người vạch thêm một vạch nữa dưới chữ “tam”

- Chữ gì nào?

“Các vị” đỡ người ra, nhìn vào vạch đầu tiên thì vừa phải, vạch thứ hai dài hơn đã có hơi lệch một chút, vạch thứ ba dài hơn tí nữa cũng không được “song song” cho lắm, vạch thứ tư dài nhất, có vẻ đã “cong” lắm rồi... Tiếng Pháp thì không phải. Tiếng Hán chữ “tứ” viết khác cơ!

Bác giục:

- Thế nào? Các nhà “mác-xít”?

Bác lại cầm một cái que vạch một vạch, rồi hai vạch dọc từ trên xuống dưới, ban đầu thì thẳng đứng, xuống đến vạch ngang thứ hai đã “queo”, vạch thứ ba thì “queo”, vạch bốn như một con giun, loằng ngoằng như cái đuôi chuột nhất...

Bác đứng dậy:

- Chịu hết à? Có thể mà không đoán ra... Các chú biết cả đấy...

Đề que xuống đất, Bác nói:

- Chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng đúng đắn... đến tỉnh thì đã hơi cong, đến huyện đã “tả hữu”, đến xã đã sai lệch. Vì sao? Vì cán bộ không làm đúng, không nắm chắc chủ trương đường lối, không gần gũi dân, không chịu làm “đầy tớ nhân dân” mà chỉ muốn làm “quan cách mạng”. Cho nên chữ ấy là chữ “quan liêu”. Các chú không học nhưng biết và vẫn làm. Còn cái các chú học, thì các chú lại ít làm...

Học viên cả lớp đứng im, không dám nhìn vào Bác.

Nguyễn Hồng Nhung trích trong “**Bác Hồ với chiến sỹ**”

Nxb QĐND, H.1994

24- [117.] “Cách mạng” theo ý Bác Hồ.

Năm 1946, khi nêu lên khẩu hiệu “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, một số cán bộ đã góp ý với Người là nghe “nó cũ quá”. Bác đã giải thích, đại ý “không phải cái gì cũng bỏ”.

Năm 1947, ở chiến khu Việt Bắc, với tên ký là Tân Sinh, Bác viết cuốn “Đời sống mới”, xuất bản lần đầu tiên ngay trong năm đó.

Trong trang đầu tiên đề cập tới “Đời sống mới”, tác giả viết: “Không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ là xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: đơn cử cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi. *“Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm.* Thí dụ, ta phải tương thân, tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước. *Cái gì mới mà hay* thì ta phải làm. Thí dụ, ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp”. Năm 1958, khi đồng chí Giang Đức Tuệ, Bí thư Tỉnh uỷ Thái Bình đến gặp Bác tại Văn phòng Chủ tịch ngày 20 tháng 10, Bác dặn: “Cách mạng chỉ xoá bỏ cái xấu, cái dở và giữ lại cái tốt, cái hay”.

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có lưu trữ một bài nói chuyện của Bác, nhan đề “Thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu” (chưa xác minh chính xác ngày tháng ra đời của văn kiện nên tạm xếp vào năm 1952).

Bác nói: “Cách mạng là tiêu diệt những cái xấu, xây dựng những cái gì tốt”.

Bác thực sự đã cho ta một tấm gương sáng về lời nói và cả về hành động cách mạng.

Bác đã nghiên cứu, đối chiếu, gạn lọc, xoá bỏ tất cả những cái “xấu” ngay trong lòng xã hội mới hiện đại, văn minh nhất đương thời, đồng thời đã phát hiện và giữ lại tất cả những cái hay, tốt, đẹp của lịch sử phát triển các dân tộc trên thế giới, cổ, kim, đông, tây. Người đã thấy được cái hay, cái tốt trong Phật giáo, Thiên chúa giáo, trong Khổng học để vận dụng vào cuộc cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng những điều hay, điều tốt của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bác cũng thấy được trong từng con người, từng cộng đồng người, tuy “cũ”, tuy “xấu”, nhưng vẫn có cái “tốt” để phục vụ cách mạng, mà cái tốt trên hết “là lòng yêu Tổ quốc, yêu nước, thương nòi”. Cho nên, đã có những người làm quan to cho Pháp, cho triều đình Huế, đã học và kiếm được nhiều tiền trên đất nước “tư bản”, những nhà “tư sản”, những “địa chủ”, những công dân sống lâu, sống sâu với kẻ địch, nhưng họ vẫn thấy được cái điều “cách mạng” ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin và đi theo “Cụ Hồ”.

Người đã đến viếng và thắp hương ở đền Bà Triệu tại Thanh Hoá, thích các làn điệu dân ca Nghệ Tĩnh, Việt Nam, Pháp, Ý. Khi nói, khi viết đều dùng lời lẽ, chữ nghĩa giản dị, khi cần thiết cũng đã nêu lên những ý hay của Tổng thống Hoa Kỳ, dí dỏm của người Anh, sâu sắc của Khổng Tử. Tất cả những điều ấy và biết bao điều khác nữa đâu có thể nói là Bác “cũ”!.

Bác đã từng nói “Một đoàn thể mạnh thì cái tốt ngày càng phát triển, cái dở ngày càng bớt đi. Một điều tốt phải đưa ra cho tất cả mọi người cùng học,

một điều xấu phải đưa ra cho tất cả mọi người cùng biết mà tránh”. Người cũng đã dạy rằng xoá điều xấu, làm điều tốt không thể gấp gáp được. Vì nếu có nấu cơm cũng phải 15 phút mới chín, huống chi là sửa chữa cả một nước đã 80 năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ cũng phải vài ba giờ mới xong”.

Trong tình hình đổi mới của nước ta hiện nay, cụm từ “Cách mạng, cái xấu, cái tốt”, nhất thiết cũng cần cho chúng ta suy nghĩ. Mở cửa đón gió bốn phương, không phải “nhập” cả những điều “mới”, “hiện đại” nhưng lại xấu xa, đồi bại, có những cái không tốt của “khách” mà chính họ cũng bỏ, tởm lợm, càng không phải một cuộc “loại bỏ” những cái “cũ” đẹp dần mất đi, cái mới chưa tốt lại đang được o bế, đang có “môi trường” sinh sôi, nảy nở. Điều này làm cho những ai đó, rất cực đoan, muốn trở lại hai đầu “cũ, cũ hết, mới, mới hết; cũ xấu hết, mới tốt hết”. Đó là một thái độ không “cách mạng”, như lời Bác dạy.

Theo cuốn: “**Nhớ lời Bác dạy**”

[88.] **So sánh.**

Sách "Sửa đổi lỗi làm việc" ký tên X.Y.Z của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào tháng 10/1947, được Nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần đầu tiên vào năm 1948, lần thứ 7 vào năm 1959. Từ năm 1959 đến nay, sách chưa có điều kiện tái bản nữa.

Chương V của sách có tiêu đề “Cách lãnh đạo”. Tiết 3 của chương này được Bác đặt tên “Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”, trong bài có đoạn Bác nhấn mạnh rằng “Dân chúng đồng lòng việc gì cũng làm được”, “Dân chúng không ủng hộ việc gì làm cũng không nên”. Dân chúng sẽ không tin chúng ta nếu cán bộ không nhiệt thành, khiêm tốn, chịu khó học hỏi dân chúng, “Biết, họ không nói. Nói, họ cũng không nói hết lời”

Đề cập đến đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay “so sánh”, Bác viết rất cụ thể: “Họ so sánh bây giờ và họ so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và họ so sánh toàn bộ. Do sự so sánh, họ thấy chỗ khác nhau, họ thấy mỗi mâu thuẫn. Rồi lại do đó, họ kết luận, họ đề ra cách giải quyết”.

Trong khi viết bài của mình, Bác Hồ cho biết: “Dân chúng so sánh đúng, giải quyết đúng”, là vì tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy.

Vì sự so sánh kỹ càng đó mà cách giải quyết của dân chúng bao giờ cũng gọn gàng, hợp lý, công bình”, “Dân chúng cũng do cách so sánh đó mà họ biết rõ ràng (cán bộ)...”

Bác còn dặn: “Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau”, “Cố nhiên không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo”.

Và Bác Hồ dạy cán bộ cũng phải biết so sánh, “So đi sánh lại, sẽ lòi ra một ý kiến mà mọi người đều tán thành, hoặc số đông người tán thành”, “thành một ý kiến đầy đủ, ý kiến đó tức là cái kích thước nó tỏ rõ sự phát triển trình độ của dân chúng trong nơi đó, trong lúc đó. Theo ý kiến đó mà làm, nhất định thành công”.

“So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có khoa học”. Cuối cùng Bác Hồ căn dặn và mong muốn “làm như thế mới tránh khỏi cái độc đoán, mới tránh khỏi sai lầm”.

Cán bộ là “Trung tâm của vấn đề”, rường cột của tổ chức, “cán bộ quyết định tất cả”. Cần phải “so đi sánh lại” để chọn đúng cán bộ cần cho Đảng, cho quân đội. “Làm như thế, chính sách cán bộ, nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng”.

Đó là những dòng chữ kết luận cuối cùng của Bác Hồ trong bài viết năm 1947 ấy.

Theo cuốn “**Nhớ lời Bác dạy**” Sđd, tr.222

25- [84.] Quyền lao động của Bác

Ở Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp, Bác có việc phải đi giữa một ngày mưa rất to. Anh em cảnh vệ lo tìm ngựa để Bác đi cho đỡ mệt. Bác nói:

- Chúng ta có 7 người. Ngựa chỉ có một con, Bác đi sao tiện. Bác cháu phải cùng đi bộ chứ. Thôi, đem trả ngựa cho dân.

Anh em nản nì mãi, Bác mới đồng ý cho dẫn ngựa theo để mang đỡ đồ đạc.

Ở an toàn khu, mặc dầu xa địch, nhưng mỗi lần chuyển địa điểm, ngoài việc làm lán trại, Bác cháu còn phải đào hầm, hố. Bác thường giúp đỡ các chiến sỹ bảo vệ vẽ mẫu hầm, cách cầm xẻng, phá đất đá, nện “choòng”... Ngay trong hầm mỗi nhà, mỗi lán Bác đều cho đào công sự để phòng máy bay tập kích bất ngờ, cây rừng đổ xuống. Cứ mỗi ngày Bác đào một ít, sau giờ làm việc vài ba buổi là xong. Ai muốn đến giúp, Bác ngăn lại, không đồng ý và nói:

- Đây là quyền lao động của Bác.

Hồng Dương trích trong cuốn “**Bác Hồ với chiến sỹ**”

Tập3, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1998.

[74.] Bác Hồ tặng gia rau cải

Mùa đông năm 1952, lúc đó tôi đang công tác ở Văn phòng Trung ương Đảng. Trụ sở cơ quan đóng tại đèo De (núi Hồng). Cơ quan Phủ Chủ tịch cũng ở sát ngay cạnh đó. Sau hội nghị chính quyền lần thứ 5 (tháng 3/1952), Chính phủ đã phát động phong trào tặng gia, sản xuất, tiết kiệm trong toàn quốc.

Ở Trung ương, cơ quan này thi đua tặng gia với cơ quan khác. Vì hai cơ quan gần nhau, tôi được công đoàn cử ra thi đua với cơ quan bên Phủ Chủ tịch. Bên Văn phòng Phủ Chủ tịch lại cử Bác là đại diện cá nhân thi đua tặng gia với cơ quan Văn phòng Trung ương.

Buổi lễ phát động thi đua diễn ra thật sôi nổi. Tôi đang sức trẻ nên thay mặt anh em đứng lên thách thức thi đua cùng một khoảng đất như nhau 36m², trong một thời gian nhất định tôi xin trồng rau ăn với sản lượng cao nhất. Bác cũng đứng lên: Bác nhận thách thức thi đua tặng gia với chú Thông, với mảnh đất 36m² trong một thời gian bằng nhau, đạt sản lượng rau nhiều hơn chú Thông. Mọi người vỗ tay hoan hô. Một số đồng chí xì xào: “Một cuộc thi đua không cân sức. Bác vừa già, vừa bận nhiều việc, địch sao được với cậu Thông

khoẻ như voi, trồng rau đã quen”. Có người nêu: “Giải thưởng thi đua là một con gà trống 2 kg”. Mọi người lại hoan hô tán thưởng. Máy đồng chí ở Văn phòng Trung ương nói to: “Nhất định chuyến này chúng ta được ăn thịt gà của Phủ Chủ tịch”. Bác nói vui: “Các chú muốn ăn gà của Chủ tịch thì phải tích cực tăng gia để có nhiều rau xanh cung cấp cho nhà bếp cơ quan”.

Tôi về suy nghĩ: để chắc ăn và có năng suất cao thì trồng cải củ, vì cải củ ở vùng này củ rất to, rất nặng. Tôi trao đổi với anh em công đoàn, mọi người ủng hộ cho là sáng kiến.

Sau một tuần, tôi đã làm đất và trồng xong 36m² cải củ. Ngay sát mảnh đất của tôi, Bác và anh em bên Phủ Chủ tịch làm rất kỹ, đất nhỏ, mịn và sạch cỏ. Hơn một tuần thì Bác reo hạt cải mào gà (cải xanh lá xoan). Anh em Văn phòng Phủ Chủ tịch làm chỗ đi tiểu gần nhà và mua một nồi hông lớn để hứng nước tiểu. Phía Văn phòng Trung ương tôi cũng huy động anh em làm nhà tiêu để lấy phân bón.

Sau một tuần các cây cải mọc đều và đẹp. Bác lấy nước tiểu pha loãng tưới. Còn tôi lấy phân bắc tưới hoà ra tưới. Mỗi lần tưới cả cơ quan bịt mũi.

Sau một tháng, hai vạt cải tốt ngang nhau. Nhiều người ủng hộ tôi cho rằng tôi sẽ thắng vì củ cải lớn rất nhanh.

Một hôm Bác nhổ rau bán cho nhà bếp chỉ được 15 kg. Bác để lại những cây to, khoẻ, mỗi cây cách nhau chừng hai gang. Một số anh em lo lắng vì thấy vườn rau Bác nhổ đi xơ xác mà chỉ được có 15 kg rau cải con. Ba buổi chiều liền, sau giờ làm việc Bác đều ra vườn dùng chiếc dầm xới đất cho cải và tưới nước giải đều.

Sau hai tháng 10 ngày thì củ cải của tôi đã to bằng bắp tay và có cây đã có nụ. Tôi nhổ và cân cho nhà bếp được 60 kg. Tôi vui mừng vì thắng lợi. Nhưng cũng lúc đó, cây cải mào gà của Bác đã to bằng cái nôm, cứ 5 ngày một lần Bác tĩa tàu cân cho nhà bếp khoảng 10 kg. Kỳ lạ thay cải mào gà càng tĩa cây càng lớn, tàu càng to và càng trẻ lâu. Sau hai tháng rưỡi cải mới có ngồng. Lúc đó Bác nhổ cả cây cho nhà bếp muối dưa. Bác còn đem biểu cụ già dân tộc gần đó 2 cây rất to làm giống. Cụ già sung sướng khoe với mọi người: “Rau cải cụ Hồ tốt thật”.

Mở sổ nhà bếp ra cộng

- Cải con: 15 kg

- Tàu cải canh: 14 lần x 10 kg = 140 kg

- Cây cải làm dưa nén: 20 kg

Cộng 175 kg

Vậy tôi thua đã rõ ràng. Công đoàn Văn phòng Trung ương phải nộp con gà trống nuôi được cho công đoàn Văn phòng Phủ Chủ tịch. Nhờ có rau tăng gia mà cả mùa đông mà nhà bếp đủ rau nấu, không phải ra dân mua. Buổi tổng kết thật vui vẻ. Tôi đứng dậy xin nhận thua. Bác nói chuyện với anh em: khi tăng gia, các cô, các chú phải lưu ý bốn điều kiện: giống, cần, phân, nước. Giống: nên chọn loại rau trồng một lần, ăn nhiều lần, củ cải dễ trồng, năng suất cao nhưng

chỉ ăn được một lần thì không bằng cái mào gà, trẻ lâu, tía ăn được nhiều lần. Cần: người trồng rau phải chăm chỉ, chọn đúng thời vụ trồng loại rau cho hợp khí hậu, rau mới tốt. Vun xới phải đúng cách. Cải mào gà khi tốt cứ mười ngày xới một lần cho rễ con đứt, chúng ra nhiều nhánh rễ hơn và hút được nhiều phân bón, muối khoáng trong đất. Phân: phải chọn loại phân bón thích hợp. Cải canh rất hợp nước tiểu pha loãng. Thứ phân tươi chú Thông bón cũng tốt đấy nhưng mất vệ sinh lắm. Nước: phải tưới đều và tưới đủ độ ẩm rau mới trẻ lâu và xanh tốt”.

Lần ấy thua Bác, tôi hết sức chú quan và rút ra được bài học mới về tăng gia.

Nguyễn Thông kể, Hồ Vũ ghi Sdd, tr.78

26- [99.] Tấm lòng của Bác với thương binh, liệt sỹ

Ngày 10 tháng 3 năm 1946 báo Cứu quốc đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam bộ. Trong thư có đoạn Người viết: “Tôi xin kính cúi chào vong linh các anh chị em đã bỏ thân vì nước và các đồng bào đã hy sinh trong cuộc đấu tranh cho nước nhà. Sự hy sinh đó không phải là uổng”.

Tiếp sau đó, trong Thư gửi đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết: “Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sỹ và đồng bào Việt Nam đã vì Tổ quốc mà hy sinh anh dũng”.

Hơn nửa tháng sau khi đi Pháp về, ngày 7 tháng 11 năm 1946, Người đã đến dự lễ “Mùa đông binh sỹ” do Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam tổ chức tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, vận động đồng bào ở hậu phương đóng góp tiền của để may áo trấn thủ cho chiến sỹ, thương binh, bệnh binh.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp đã thu hút nhiều thanh niên nam nữ tham gia quân đội. Một số chiến sỹ đã hy sinh anh dũng, một số nữa là thương binh bệnh binh, đời sống gặp nhiều khó khăn, mặc dầu anh chị em tình nguyện chịu đựng không kêu ca, phàn nàn.

Trước tình hình ấy, tháng 6 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ chọn một ngày nào đó trong năm làm “Ngày Thương binh” để đồng bào ta có dịp tỏ lòng hiếu nghĩa, yêu mến thương binh. Có lẽ - trừ những ngày ngày kỷ niệm quốc tế - “Ngày Thương binh” là ngày kỷ niệm trong nước đầu tiên được tổ chức.

Hưởng ứng và đáp lại tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một hội nghị trù bị đã khai mạc tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên gồm một số đại biểu ở Trung ương, khu và tỉnh. Hội nghị nhất trí lấy ngày 27 tháng 7 hàng năm là Ngày Thương binh Liệt sỹ và tổ chức ngay lần đầu trong năm 1947.

Báo *Vệ quốc quân* số 11, ra ngày 27 tháng 7 năm 1947 đã đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thường trực Ban tổ chức “Ngày Thương binh toàn quốc”. Đầu thư Người viết: “Đang khi Tổ quốc lâm nguy, gian sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên ta bị uy hiếp. Cha mẹ, anh em, vợ con, ao

vườn, làng mạc ta bị nguy ngập. Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù? Đó là những chiến sĩ mà nay một số đã thành ra thương binh”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: “Thương binh là người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào mà các đồng chí đó chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy, Tổ quốc và đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy”.

Cuối thư, Người vận động đồng bào nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ thương binh. Bản thân Người đã xung phong góp chiếc áo lụa, một tháng lương và tiền ăn một bữa của Người và của tất cả các nhân viên của Phủ Chủ tịch, tổng cộng là một ngàn một trăm hai mươi bảy đồng (1.127 đồng) để tặng thương binh.

Năm sau, ngày 27 tháng 7 năm 1948, trong một thư dài đầy tình thương yêu, Bác nói: “Nạn ngoại xâm như trận lụt to đe dọa tràn ngập cả non sông Tổ quốc, đe dọa cuốn trôi cả định mệnh, tài sản, chìm đắm cả bố mẹ, vợ con, dân ta. Trong cơn nguy hiểm ấy, số đông thanh niên yêu quý của nước ta quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào”.

Người xót xa viết: “Họ quyết liều chết chống địch, để cho Tổ quốc và đồng bào sống. Ngày nay, bố mẹ họ mất một người con yêu quý. Vợ trẻ trở nên bà goá. Con dại trở nên mồ côi. Trên bàn thờ gia đình có thêm một linh bài tử sĩ. Tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được. Và những tử sĩ sẽ không thể tái sinh”.

Trích trong cuốn “Tấm lòng của Bác”

Nxb Công an nhân dân, H. 2005.

[97.] **Đề Bác quạt**

Năm ấy, Bác đến thăm trại điều dưỡng thương binh ở Hà Nội.

Tin Bác đến nhanh chóng lan ra khắp trại. Anh chị em thương binh ai cũng muốn len vào gần Bác, quên cả nặng phải dùng để đi.

Đang lúc Bác thăm hỏi sức khỏe thương binh bỗng một đồng chí hồng mắt nhờ một y tá dẫn đến xin đứng bên Bác. Đồng chí Ninh đi với Bác định bước lại đỡ đồng chí ấy, nhưng Bác đã đi tới, giơ hai tay ra đón. Đồng chí thương binh ôm chầm lấy Bác nghẹn ngào “Bác ơi!”. Bác lặng đi giây lát rồi mới tiếp tục câu chuyện thăm hỏi.

Bác đến từng giường anh chị em đau nặng hỏi thăm bệnh tật đã đỡ chưa, mỗi bữa ăn được bao nhiêu bát cơm. Hôm ấy, trời nóng bức, Bác lấy cái quạt giấy vẫn dùng quạt cho các thương binh. Có người định làm thay, Bác nói:

- Đề Bác quạt.

Hôm ấy, lúc ra về Bác không vui.

Và có lẽ vì thế mà khi cơ quan định lắp máy điều hoà nhiệt độ nơi Bác ở, Bác bảo đem ra cho các đồng chí thương binh.

Nguyễn Dung

Trích trong: “**Bác Hồ với chiến sỹ**”

*** Những dòng chữ đỏ.**

Vào một ngày cuối năm 1963, đồng chí Hồng Long, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khu Gang thép Thái Nguyên khoá I (từ tháng 8-1961 đến tháng 7 năm 1964), Tổng Giám đốc Công ty Gang thép Thái Nguyên (1970-1974) được trao một tờ giấy trắng do Bác Hồ viết bằng bút bi đỏ yêu cầu cho Người biết một số vấn đề về Khu Gang thép trước khi lên thăm.

Xúc động trước những tình cảm, sự quan tâm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Khu Gang thép, đồng chí Hồng Long đã viết bản hồi ký với tiêu đề: Những dòng chữ đỏ. Dưới đây là nội dung bản hồi ký:

“Vào một ngày tháng Chạp năm 1963, lò cao số 1 vừa khánh thành xong được mấy hôm, thì anh Đinh Đức Thiện (Bí thư Đảng uỷ, Tổng Giám đốc) cho tôi biết là Bác sắp lên thăm nhân dân Thái Nguyên và Khu Gang thép.

Tin vui đến làm tôi nhớ lại ngày mới mở công trường, Bác Hồ đã lên thăm Khu Gang thép hai lần, những lần ấy nơi đây vẫn còn đói hoang và cỏ dại. Bây giờ nhà máy đã vào sản xuất, những khu nhà mới mọc lên nguy nga như một thành phố.

Cũng như mọi anh chị em cán bộ công nhân viên chức ở đây đều mong đợi ngày Bác Hồ về thăm Khu Gang thép, nên khi được tin này, tôi rất xúc động.

Anh Đinh Đức Thiện đưa cho tôi xem một tờ giấy trắng đã gấp tư cẩn thận, rồi nói:

- Đây là những vấn đề Bác cần biết rõ trước khi lên đây. Anh chuẩn bị thêm tình hình rồi cùng đi với anh Tấn lên trực tiếp gặp Bác, xem Bác có hỏi gì thêm không. Tự tay Bác viết đấy!

Tôi vô cùng xúc động cứ ngắm nghía mãi tờ giấy trên tay. Đó là một tờ giấy trắng không có dòng kẻ, chỉ có mười bốn dòng chữ vắn tắt viết bằng bút bi màu đỏ. Nguyên văn như sau:

“Gang thép Thái Nguyên

Số đ.c. chuyên za.

Số cb kỹ thuật - số cb khác.

Số công nhân: trai, gái.

Anh hùng lao động - chiến sĩ thi đua.

Quân nhân chuyển ngành.

Đội lao động xhcn.

Lương cao nhất, thấp nhất, trung bình.

Tăng za tự túc.

Đảng viên - Đoàn viên.

Phong trào thi đua - ưu điểm - khuyết điểm.

Ngày tháng bắt đầu xây dựng.

Quan hệ zũa chuyên za và cbộ và công nhân.

Quân hệ zũa cb với nhau và với cg nhân”.

Tôi bồi hồi nhìn những dòng chữ Bác viết và suy nghĩ: Bác bận trăm công nghìn việc lớn lao, nhưng Bác vẫn quan tâm đến nhiều mặt của Khu Gang thép, Bác muốn biết từ mức lương thấp nhất đến từng luồn rau, con gà, con lợn tăng giá tự túc của những công nhân, Bác muốn biết đến quan hệ giữa chúng tôi và các chuyên gia bạn; giữa chúng tôi và công nhân như thế nào...

Tôi trả lại tờ giấy của Bác cho anh Thiện. Rồi về chuẩn bị lên chỗ anh Chu Văn Tấn. Trên đường đi, tôi cứ nghĩ đến những điều đang cần phải chuẩn bị để trực tiếp báo cáo với Bác, rồi lại nghĩ đến những kỷ niệm về những lần được gặp Bác. Tự nhiên lòng tôi cứ xốn xang xao động một niềm vui”.

Trích trong “**Bác Hồ với Thái Nguyên - Thái Nguyên với Bác Hồ**”

Nxb Lý luận Chính trị.
